

15 THÁNG 7 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười hai

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG *câu chuyện hòa hội Ba-lê* *
NGUYỄN VĂN XUÂN *tiếng trống nhạc võ và tiếng
trống phê-bình* * NGUYỄN HIẾN LÊ *bài học Israel về
sự phát triển kinh tế* * HUỖNH PHAN *giáo sư trung
học, anh là ai?* * MINH QUÂN *Henri-Dunant, bậc
thiên-tài ân-nhân của loài người* * VÕ PHIẾN *cách
mạng và cách mạng* * BÙI ĐĂNG *cúi mặt* * BIÊN HỒ
kẻ chiến đấu một mình * BÙI KIM ĐÌNH *ngược
chiều* * TRẦN ĐẠI *hát trên quê hương rã rời: đoàn
văn-ngệ Nguồn - Sống* * MỘNG TRUNG *nhạc Việt
xứ người: chuyển di Luân-dôn* * XUÂN HIẾN *nhớ Bách-
Khoa* * TRẦN HOÀI THU *mai em có về* * LÊ BÁ LĂNG
những giọt nắng cuối cùng *
TỪ TRÌ *thời sự thế giới* *
TỪ DIỆP *thời sự khoa học*

277



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0.5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0.5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0.50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 76

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê — SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh — SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 277 ngày 15-7-1968

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG <i>câu chuyện hòa hội Ba-lê</i>	3
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>tiếng trống nhạc võ và tiếng trống phê-bình</i>	7
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>bài học Israël : sự phát triển kinh tế của Israël và những kibboutz...</i>	13
HUỖNH PHAN <i>giáo sư trung-học, anh là ai ?</i>	21
MINH QUÂN <i>Henri-Dunant, bậc thiên tài ân nhân của loài người (người sáng lập Hồng-thập-tự quốc-tế)</i>	26
VÕ PHIỄN <i>cách mạng và cách mạng</i>	33
BÙI ĐĂNG <i>cúi mặt (truyện dài)</i>	41
BIÊN HỒ <i>kẻ chiến đấu một mình (truyện ngắn)</i>	50
BÙI KIM ĐĨNH <i>ngược chiều (truyện)</i>	55
TRẦN ĐẠI <i>hát trên quê hương rã rời : đoàn văn-nghệ sinh viên học sinh Nguồn Sống</i>	60
MÔNG TRUNG <i>nhạc Việt xứ người : chuyển đi Luân-đôn</i>	67
XUÂN HIỂN <i>nhớ Bách-khoa (thơ)</i>	73
TRẦN HOÀI THU <i>mai em có về (thơ)</i>	74
TỪ TRÌ <i>thời sự quốc-tế</i>	75
LÊ BÁ LĂNG <i>những giọt nắng cuối cùng (truyện ngắn)</i>	78
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	81

HỘP THƯ

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Chỗ ngồi (Trầm-Kha), Nỗi buồn nhược tiểu ; Thư viết từ đời 4.100 (Hoàng công Thiếc) ; Chờ ; Rừng chiều (Nguyễn văn Cát Sơn). Năm năm dòng sông thơ (Quang Hoài). Niềm đau của tuổi 20 ; Cười đi em (Đặng thanh Tùng). Ngày rời lộc hạ ; Một chỗ ở thị trấn (Lê phiến Vươn). Mùa xuân qua mau ; Niềm tủi cực ; Những ngày chưa quên (Mai duyên Hải). Chiều lên (Người tóc dài). Giao mùa (Triều Giang). Nguồn gốc một vài địa danh V.N. (Hoàng mộng Ngọc). Cô bé tuyệt vời trên Cao nguyên (Hoàng ngọc Tuấn). Tình ca mùa xuân thứ nhất, thứ nhì, thứ ba. (Quang). Một lần chiến bại (Văn lệ Thiên). Ký ức ; Hồn vương quốc (Nhất thương Linh). Bài Nhoi khánh ; Đối thoại ; Còn lại (Hồ nguyên Hoang So). Những dấu tích ngày qua ; Gục mặt trên quê hương ; Viết từ trại nhập ngũ 1 Đà Nẵng (Lê ngã Lễ). Năm tháng của chàng ; Buổi sáng mùa đông (Nguyễn Đình). Thư cho mẹ ở Huế ; Nhìn xuống ; Với vợ hiền (Hoàng gỗ Quý). Trời chưa màu sắc ; Người bên cõ Thành (Lê văn Ngảo). Một mặt trời nở tung ; Con ngựa gầy ; Buổi chia tay mùa hạ ; Cho loài người ngu ngơ ; Trước khi chết ; Thần thoại hoang ; Cho tuổi mười sáu (Nhã Trầm).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp có thư riêng) thì quý bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— *Ô. Phan-phụng-Thạch* : đã đăng « Tháng hạ » trên B.K. số 267 (1-7-68)

nhưng không rõ địa chỉ nên tòa soạn không gửi báo biểu được. Xin cho biết địa-chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

— *Anh Thành-Tôn* : Đã nhận được các bài thơ của anh và sẽ lựa đăng. Chúc anh mọi sự may mắn (L.C.)

— *Cùng anh bạn trẻ* : nhà ở Nguyễn-thiện - Thuật, gặp tại quán Tân-thanh ở Tân - định, chiều 16 - 5 - 68. — Bạn đã cầm nhầm hai quyển kịch của tôi : « Quán Thăng-Long » và « Yêu-Ly » của Lưu-quang-Thuận, mong bạn gửi tại tòa soạn Bách-khoa. Cảm ơn bạn trước.

NGUYỄN-NGU-Í

SÁCH MỚI

Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn tác-giả, và nhà xuất bản đã gửi tặng những sách sau đây.

— *Anh Môn* nguyên-tác Le Grand Meaulnes của Alain-Fournier ; bản dịch của Mặc-Đỗ, do Cảo-Thơ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 354 trang, bìa và phụ bản của Thái-Tuấn, Hồ-Hải trình bày.

— *Một bản tình ca* nguyên-tác : Banka của Youssuko Harada, bản dịch của Bích-Kim, do Cảo-Thơ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 284 trang, bìa và phụ bản của Thái-Tuấn, Hồ-Hải trình bày.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ - thuật nên Bách-khoa số này trễ mất 2 ngày. Xin cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Tạp chí BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

Câu chuyện hòa hội Ba-lê

Thực tế ngày càng buộc những tham vọng, tưởng như không bờ-bến, phải co rút lại trong một số hình thức dung hợp. Phải trực tiếp đánh nhau vài năm trời trong một trận chiến dự đoán vài giờ đồng hồ đổ bộ như ở San Domingo, các viên chức Mỹ mới đưa ra kết luận : «Việt-Nam là bài toán rắc rối nhất mà Mỹ đã gặp ». Phải chịu thử thách của napa'm, B.52, và sự đe dọa của vũ khí nguyên tử chiến thuật, người Cộng-sản Việt mới suy nghĩ lại về vai trò tiền phong tự nguyện của mình trên chiến tuyến « dân chủ hòa bình ». Tự tin với kinh nghiệm 10 năm kháng Pháp, tin tưởng nơi hậu phương miền Bắc, nơi sức nặng quốc tế của khối xã-hội chủ nghĩa, họ đã dai dẳng lì lợm hơn. Những sự nứt rạn dĩ nhiên của khối Cộng-sản cũng khuyến khích kẻ thù của họ mạnh tay hơn. Vì sự sống còn của chế-độ, người Mỹ chùn bước ở Bá-Linh, cứng rắn ở Cuba, lấn lướt ở San Domingo. Mặc cảm tự tôn đã đem lại cho họ một ít kinh nghiệm ở Cao ly, khi bị trói tay vũ-khí nguyên tử, họ phải đương đầu trong một trận chiến tranh cõng diền nhiều tính chất Á-đông với hai nước « anh em » Trung-Nga lúc còn mặn nồng hợp-tác. Nhưng năm 1964 có khác năm 1950. Trung-cộng muốn đoạt vai trò lãnh-đạo các nước nhược tiểu trong tay Nga, lại không đủ sức làm e dè người khác, phải mắc mứu vào trong sự thanh toán nội bộ đối với

những kẻ thỏa-hiệp cũ, thời chống Quốc-dân-đảng, cũng những tay hòa-hoãn mới, phát sinh bởi tình-thế nhuộm màu « Thiên-triều » cho mác-xít. Cho nên người Cộng-sản Việt nên nghĩ rằng nếu không có chiếc Maddox bị bắn thì vụ Vịnh Bắc-Việt vẫn xảy ra bởi một duyên cớ khác. Việc oanh tạc miền Bắc là kết quả dĩ nhiên của luận-lý chiến-tranh. Tuy có thể giả-thiết rằng đối với người Nga, chiến tranh Việt-Nam, một mặt ngăn chặn sự ổn định xã-hội ở Mỹ, một mặt đem tình-thế bất-an ở Đông-nam-Á đe dọa Trung-cộng, giải-tỏa vấn-đề biên-giới ở Sibérie, Tân-cương. Nhưng lần này Trung-cộng may mắn hơn lúc ở Cao-ly, không phải hao tổn nhiều quân tinh-nhuệ, chỉ nhờ vào đám học trò chăm chỉ—chăm chỉ áp dụng bài học chính-trị đến gần thành nô-lệ, như P. Honey quen thói kiêu-ngạo đã mĩa mai — mà có thể bêu rếu kẻ thù đề đề cao vai trò lãnh-đạo chống đế-quốc của mình.

Cho nên, hòa hội Ba-lê thật không làm cho Trung-cộng hài lòng. Cuộc nổi loạn của sinh viên Ba-lê làm lu mờ hội-nghị, có người đã nghĩ là do Trung-cộng dụt giây. Vấn-đề có lẽ tế-nhị hơn nhiều. Từ khi các nước Tây-phương sung túc, cường thịnh, tư-bản chia lợi-tức kiếm được với thợ thuyền để xoa dịu bất mãn, thì đám người gọi là vô-sản đó không nổi loạn đề lật đổ chế-độ nữa. Họ chỉ

đình công, chiếm xưởng để đòi tăng lương, tăng mức lời thối. Ước vọng về tính-chất đại-dồng, suy nghĩ về sự áp-bức, đòi hỏi tự do, về số phận các dân-tộc nhược-tiểu, lại tập trung trong đầu óc những người thoát ra ngoài ít nhiều những bận tâm về sinh-kế, không bị những quyền lợi riêng tư ràng buộc, đủ để khinh bỉ chế-độ đã đem lại sung túc cho họ : lạ lùng mà là sự thực, đó là những thanh niên học sinh, sinh viên nổi loạn từ Nam-tư, Ba-lan, Tiệp-khắc, qua Anh, Đức, Pháp, khiến cho phong trào Teach-in của Mỹ không đến nỗi lẻ loi. Trong sự va chạm với các nước thực dân, các thuộc-địa mới, cũ, cũng phát sinh một hiện-tượng tương-tự : đám nông dân bị bưng bít trong ngu tối phải chịu sự dắt dẫn của những sinh viên, trí thức, con cái quan lại, địa-chủ, tư-bảo bản-xứ. . . đi tìm con đường nổi loạn có kế-hoạch của mác-xít. Sức mạnh chống đối của tầng lớp ưu-đãi đó, có lẽ chỉ có Mao-trạch-Đông là biết dùng để ủng hộ mình, đè bẹp kẻ nội-thù " cầm quyền lớn nhất trong Đảng theo con đường tư-bản ". Được sự khuyến khích của Nhà nước Đảng, Vệ-binh-đỏ thành một sức hấp dẫn lôi cuốn những người trẻ ở th^l-giới tư-bản. Mối lo ngại của những nhà cầm quyền ở các nơi này không phải là không hữu lý, tuy khuynh hướng thân Trung cộng trong đám người trẻ ở đây bây giờ còn chưa vượt quá giới hạn ước vọng, vì chưa có những bằng-chứng về dấu hiệu điều khiển trực tiếp của Trung cộng.

Trong khung cảnh rối ren như vậy của Ba-lê, Mỹ, Bắc-Việt vẫn kiên nhẫn hội họp, kiên nhẫn chờ đợi nhau. Địa điểm Ba-lê tuy do Bắc Việt đề nghị, nhưng không phải là không mang lại thua thiệt cho họ.

Mỹ tuy thường bị De Gaulle đả kích, nhưng ở Ba-lê, họ cũng đã hạ dạ phần nào khi thấy dân Pháp biểu tình đòi hạ bệ De Gaulle.

Vả chăng tại nơi đây, họ có một tòa đại-sứ với đông đảo nhân viên phụ giúp, có hệ thống thông tin liên lạc tối tân trực tiếp với Bạch cung, được sự ủng hộ gần gũi của các chủ-nhân-ông Á-phi cũ. Bắc-Việt đến nhà một " người thù cũ", cách xa hàng vạn cây số, phải cử thêm một nhân viên Trung-Uông Đảng làm cố vấn cho phái đoàn, truyền lệnh trực tiếp, thay thế cho lối chuyển-lệnh bằng đài phát-thanh dân-sự quá lộ liễu.

Nhưng dù sao những kẻ thù cũng đã mặt đối mặt rồi. Không khí chiến tranh tràn ngập phòng hội : người ta ồn ào công kích nhau, rình rập sơ hở của nhau, đưa mỗi ra như, phỉnh gạt để dấy nhau vào trông.

Trong nhiệm-vụ đó, Harriman xứng đáng là kẻ đối đầu sừng sỏ khi tận dụng những sở-đắc thu thập được trong các cuộc hòa đàm với cộng sản từ thời Stalin. Nguyên tắc xem chính-trị là tiếp nối chiến-tranh không phải là độc quyền của những người Cộng sản. Trên bàn hội nghị Harriman đã gắng làm những gì mà Mc. Namara và Westmoreland không thành công. Những bài diễn văn của ông, được dịch lại đăng đầy đủ trên các tờ báo Việt ngữ, tiếp nối nhau lộ rõ chủ đích khiến không những đối phương mà những người quan sát thông thường cũng có thể thấy được. Tổng thống Hoa kỳ ra lệnh ngưng oanh tạc phía bắc vĩ-tuyến 20, tuy chỉ theo một đề nghị cũ của một số tướng lãnh, chính khách Mỹ, để tập trung hỏa lực chính xác, ác liệt hơn, nhưng sự thu hẹp đó vẫn rõ ràng là một hành động xuống thang chiến tranh (to lớn hơn nội-dung), nên phần còn lại, Harriman có thể ra giá để đòi

hỏi đáp ứng về phía đối phương.

Hiệp-định Genève 1954, giống như vai trò của ông bình vôi cũ, được cả hai phía nhắc lại coi như văn-kiện căn-bản để giải-quyết chiến-tranh. Bắt lấy lời tố cáo Mỹ xâm phạm khu phi-quân-sự, Harriman đề nghị tái lập phần đất trái độn này để cắt đứt xâm nhập từ phía Bắc ngang qua đó. Thế là khỏi cần lập chiến-lũy điện-tử Mc. Namara? Trong lúc Bắc - Việt lúng túng với sự thừa nhận có quân Bắc tại miền Nam, thì Harriman lại chuyển vấn đề qua xứ Lào, dựa trên một hiệp-định Genève tiếp theo, nhấn mạnh đến tính cách trung-lập, độc-lập của quốc-gia này, những tính cách mà Bắc-Việt hay đòi hỏi cho Việt-Nam. Mục đích rõ ràng là nhằm bịt kín con đường Hồ-Chí-Minh, công việc mà B. 52 không hoàn thành và Mc. Namara toan tính thực-hiện bằng cách làm sao cho chiến-lũy leo qua biên-giới. Mục đích khác, hợp với lời tuyên-bố của Thủ-tướng Souvana Phouma, muốn chỉ rõ Bắc-Việt xâm-lăng Lào. Tất nhiên, Xuân-Thủy không đại gì chui vào trong, vì Bắc-Việt không thể bỏ rơi hàng trăm ngàn đồng-chí của họ ở Miền Nam cùng thành quả quấy đảo trong 10 năm.

Tiếp tục chiến-tranh trên bàn hội, Mỹ cũng tiếp tục thanh toán nội bộ. Chiến-tranh Việt-Nam khuyến khích chiến-tranh da màu trên đất Mỹ. Thực-tế mà nói, sự thành lập một nước đen trên đất Mỹ không thể nào có được, cho nên đòi hỏi của bọn bạo-động chỉ là những đòi hỏi tuyệt-vọng và người da trắng có thể an-tâm không e ngại quyền lợi suy suyển. Nguy hiểm chẳng đối với họ là phong trào do Martin Luther King lãnh-đạo.

Tổ-chức « tuần hành của những người nghèo » đồng-hóa mâu-thuẫn chủng-tộc với mâu-thuẫn giai-cấp, nâng cao ý-nghĩa tranh đấu, đem giá trị người da đen đặt ngang hàng với da trắng. Đó là điều không thể tha thứ được. Phe bạo động được khuyến khích bởi biến cố ở Nam Việt-Nam, có vẻ làm tăng điều-kiện nhượng-bộ của người da trắng cầm quyền đối với Mục sư King. Bởi vậy Mục-sư King phải chết cũng chẳng có gì lạ.

Tiếp theo, đảng co hòa-hội Balê ít hay nhiều cũng là nguyên-nhân gây nên cái chết của Bob Kennedy. Thêm cái bàn cái ghế nữa, đường lối chiến tranh vẫn còn tiếp tục cái đà của nó, với chút nguy hiểm là thành quả sẽ về tay kẻ khác. Tìm và xác định ai giết Kennedy — cũng như ai giết King — là phần việc của cảnh-sát và tòa-án, nếu họ có thể làm được; làm lễ quốc táng cho họ — cũng như người Nga phục hồi danh dự cho các lãnh tụ của họ — là chiến-thuật của người sống. Kết quả, ngoài những bận tâm đó, là có một người đối-kháng chính-sách đã mất đi, đối phương có thể mất hi-vọng quấy đảo nội-bộ, và bị thôi thúc thỏa-hiệp nhanh chóng hơn.

Về luận-cứ và đường lối của Bắc-Việt ta biết ít hơn, gián tiếp qua những bình luận hay tin-tức giản-lược.

Dữ kiện ít ỏi không cho ta biết vì lẽ gì người Cộng-sản Việt lại thiếu khôn ngoan đến phủ nhận sự-thực có bằng cứ là có quân Bắc-Việt ở Miền Nam. Thực ra trên lãnh-vực lý-luận, khi Bắc-Việt lấy danh nghĩa là người Việt đề vào Nam thì tuy họ làm khuất tất đàn em của họ ở Miền Nam để không phân biệt quân Bắc-Việt, quân Giải-Phóng mà chỉ có quân Việt-Cộng (người Việt cộng-sản), và tuy phải nói chuyện với chánh-phủ

Quốc gia ở Saigon, nhưng họ loại trừ ngay được người Mỹ, nghĩa là tình thế xảy ra phù hợp với điều họ đòi Mỹ rút khỏi Miền-Nam. Còn — vẫn bằng lý luận — nếu người Quốc-gia không cho người Bắc-Việt có quyền vào Nam, nghĩa là tách biệt Việt-Cộng với Bắc-Việt, thì phải công nhận có một phần dân chúng Miền-Nam theo Cộng-sản, chống lại chính-phủ Saigon và nếu chính phủ từ nhiều năm qua không dẹp họ được bằng võ lực mà phải đi đến điều đình, thì không thể điều đình với Bắc-Việt mà phải với cái phần dân chúng ly khai đó — gọi là Mặt trận Giải phóng hay là Việt-Cộng cũng được.

Nhưng lý luận trên không có. Từ xưa trên sân khấu, các tướng vắn múa thương, vung trùy, dậm chân, trợn mắt chửi nhau là loạn-thần, tặc-tử. Cho nên chiến-thuật vừa đánh vừa nói chuyện không phải là sản phẩm riêng biệt gì của Mao-Trạch-Đông. Sau biến-cố Tết Mậu-Thân, là các cuộc hành-quân giải-toả Sài-gòn/ Khe-sanh, hành quân căn quét A-shau, chiến dịch Trương-công-Định ở vùng IV... Mười ngày trước hoà-hội ở Ba-lê là cuộc Tổng-công-kích đợt II và tiếp đó là trận khùng bố Saigon bằng pháo kích. Đối với nhà quân sự thì vài chục trái đạn tung vào một thành phố 2 triệu dân chỉ có thể coi như kết quả của một chiếc phi cơ lạc loài đánh rồi chạy, nhưng đối với dân chúng quen sống yên ổn thì ảnh hưởng tâm-lý không phải nhỏ.

Cũng giống như trên sân khấu, lúc

đào kép đứng trơ ra thì tại hậu trường thầy tuồng lằng-xằng núp ở cánh gà nhắc vở, hoà-hội Ba-lê đứng ở một chỗ thì những cuộc vận-động ngầm phải tăng cường-độ. Chưa có gì tiết lộ bên ngoài, nhưng sự thay đổi ở chính trường Miền-Nam có thể được coi là một mốc quan trọng để người dân ở đây vin vào đó mà suy luận. Có gương viên đá dò đường cho việc kêu gọi cho phép những kẻ thất súng trở về, trả tự do cho những người bị gán ghép là có tội, đề tăng cường đoàn kết dân tộc hay đề tăng thêm hàng ngũ chống đối những kẻ của một thời chiến tranh? Những lời tuyên bố với «tính cách cá nhân» của những nhân vật có trách nhiệm, có thẩm quyền, cùng đòi hỏi chính phủ tìm kiếm hòa bình phát biểu trong một cuộc họp báo của đoàn-tể, có thể được nghi là những chuẩn-bị dư-luận để sau sự thỏa-thuận Mỹ-Bắc-Việt ở Ba-lê có thể tiếp ngay cuộc hội đàm khác với thành phần khác.

Tổng-thống Johnson khi tuyên bố không tái ứng cử và kêu gọi hòa đàm ngay lúc nhiệm kỳ của mình chỉ có 9 tháng là chấm dứt, lẽ nào để chịu gánh nặng gây chiến đè lên vai mình còn vinh dự đem lại hòa bình lại về tay kẻ khác?

Ở trong còn lắm điều hay...

Lời Tú-bà chỉ bảo cho cô Kiều ngây thơ có thể hiểu như là một dẫn dò cảnh giác cho những người muốn nhìn vào sân khấu chính-trị vậy.

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỞNG

(15-6-68)

Tiếng trống nhạc võ và tiếng trống phê-bình

Bài này, tôi viết trong khoảng Tết Mậu Thân. Viết xong, tôi xếp lại ngay vì nghĩ trong những ngày nhân dân đau khổ, mình không làm được điều gì ích lợi mà còn bàn chuyện trống kèn thì thật bất hợp thời. Nhưng nay, xem chừng tình hình văn học có trở lại mức bình thường và nhất là mới đây, tôi được đọc một bài điểm sách của Nguyễn-hiến-Lê trong *Tân Văn số một*, trong khi nhắc đến Bình Định, tha thiết muốn biết « cồng nhạc Tây Sơn » nên tôi phải moi nó ra. Cồng nhạc Tây Sơn là một « Khám phá » của Hồ-hữu-Tường năm ngoái, khám phá đó nghe như còn được dẫn chứng ở một địa-diểm ở Sa'gon. Tôi không được dự, nhưng nghĩ rằng một vấn đề quan hệ như thế, nếu có thật và có giá trị lịch sử thật, thì càng nên nghiên cứu đúng tầm mức giá trị của nó trong nghệ thuật sử và khai triển trong tương lai để bảo tồn và phát huy một quốc túy. Nhưng nếu thực sự nó không có giá trị lớn lao ấy mà chỉ là câu chuyện của chàng Phi Lạc mơ hồ thì cũng cần để chấn chỉnh lại dư-luận nhất là đừng đề các sử gia, các nghệ thuật lịch sử gia dẫn người đọc đi xa như chính nhà biên khảo Nguyễn-hiến-Lê từng « bị » huyễn hoặc, bởi chàng Phi Lạc tài ba nhưng lụp chụp.

oOo

Sự thực, nói về trống, tôi cũng rất ít hiểu biết. Bài này nhân ngày xuân bàn chuyện trống kèn cho nó vui, chứ tôi tưởng ai có ở miền Nam, biết qua các ngành cúng tế ở cung đình vua chúa, ở miếu chùa, nhất là trống ở các hí trường như hát bội mà dám nói mình am tường tiếng trống thì thật là gan đầy mình ! Nhưng đây là việc của các vị chuyên môn. Còn những anh ký-giả, bất quá nghe đâu nói đó thì chắc cũng chẳng mấy ai bận tâm phiên trách, nhất là lại nghe chuyện trống kèn trong thời xuân nhật.

Ông Hồ-hữu-Tường đã viết những gì về nhạc võ Tây Sơn ? Không phải chuyện nghệ thuật thuần túy mà chính là nghệ thuật liên quan đến những trang sử vĩ đại và chỉ dẫn cho các sử gia một phương pháp nghiên cứu trong Sử Địa số 9-10 (số đặc khảo Quang-Trung) :

« Nếu nghiên cứu sử Tây-Sơn, theo phương pháp từ a, từ b, đến đoạn quân Tây Sơn đánh hai đồn Hà Hồi và Ngọc Hồi trong đêm tối, mà thấy chép quân nhà Thanh chỉ nghe tiếng trống tiếng loa và tiếng hò reo của đạo quân Ó, thì hàng đầu ngay, thì các nhà viết sử rất ngạc nhiên sao lại có chuyện nhạc gan như vậy. Bị từ a, từ b đã ghi, thì đành chép vào, chớ sử gia ta chỉ cho khỏi băn khoăn ? Nhưng nếu đến được Bình Khê mà dự lễ Đống Đa

Mậu Than, thấy và nghe đánh nhạc võ Tây Sơn. thì ắt là chẳng còn băn khoăn chi nữa.

Nhạc võ gì mà có tính cách quyết định chiến trường đến thế. Thật là còn hơn địch Trương Lương (chỉ thành công khi quân đối phương thất điên bát đảo) hay tiếng đồn (chắc là bịa đặt) của Khổng Minh tọa lâu. Không biết lịch-sử chiến tranh Âu-châu có ghi lại một thành tích nghệ thuật nào ảnh hưởng vĩ đại đến thế không? Ông Tường tiếp:

Phải đến Bình Khê. Bởi vì phép đánh trống này, trước đây chỉ có một người giữ lại được. Người ấy là ông Tám Ngang. Ông biết nghệ thuật này, nhưng cũng như ông cha đã căn dặn, luôn luôn giấu. Bởi vì ở dưới triều Nguyễn, mà nhạc võ này là bí truyền của Tây Sơn, lỡ mà thiên hạ biết rằng mình giữ được bí truyền, ấy là tỏ dạ trung thành với Tây Sơn thì tất nhiên không sao tránh được việc bị nặng tội.

Và ông giải thích về cái thứ Nhạc võ bí truyền, vô cùng nguy hiểm cho ai biết nó đó như sau:

Gọi là nhạc võ, điều ấy ai có xem qua một lượt thấy đều nhìn nhận như vậy. Nhạc sĩ không chỉ là nhạc sĩ, mà phải thêm là một võ sĩ. Cử chỉ đập trống, đánh bằng đùi, bằng bàn tay, bằng cùi chỏ, bằng ngón tay, bằng nắm tay và khi đến bậc siêu đẳng, thì cả đầu, cả hai gót, cả hai cái thúc trên năm cái trống đặt sau lưng, các bộ mú rõ ràng là một võ sĩ đang múa một đường quyền. Điệu nhạc lại hùng hồn, thôi thúc. Nhịp càng phứt càng nhứt, sự hùng dũng không sao tả được.

Đặc biệt là nhạc khi chánh yếu là bộ trống tối thiểu 12 cái (bậc siêu đẳng mới sử dụng đến 17 cái, thêm 5 cái để sau lưng)

lớn nhỏ khác nhau, tiếng trầm bổng theo cung bậc của âm nhạc. Thành thử khi trời nhạc thì tiếng trống thành một bản nhạc đặc biệt hùng vĩ. Tuy nhiên có kèn, có đồn, có chũp chũa khắc nhịp để đổi theo, hầu làm cho ai nấy biết rằng tiếng trống có bài, có bản, chứ không phải bạ đâu đập đó.

Sau khi kể tên những bài bản có tính cách quân sự như khai trường, xuất quân, thúc quân, khai hoán, ông còn dùng trí tưởng tượng dẫn ta đi ngược lại giòng lịch sử, nơi chân trời của một chiến đấu oanh liệt mà hải hùng và tiếng trống đã trở thành sức mạnh và vô địch diệu kỳ:

Trong tám tối, nghe một giàn nhạc võ trời lên, người ngoại quốc không khỏi mắc vào một cái lằm vằm vĩ đại. Thường các đạo quân đều có dùng trống để thúc quân. Trống của thiên hạ, chỉ tung ra một âm bậc duy nhất. Nghe một cung bậc, thì ta biết ngay là chỉ có một đạo quân mà thôi. Bây giờ ta thử đặt ta vào tâm trạng các lính nhà Thanh trong đồn Hà Hồi. Tám tối mà nghe tiếng trống có đến mười hai âm bậc khác nhau, sẽ đoán rằng có đến 12 đạo quân Tây Sơn đến đánh mình. Một cự lại đến 12, cái đồn Hà Hồi của mình làm sao đương cự nổi với "biền người từ Nam tràn lên"? Giải thích được cái tâm trạng sợ hãi của lính nhà Thanh, ta mới giải thích được do đâu mà quân Tàu không dám đánh, mà hàng đầu ngay...

oOo

Cái khám phá quan trọng của Hồ quân có vẻ dao-to-búa-lớn, nhưng thử đặt một vài nghi vấn xem nó có thể đứng vững không, trước khi đi vào chuyên môn của nó.

1) Hồ quân bảo trống võ ấy là của nhà Tây Sơn chế ra. Điều ấy chúng ta rất mong được chứng thực là đúng như

thể cho nó hợp với cái ước vọng biết thêm các khả năng đa dạng của một triều đại hiền hách. Nhưng liệu Hồ quân đã hỏi được nhiều bồ lão ở Bnb. Khe chưa? Hỏi những người có biết về nghệ thuật, có nghiên cứu ít nhiều sử sách chưa hay chỉ hỏi những tay ngang hoặc riêng một người đánh trống là Nguyễn Paong? Vì ở Bình Định mà nói về kiến thức thì Quách Tấn có thể kể vào hạng chú ý nhiều về Tây Sơn. Thế mà theo Nguyễn-hiến-Lê thì ông không được xem nọ Quách nói gì về một điểm vừa có liên quan nghệ thuật vừa làm vinh dự cho nhà Tây Sơn mà thi sĩ yêu đến thế (1). Hay hỏi một người chuyên môn ngành trống ấy, mà ai cũng biết tên và tôn vào tay lão luyện là Mười Thông chưa? Ngoài ra ông có đề ý là nhiều tỉnh khác cũng có đánh trống kiểu ấy hay không?

2) Hồ quân bảo là khi quân Thanh nghe mười hai cung bậc khác nhau, họ bắt tưởng là có 12 đạo quân. Thế thì những nhạc võ sinh hay nhạc võ sư ấy đánh như thế nào? Chắc ông Tường đã thấy đánh trên sân khấu và cách xếp đặt loại trống ấy như thế nào rồi. Trống ấy phải giăng hàng theo sự thuận lợi trước mặt và sau lưng (nền cần đánh nhiều cái) vậy nhạc võ sinh phải làm thế nào mang cả tá trống ấy theo? Tất nhiên chỉ có một cách thuận lợi là làm những cái xe đẩy cho giàn trống đi để nhạc võ sinh đỡ ngón tài tình. Ngoài phương pháp này, tôi chắc không có phương pháp nào khác. Và tôi có thể đoán là đường xấu, xe chưa có bánh cao su và bị trong *moa-dơ* thì chắc xe sẽ bị vòng dứ lắm. E nhạc võ sinh đánh có lệch lạc đi nhiều. Và chắc phải té vì đường xóc hoặc vì sự xoay trở quá nhanh để đánh cho đủ 12 hoặc 17 tiếng trong-

một-nhịp. Như thế thì tại sao Tây-sơn không nghĩ ra một phương pháp thuận-lợi: dùng mỗi toán 12 người, dùng 12 loại trống to nhỏ (2) khác nhau cùng đánh vang lên. Đánh như thế mới có đủ cường độ gây thanh thế. Cứ đánh bằng cùi chỏ, ngón tay, dù cùi chỏ ngón tay của võ sĩ Thái cực đạo, e cũng chỉ phát ra những tiếng búng bục, làm gì có âm thanh hùng tráng và vang dội của dùi gỗ?

3) Liệu Hồ quân có phân biệt được thế nào là a/ trống trận và trống biểu diễn trên sân khấu? và b/ trống biểu diễn nghiêm trang cũng biểu diễn hài hước không? Sân khấu cổ điển có những luật lệ riêng của nó mà nước nào cũng mặc nhiên công nhận là khi diễn cái hùng tráng hay bi thảm thường phải nghiêm trang không thể dùng cử chỉ máy móc, nhẩy nhót của ngành hài hước. Một người đánh cả chục cái trống mà đánh bằng tay, bằng chân, bằng ngón tay, bằng đầu, bằng cùi chỏ thì chỉ có thể hiểu là một trò hề chứ không thể có tính chất nghiêm trang, hùng tráng. Tường tượng quân Thanh mà thấy một chàng nhạc võ vừa đứng trước một dàn trống trên xe đẩy, vừa dùng những tay, những chân, những cùi chỏ, những đầu để mà đánh trống chắc chúng cũng đến bỏ lê ra mà cười rồi xin hàng tuốt tuốt cả, chứ chẳng chơi!

oOo

Tôi nói thế, không phải nói đùa, mà là nói một cách nghiêm trang. Vì nó là

(1) Chi tiết này tôi mới thêm. Trước tôi đề tên một nhân vật khác, sau khi đọc Nguyễn hiến Lê ở Tân Văn.

(2) Thúc quân mà dùng các loại trống kẻ cái trống con con thì có lẽ là một sáng, kiến mới của 1967. Hát bội mà còn dùng nổi trống, lệnh lớn trong việc ấy!

sự thực. Sự thực là từ nhiều năm (hay nhiều thế-kỷ) khán giả Miền Nam đã từng cười, cười một cách rất ư là thẳng thắn với lòng khâm phục cũng rất thẳng thắn khi nghe và xem biểu diễn lối đánh trống này. Và lẽ tất nhiên không phải ở Hà Hồi mà trên sân khấu hát bộ. Lối đánh trống ấy, hát bộ gọi là *Trống Diều*. Diều tức là bông lơn, làm hề để cười cợt cho vui. Ở Quảng-Nam cũng gọi nó là Trống Diều hay trống ông Ninh ông Xá vì thường khi đánh có hát kèm theo bài lý Ông Ninh bắt đầu bằng hai câu :

Ông Ninh ngồi toạ bên lầu

Bá quan văn võ đứng chầu hai bên.

Lối đánh trống này cốt thật nhanh. 3, 6, 9, 12 cái tùy theo tài năng mỗi người làm sao đánh tất cả vào một nhịp. Trống thì ban hát cò trống gì, xách ra trống ấy tùy sự thuận lợi như trống quân, trống chiến, trống bản, trống dẹp v.v... Người đánh trống có thể có một giàn nhạc phụ họa và đứng ở giữa những kèn, đàn, phách, phèng la v.v... ấy. Thường tiếng cười khán giả không ồ ạt nhưng ý nhị vì thấy người đánh trống múa may nhanh chóng lạ thường và cũng *dứt cái-rụp* theo âm nhạc.

Trống Diều không có chỗ đứng trong một tuồng hát. Nhưng như chúng ta biết tuồng hát bộ thường rất co giãn. Khi thiếu giờ, họ có thể rút ngắn, khi thừa giờ họ thêm những trò giải trí vào như hề, múa võ, hát dân ca để kéo dài các lớp. Trống Diều hay trống ông Ninh ông Xá thường được đưa vào để lấp những chỗ trống, như khi có một vị công tử đi chơi, cần cho cuộc đi chơi ấy thú vị hay khi có đám ma một nịnh thần, cần làm một trò hề cho bớt phần long trọng thì người ta cầu cứu đến trống Diều. Hoặc thời Pháp thuộc khi có một viên

quan Pháp được quan lại Việt Nam mời xem bát bộ, người Pháp nào có hiểu Ất Giáp gì, thế là phải nhờ biểu diễn trống Diều để cho Tây xem giải trí...

Lối đánh trống ấy, đúng như lời ô g Tường, nay đã gần như thất truyền, vì những nghệ thuật ấy, ngành hát bộ cho là phụ ít quan tâm (mà ngay chính những lối đóng tuồng của ngành hát bộ — những lối độc đáo — nay cũng sắp thất truyền). Trước kia Quảng Nam có ba người là Phó Phú, Ngũ Niễn, Xâu Nhi biết đánh loại trống này, vừa đánh vừa ca. Nhưng cho đến nay, ở Bình Định, Mười Thông vẫn là tay tài tình nhất và ai ai cũng biết là ông này không phải diễn nhạc võ Tây Sơn mà chỉ đánh trống Diều (hề) trên sân khấu hát bộ.

Vậy thì cái điều mà Hồ quân bảo là bí mật của Tây Sơn có còn thật bí mật khi có nhiều người biết không? Nếu ông Tường không tin, tôi xin giới thiệu ông những diễn viên hát bộ nổi tiếng ở Quảng Nam để trình bày cho ông về lý thuyết cũng như thực hành. Riêng ở Bình Định, tôi cũng có gặp anh Năm Khắc và cụ Bầu Năm mới đây để hỏi thêm về loại trống này. Anh Năm Khắc là diễn viên hát bộ đã từng theo gánh hát Tàu (Tiểu) mười năm nên anh hiểu trống Tàu và một cách cặn kẽ. Anh có thể nói kỹ về cách đánh và các cung bậc của loại trống này. Còn cụ Bầu Năm gần tám mươi, lăn lộn trên nửa thế kỷ trong nghề ở Bình Định, Phú Yên chắc chắn là người có những ý kiến khá xác đáng (như tôi từng chứng nghiệm riêng). Có một điều rất lạ là khi tôi nghe các tài tử này (Hai Tùng, Năm Khắc) thử trình bày một vài đoạn hát của Trống Diều, tôi có cảm tưởng như lối ca ấy nhập từ

miền Bắc vào chứ không phải xuất phát từ Đảng trong. Điều này, tôi xin dành sự nghiên cứu kỹ lưỡng hơn cho các nhạc sĩ có xu hướng Dân tộc.

Dù sao, tôi cũng thành thật cảm ơn ông Tường đã gợi ý về một ngành sân khấu đã sắp bị thất truyền. Tôi cũng chưa dám chắc những điều tôi nói có hoàn toàn đúng không vì tôi chưa vào đến tận nơi trong khi ông Tường đã đi đến tận nơi (1). Nhưng dù ông Tường có đi đến tận nơi, tôi cũng có điều ngờ là ông... đã vì quá tôn sùng và tin tưởng ở Tây Sơn, ở họ Hồ, ở sự phi thường nên có những kẻ đã khôn khéo đặt ông vào bát quái trận đồ, vào cửa Trống Diều mà ra cửa Nhạc võ Tây-Sơn.

oOo

Đến đây, ông Tường có thể đặt thêm câu hỏi hóc búa :

— Thế thì tại sao loại trống ấy lại có những tên như xuất quân, khai hoàn.v.v và đánh lên, khán giả bị lôi cuốn như tôi đã từng chứng nghiệm ?

Câu hỏi ấy vẫn có thể trả lời. Nếu quả thật ông Tường đã từng bị xúc động hào hùng vì tiếng và lối đánh trống Diều (hề) thì cũng chẳng khác gì hầu hết độc giả, sinh viên, học sinh chẳng hề hé môi cười khi họ đọc những loại thơ Diều mà ngày nay các nhà văn học sử, các giáo sư vẫn gọi là thơ ca trào phúng. Đừng nói đâu xa, ông cứ đưa những bài thơ trào phúng của Trần-tế-Xương là những bài dễ cười — và cũng dễ cười đau xót nhất — mà chưa được giải thích cho một số độc giả có kiến thức hẳn hoi xem thử họ có cười dễ dàng không. Tôi nói đến những bài chưa được giải thích, trong các sách giáo khoa vì các bài đã được giải thích, tất nhiên họ đã hiểu vì lẽ gì mà cười và họ có

định-kiến về nó rồi. Xong ông nghiêm trang đọc lên. Tôi chắc hẳn họ cũng bị lôi cuốn, bị hấp dẫn một cách hoàn toàn chẳng trào phúng tí nào. Tỉ như đoạn sau đây mà các sách chưa giảng, tuy vẫn chép cho học sinh đọc :

« Cự nhân gian chi phẩm giá, phong, nguyệt, tình, hoài.

Tối thể thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt.

Viết một vẽ dán ngay lên cột

Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay.

Rằng hay thì thật là hay

Chẳng hay sao lại đổ ngay tú tài ?

Xưa nay em vẫn chịu ngài.

Trần-Tế-Xương

Tôi chắc hẳn người nghe chỉ có hân hoan, thú thích, muốn chen vào chia niềm vui trong sáng thành thật với cảnh đoàn tụ của gia đình ông Tú Xương. Nhưng họ đâu có ngờ ông Tú dùng lời bà Tú để diễn mình một cách đau xót. Ông vẫn tự hào mười ba, mười bảy đồ tự bao giờ ; ông vẫn tự hào tài bằng nhân thám hoa... ông vẫn chê những cử nhân tiến sĩ là « vừa dốt, vừa ngu » « xem văn mà góm,.. cớ biền vua ban cũng lạ đời ». Thế mà ông chỉ đổ ngay cái tú tài để hại bà, để ăn bám vào bà, để khiến cả gia đình điêu linh... Như thế làm sao mà bà chẳng :

« Xưa nay, em vẫn chịu ngài ! »

Tại sao người đọc không hiểu dễ dàng các loại thơ Diều trừ loại thơ tục ? Chỉ vì nó rất tế nhị, thông minh và nhất là hoàn cảnh xã hội thay đổi, quan niệm văn nghệ thay đổi. Ngày nay, chúng ta

(1) Nơi đây, ý tôi muốn nói về cái Lễ ở Bình Khê, chứ Bình Định thì tôi có ở đó mấy năm và nghiên cứu được vài bộ môn nghệ thuật.

cười cái gì của Âu-Mỹ cười thì dễ, mà cười cái gì (trừ cái tục) của ông bà ta cười thì rất khó. Trống Diêu cũng thế. Nó có thể mang những tên: xuất quân, khả, hoàn, nó có thể nghiêm trang được ca hát:

Ông Ninh ngồi tựa bên lầu

Bá quan văn võ đứng chầu hai bên.

Nhưng nó vẫn là loại trống Diêu và thường dứt cái rụp theo ban nhạc. Nhưng nếu ta không gảng giải trước cho người nghe, trái lại, còn diễn giảng một cách trịnh trọng đây là trống này, trống nọ, hướng trước dư luận, cảm nghi khán giả thì họ chỉ biết xúc cảm theo định kiến. Vì lẽ dễ hiểu hầu hết — nếu không phải hết cả — khán giả, kể cả diễn giả đã bị cắt đứt với quá khứ, đâu có còn những kiến thức của nền nghệ thuật cũ

đều có thể cười cợt theo những tiếng trống không lời. Họ không ngờ họ đã có thái độ trịnh trọng chẳng phải lúc, có khác gì ông bà ta ngày trước xem những tượng khoả thân biểu thị cho Công lý, cho Tự Do của Âu-Tây, cứ chửi thề vì tưởng người ta dạy trò dâm bôn giữa thành phố!

oOo

Dù sao, tôi cũng rất dè dặt khi chờ đợi những ý kiến của những bậc có thẩm quyền (như ông Mười Thông hay ông Tú Qui hơn: một người chuyên loại trống Diêu và một người rất sành về nghệ thuật sân khấu ở Bình Định mà cả hai vị tôi chỉ nghe tên, chưa được diện kiến).

(Từ Tuồng đến Kịch)
NGUYỄN VĂN XUÂN

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

BÀI HỌC ISRAËL

NGUYỄN HIỂN-LÊ

Sự phát-triển kinh-tế của ISRAËL

MẤY NÉT CHÍNH CỦA KINH-TẾ CỦA ISRAËL :

Kinh tế là vận mạng của một quốc gia. Hoạt động nào cũng tùy thuộc kinh tế. Giáo dục tùy thuộc kinh tế : "phú chi rồi mới giáo chi, chiến tranh thắng hay bại phần lớn nhờ kinh tế. Kinh tế có vững thì nội trị mới yên, ngoại giao mới mạnh.

Hoạt động kinh tế đã quan trọng nhất mà lại khó khăn nhất. Israël là nước mới thành lập lại rất nhỏ, cho nên càng gặp nhiều nỗi khó khăn.

Thế giới ở trong một hoàn cảnh chính trị mà sự phân công cho các quốc gia là điều không thể quan niệm nổi Mười năm trước một vài chính khách Việt Nam bảo nhân loại vẫn còn đói, vẫn còn thiếu thực phẩm, vậy tại sao mình không chuyên về canh nông mà lo phát triển kỹ nghệ làm gì, cạnh tranh sao nổi về kỹ nghệ với Mỹ Nhật, Đức, Pháp ? Tại sao ư. Tại nếu chuyên về canh nông thì nguy hiểm lắm. Nếu vì một lý do chính trị gì đó khách hàng quan trọng nhất của mình không mua lúa cho mình nữa thì chết. Lại rất có thể xảy ra một biến cố nào đó mà dân mình sẽ không có lấy một mảnh bố tời để che thân, như nông dân miền U-minh trong thế chiến vừa rồi. Cuba chuyên sản xuất đường mà chịu nhiều tủi nhục, bóc lột ; vài nước ở Nam Mỹ chuyên trồng chuối mà có hồi lâm nguy về kinh tế cho nên trên thế giới hiện nay nước nào cũng rón lo tự túc càng nhiều

càng quý. Ngay những nước nhỏ cũng phải vậy nếu còn muốn tương đối tự do một chút, khỏi phải lệ thuộc người về mọi phương diện,

Đó là tình trạng bi đát của các nước nhược tiểu, như Việt Nam, Israël.

Vấn đề là làm sao sản xuất được tạm đủ mọi cái tối cần thiết, do đó phải có nền kinh tế đa phương (économie diversifiée)

Riêng Israël, còn thêm một bó buộc nữa. Nước thì nhỏ mà ba phía là địch, muốn chống xâm lăng thì dọc các biên giới, ngay cả trong sa mạc Neguev nữa cũng phải có dân ở, phải có những làng xóm tự vệ được vì đề phòng chỗ nào là địch thủ có thể lên vào chỗ đó. Mà cho dân cư ở khắp nơi thì chỉ có cách là phát triển canh nông, chỉ có canh nông mới thực sự lan rộng mà "chiếm" được mọi nơi ; kỹ nghệ chỉ tập trung ở một địa điểm nhỏ hẹp thôi. Vì vậy dù là giữa sa mạc sự khai phá rất tốn kém mà chính quyền Israël cũng không thể bỏ hoang. Có khai phá thì mới lập làng xóm được và làng xóm sẽ xây cất hào lũy, đồn binh. Ở Israël canh nông là một phương tiện chống địch và bảo vệ quốc gia.

oOo

Đã bị bó buộc như trên, Israël còn gặp rất nhiều khó khăn nữa,

Diện tích chỉ có 20.700 cây số vuông,

bằng ba tỉnh lớn ở Nam Việt. Chiều dài được bốn trăm cây số mà chiều ngang có chỗ chỉ có 15 cây số, sự bảo vệ cực khó khăn. Chỉ một phần tư đất đai là trồng trọt mới có lợi, một nửa 10.000 cây số vuông là sa mạc, còn một phần tư nữa là rừng (ít có gỗ tốt) và những bãi cỏ xấu.

Lại thêm nỗi thiếu nước, thành thử khó khai phá. Ba phần tư đất trồng trọt được luôn luôn thiếu nước.

Khoáng sản nghèo nàn : Hắc hải có một số khoáng chất nhưng phí tổn để khai phá khá nặng. Sa mạc có mỏ phốt phát, mỏ Timma sản xuất mỗi năm được vài ngàn tấn đồng. Thiếu hẳn mỏ sắt mỏ than. Dầu lửa chỉ đủ cung cấp từ 5 đến 10 % nhu cầu của dân chúng. Điện lực rất kém, một phần vì không thỏa thuận được với Jordanie để dùng những dòng nước, thác nước ở sông Jourdain, hồ Tibériade...

Tình hình xung đột với các quốc gia Ả rập làm cho sự phát triển kinh tế của Isra-êl chậm lại, bị hạn chế : các quốc gia đó bao vây kinh tế Isra-êl, cấm Isra-êl dùng kinh Suez, Isra-êl không mua được dầu lửa, thực phẩm, khoáng chất của họ, dĩ nhiên cũng không bán được gì cho họ. Hồi 1920, gần nửa sản phẩm Palestine xuất cảng qua các nước chung quanh, hiện nay không còn được lấy vài phần trăm. Có hồi hãng xe hơi Renault của Pháp muốn lập một xưởng lắp xe ở Isra-êl, sau phải bỏ vì sợ Ả rập tẩy chay và cũng sợ có chiến tranh thì xưởng bị tàn phá.

Nên kể thêm một khó khăn khác nữa trong mười năm đầu : sự hồi hương của một triệu người Do-Thái ở khắp nơi. Phải lo tiếp thụ, định cư cho họ, dạy dỗ họ. Chính phủ Isra-êl đã phải

tiêu vào việc đó biết bao nhiêu tỉ bạc.

oOo

Nhưng Isra-êl cũng được một số yếu tố tiện lợi :

Trong chiến tranh người Ả rập tàn cư, để lại nhà cửa, đất đai (không có kỹ nghệ)

Trước chiến tranh 1948, trong nhiều đợt hồi hương, một số Do-thái có học thức, có lý tưởng, có tinh thần hy sinh vô Palestine, phần nhân lực đó rất đáng kể.

Isra-êl lại nhận được nhiều sự giúp đỡ ở ngoài nữa : Mỹ đã viện trợ được 1,6 tỉ Mỹ kim, các tổ chức Do-Thái thế giới tặng được được 2 triệu Mỹ kim, Đức bồi thường chiến tranh nữa (không rõ được bao nhiêu). Ông Joseph Klatzmann cho rằng trong mười năm từ 1952 tới 1962, trung bình mỗi người Do Thái được trợ cấp mỗi năm 100 Mỹ kim (khoảng 15.000 bạc VN hiện nay) Dĩ nhiên là chính quyền Isra-êl dùng số tiền đó vào việc kiến thiết, mua khí giới chống với Ả-rập

Hiện nay Đức không còn bồi thường chiến tranh nữa mà số tiền Mỹ viện trợ chắc cũng giảm đi nhiều.

oOo

Nhờ những viện trợ đó mà kết quả khả quan.

Các kỹ nghệ điện, điện tử, hoá học, luyện kim, chuyên chở đã tấn bộ rõ rệt. Số công nhân trong các xí nghiệp tăng từ 127.000 năm 1955 lên 215.000 năm 1964, nghĩa là từ 21,90% lên 25,30% tổng số người hoạt động trong nước.

Sức sản xuất từ 1948 đến 1958 về điện lực tăng lên gấp 4, về xi măng tăng từ 160.000 tấn tới 620.000 tấn ; về thương thuyền từ 4 chiếc lên 34 chiếc, trọng tải tăng lên gấp 70 tấn.

Sức sản xuất tính theo đầu người, tăng 80 0/0 từ 1954 đến 1965

Năm 1965 bán trong nước được 100000 xe hơi.

Tổng số xuất cảng tăng rất mau :

Năm 1949 : 43 triệu Mỹ kim.

— 1957 : 222 — — —

— 1964 : 649 — — —

Nhưng số nhập cảng cũng tăng theo, và số thiếu hụt vẫn quan trọng :

Năm 1950 : hụt 228 triệu Mỹ kim

— 1964 : — 528 — — —

Vì mấy lần chiến tranh, phí tổn rất nặng, tiết kiệm được rất ít : từ 3 đến 40/0 lợi tức quốc gia, mà muốn mau phát triển thì cần phải tiết kiệm từ 8 đến 15/0 lợi tức quốc gia. Hiện nay giới trí thức và thợ thuyền chuyên môn đòi tăng lương, khả năng tiết kiệm để đầu tư càng kém, mà số vốn ngoại quốc đầu tư ở Israel cũng đã giảm từ 34,30/0 lợi tức trong nước năm 1952 xuống còn 24,30/0 năm 1964.

Sau chiến tranh 1967, tình hình kinh tế của Israel chắc không tốt đẹp lắm : quân đội phải chiếm đóng những miền rộng gấp hai đất đai Israel mà không khai thác gì được tại những miền đó cả vì dân chúng Ả rập không hợp tác với họ.

Tuy nhiên, so với các dân tộc Ả rập ở chung quanh thì dân Israel có một mức sống cao hơn nhiều : lợi tức trung bình mỗi năm của mỗi người dân là 3.700 quan Pháp năm 1962 tức vào khoảng 60 000 VN hiện nay (2) con số đó chưa thể so sánh với số lợi tức trung bình ở các nước châu Âu được nhưng có đặc điểm này là không có sự cách biệt lớn giữa lợi tức các cấp cao và thấp. Ít có người lương dưới 350 quan Pháp mà cũng có ít người lương cao trên 1.650 quan

Pháp ; trừ thuế đi thì sự cách biệt còn giảm hơn nữa. Nhân viên cao cấp ở Israel lãnh lương ít hơn nhân viên cùng cấp ở Pháp mà đóng thuế nặng hơn. Các kỹ sư Israel vì vậy đã đi làm công năm 1962 để đòi cải thiện tình trạng.

Một đặc điểm nữa là đời sống nông nhân tương đối dễ chịu. Hiện nay số người hoạt động như sau :

200/0 vào canh nông	} tổng số người hoạt động
300/0 vào kỹ nghệ	
500/0 vào dịch vụ	

So với các nước phát triển thì như vậy số người làm trong kỹ nghệ hơi kém (khoảng 400/0 mới vừa) mà số người làm các dịch vụ (nhà buôn, công, tư chức đủ ngành) quá cao (khoảng 400/0 thì vừa).
oOo

Trong mọi ngành kinh tế của Israel, canh nông chiếm địa-vị quan trọng nhất và đạt được những tấn bộ tốt đẹp nhất, đáng cho các quốc gia kém phát triển tìm hiểu để rút kinh nghiệm.

Ông Joseph Klatzmann bảo hoạt-động canh nông của Israel thật lạ lùng vì ba lẽ :

Thứ nhất : Israel có những hình thức kinh-doanh về canh tác mà không nước nào có. Ngoài những hình thức kinh doanh thông thường như cá nhân kinh doanh, sống cạnh nhau trong làng xóm (y như ở nước mình), như nông trại của

(1) Những con số đó rút trong báo Problèmes économiques số 24-11-66.

(2) Theo André Piatier trong Encyclopédie française. Larousse thì năm 1952-54, lợi tức trung bình của Israel là 450 Mỹ kim, của Pháp là 700MK, của Mỹ là 1.900MK, của Thái Lan Ấn độ dưới 100MK.

(Xung đột trong đời sống quốc tế. Nguyễn-hiền-Lê dịch. Đại học Huế sản xuất).

quốc gia (nước ta chưa có, Nga có), còn những hình thức rất đặc biệt : — a) *Kibboutz*, (nông trường cộng đồng) đa số gồm vài trăm người tự ý sống chung với nhau, cùng làm, cùng ăn, cùng hưởng quyền lợi như nhau, y như một đại gia đình, nhu cầu của mỗi người được cộng đồng chu cấp ; hình thức đó là một thứ cộng sản tự do ; — b) *mochav ovedim* (nông trường cộng đồng bán cá nhân) : đất cát là của chung, cộng đồng, cho mỗi người muốn tự canh tác, nhưng bắt buộc mọi người phải hợp tác với nhau ; — c) *mochav chitoufi* (nông trường hợp tác), mọi người khai thác chung đất đai, chia lợi tức cho nhau và mỗi người dùng lợi tức cách nào tùy ý.

Hình thức này ở giữa hai hình thức trên.

— Thứ nhì : những gắng sức của dân chúng và chính quyền Israel về canh tác đáng làm gương cho mọi xứ, gắng sức về sự đào tạo cán bộ, về sự khai khẩn, vỡ đất hoang, về sự chống với nạn thiếu nước ;

— Thứ ba : kết-quả làm cho mọi người phải ngạc nhiên, chỉ trong mười mấy năm kết quả của họ đã vượt Pháp, cả sa-mac Neguev, một nửa diện tích của Israel, một miền toàn đồng cát và đồi cằn, đã thành mơn mơn lúa xanh, đã « trổ bông như một giò huệ » (chữ trong Thánh-kinh) ;

Sau đây xin trình bày về tổ chức Kibboutz

KIBBOUTZ : MỘT THÍ NGHIỆM CỦA ISRAËL

Kibboutz là một cộng-đồng tự do.

Ngay từ khi loài người biết suy nghĩ, chắc đã có những người bất mãn về xã hội, thấy đời là vô lý, dù ngu độn hay thông minh thì sống cũng chỉ để lo miếng ăn, kẻ xấu số thì đầu tắt mặt tối cũng không đủ dứt miệng, kẻ may mắn thì có dư rồi cũng day tay mắt miệng tranh giành nhau, cướp đoạt của nhau để tích lũy mà chết rồi thì hết, hoặc gặp một thời loạn như thời này thì chỉ trong nháy mắt là ra khỏi cả ; mà khổ một nỗi không tích lũy cũng không được, có xã hội nào bảo đảm được tương lai cho con người đâu, khi đau ốm, già nua, có trông cậy vào ai được đâu.

Cho nên một dân tộc có tinh thần hợp tình hợp lý nhất, thực tế nhất, dân tộc Trung Hoa mà hai ngàn năm trước đã có người mơ ước một xã hội lý

tưởng nào là : đại đạo chi hành dã thiên hạ vi công (Nhò) ; nào là : tiểu quốc quả dân..., an kỳ cư, lạc kỳ tục (Lão). Cảnh Đào nguyên của Đào Tiềm chắc cũng ở trong một xã hội lý tưởng như vậy.

oOo

Người phương Tây có tinh thần quá khích nhất, tuy rất trọng môn lý luận mà lạ thày, hành động lại thường phi lý nhất có những mộng tưởng phi lý nhất. Trong cuốn *Au pays de l' utopie* tác giả mà tôi quên mất tên, chịu tìm tôi trong không biết bao nhiêu sách, thu thập được cả trăm cái mộng kiến tạo, xã hội của các triết gia, văn nhân phương Tây từ thượng cổ tới nay, mỗi xã hội một khác nhưng xã hội nào cũng hoàn toàn bình đẳng, hoàn toàn tự do, hoàn toàn an lạc, vĩnh viễn không có chiến tranh... mà tác giả

cho là utopie : không tưởng.

Nhưng thế nào là không tưởng ? Đây là biên giới giữa thực tưởng và không tưởng ? Mong lên cung trăng đã hết thành không tưởng. Tnay tìm, thay thận cũng hết thành không tưởng. Rồi đây muốn sanh trai sanh gái tùy ý, cũng sẽ hóa ra thực tưởng. Vậy thì không tưởng chỉ là cái gì thời nay không thực hiện được mà một thời khác sẽ thực hiện được.

Huống hồ một vài xã hội không tưởng đó đã có thực rồi nữa. Mười năm trước người ta đã tìm được những *Bản viết tay ở bờ Tử-Hải*, trong các hang ở sa mạc Judée. Và người ta thấy những bản viết tay có ghi chép đời sống trong cộng đồng Essénien (một giáo phái Do thái ở đầu kỷ nguyên) đúng như một triết gia Do-thái, Philon — cũng ở đầu kỷ nguyên — đã viết : « ... Vậy trước hết, không có một nhà nào là tư hữu của ai, không có nhà nào không phải là nhà của mọi người, vì không những họ sống chung với nhau thành giáo đoàn, mà nhà cửa của họ còn tiếp đón những đạo huynh cùng một giáo phái từ nơi khác tới nữa... Lại thêm chỉ có mỗi một qui chung cho mọi người tiêu pha chung : quần áo chung, thức ăn chung, họ còn có thói ăn chung bàn với nhau nữa. Cái tục ở chung một nhà, sống chung một lối, ăn chung một bàn đó, không thấy ở đâu thực hiện được hoàn hảo như ở đó. Và nguyên do như vậy : mỗi ngày họ nhận được bao nhiêu tiền công thì họ không giữ làm của riêng mà đặt ở trước mặt mọi người để ai muốn tiêu thì cứ lấy mà tiêu... Người nào đau ốm thì không vì lẽ không sản xuất được mà không được săn sóc ; phí tổn thuốc thang cứ lấy trong qui chung. Người già cả

nào cũng không được kính trọng và săn sóc... » (1)

Những người Do-thái thành lập các Kibboutz (2) đầu tiên không biết có đọc đoạn đó không, điều chắc chắn là họ được chịu ảnh hưởng tư tưởng của nhiều nhà xã hội châu Âu ở thế kỷ XIX, và có cái mộng phục hồi Quốc gia Israel. Lại thêm tình thế bắt buộc nữa. Khi rời đất Nga, Ba-Lan, trốn đời sống tủi nhục, mạo hiểm tới Palestine, chung quanh xa lạ, ngôn ngữ bất đồng, muốn tồn tại được họ phải gom những phương tiện nhỏ nhoi của nhau lại, đoàn kết với nhau để đối phó với mọi sự bất trắc xảy ra thường ngày.

Lý do đó đã giúp họ tạo được những Kibboutz mỗi ngày một phát triển,

Một Kibboutz là một cộng đồng gồm vài trăm người có nhà cửa đất cát, trại ruộng, như một làng nhỏ. Mấy nguyên tắc căn bản là :

- Làm việc chung.
- Ăn uống chung, tiêu pha chung.
- Mọi người bình đẳng

Mọi người lớn đều phải làm việc hoặc làm ruộng, hoặc làm việc vặt, hoặc một công việc sản xuất nào khác của Kibboutz. Có một số người lãnh việc chỉ huy, tổ chức công việc, phân phối công việc cho mỗi người. Họ do hội nghị chung của Kibboutz đề cử và không ngời nào được lãnh hoài một nhiệm vụ. Phải thay phiên nhau để mọi người được bình đẳng.

Cộng đồng lo thỏa mãn các nhu cầu của mọi người. Ăn trong một phòng chung. Phòng, đồ đạc trong phòng, quần áo... do cộng đồng cung cấp... Cách

(1) David Catarivas trích rồi dịch, đem dẫn trong cuốn Israel (Petite Planète) 1900 trang 24.

(2) Kibboutz : số nhiều là Kibboutzim.

phân phối rất bình đẳng, ai cũng như ai, các người chỉ huy không được ưu đãi hơn người khác. Trẻ con nuôi chung trong những nhà cất riêng cho chúng, có phòng ăn, phòng ngủ lớp học. Buổi chiều sau giờ làm việc chúng về chơi với cha mẹ, ngày sabbat (thứ bảy) chúng sống với cha mẹ.

Đàn bà không phải lo săn sóc nhà cửa, giữ con cái. Họ phải làm công việc mà cộng đồng chỉ định, thường là nấu bếp giặt giũ, trông nom trẻ ở nhà chung của chúng.

Hội nghị chung có tính cách rất quan trọng, mọi việc lớn đều được hội nghị quyết định. Không phải ai xin vào Kibboutz cũng được. Phải tập sự một thời gian đã, hết hạn rồi, hội nghị chung mới xét xem nên cho người đó gia nhập hay không.

Vậy về nguyên tắc mọi người trong Kibboutz đều bình đẳng. Nhưng sự bình đẳng không có tính cách toán học, máy móc. Nếu một người trong Kibboutz có cha mẹ anh em ở ngoài gởi cho ít đồ đạc hoặc mời nghỉ hè đi chơi thì không thể vì nguyên tắc bình đẳng cấm người đó hưởng những cái đó được. Một người khéo tay trang hoàng phòng của mình rất đẹp, không thể bắt người đó cũng trang hoàng như vậy cho các phòng khác để cho được "bình đẳng". Nhưng có nhiều Kibboutz theo chính sách này: người nào đã được bà con họ hàng cho một món quà nào rồi (chẳng hạn một máy khâu thanh) thì tới khi Kibboutz phân phát máy khâu thanh chung cho mọi người, người đó không được nhận thêm nữa. Dĩ nhiên nếu Kibboutz đã phân phát rồi, bà con mới gởi tặng thì người đó vẫn được nhận.

Khi Đức bồi thường chiến tranh, có

người được bồi thường nhiều, có người được bồi thường ít. Người ta giải quyết như sau: người được bồi thường nhiều có quyền dùng một phần số tiền (1) để trang hoàng riêng hoặc đi du lịch, thăm bà con, còn thì bỏ vào quỹ chung. Có người nhận được hàng vạn bảng Israel (nổi bảng bằng 50\$ VN hiện nay) mà cũng đem nộp vào quỹ. Rất ít người vì được số tiền đó mà bỏ Kibboutz ra ngoài sống.

Trong Kibboutz cũng có giai cấp: "giới" hội viên kỳ cựu và "giới" hội viên mới vô. Lại có "giới" chỉ huy nữa vì mặc dầu nguyên tắc là phải thay phiên nhau, nhưng người có tài, có công tâm thường được mọi người giữ lại. Nhưng những giới đó không được hưởng một lợi vật chất nào cả, nên giai cấp trong Kibboutz khác xa giai cấp ở ngoài, vả lại chính những người chỉ huy có tài thường nhún nhường, muốn có người khác thay mình để họ tập việc, nên thường từ chối khi được bầu lại.

Nhưng còn tự do cá nhân có được tôn trọng không? Không ai bắt buộc phải vào Kibboutz cả, nhưng một khi đã sống chung thì dĩ nhiên phải bỏ bớt ý riêng của mình đi. Có những công việc mà người nào cũng phải thay phiên nhau làm, không thể lấy lý rằng mình là học giả, là nghệ sĩ mà không làm.

Tuy nhiên người nào cũng phải ăn những món như nhau mặc những quần áo như nhau, điều đó cũng làm cho mất thú ít nhiều, cho nên trong các Kibboutz đã có khuynh hướng để cho mọi người được tự ý lựa chọn tùy theo sở thích.

Nhiều bà mẹ cũng muốn có thì giờ để săn sóc cho chồng con kỹ lưỡng hơn, tâm lý đó rất tự nhiên; nên trong nhiều

(1) Tới mức nào, thì tôi chưa thấy sách nào nói.

Kibboutz người ta đã « phụ nữ hóa » là phụ nữ : rút bớt công việc khác cho họ để họ săn sóc gia đình. Trẻ trước kia buổi chiều lại chơi với cha mẹ vài giờ rồi về nhà chung của chúng để ngủ; ngày nay người ta cho chúng ở lại với cha mẹ suốt đêm, như vậy chúng được gần gũi cha mẹ còn hơn nhiều trẻ em châu Âu mà cha mẹ đều có công ăn việc làm.

Mỗi Kibboutz thường chỉ gồm vài ba trăm người (không kể trẻ em) không thể thành một tổ chức tự túc về mọi phương diện được, nên các Kibboutz phải liên hiệp với nhau thành những tổ chức lớn hơn.

Có ba liên hiệp chính : *Ihoud Hakevoutsoth vehakibboutzim* (liên hiệp các làng cộng đồng), *Hakibboutz Hameouhad* (Kibboutz hợp nhất) và *Hakibboutz Haartsichel Hachomer Hatsair* (Kibboutz quốc gia của phong trào Hachomer Hatsair) mỗi liên hiệp gồm trên 25 000 người. Liên hiệp thứ nhất có khuynh hướng xã hội của đảng Mapai ; liên hiệp thứ nhì có khuynh hướng thiên tả hơn nhưng chủ trương đoàn kết; liên hiệp thứ ba có chủ trương má-xít, đứng về phe đối lập.

Vậy khuynh hướng chung là thiên tả. Lẽ đó dễ hiểu.

Các liên hiệp đó có qui riêng do mỗi hội viên đóng góp. Liên hiệp có thể giúp đỡ tài chánh cho một Kibboutz, gửi cố vấn kỹ thuật tới để nghiên cứu cách phát

triển, lại mở các đường đường, hợp tác với các trường đại học trong nước để mở thêm lớp đào tạo nhân tài, hợp tác với bộ giáo dục, mở các trường sư phạm đào tạo giáo viên về dạy trong Kibboutz. Bộ giáo dục kiểm soát các trường đó cũng như các trường tiểu học, trung học trong các Kibboutz.

Liên hiệp còn ra báo, mở nhà xuất bản, tổ chức các buổi hòa nhạc, diễn kịch lo cả công việc mua bán, chuyên chở, lập xưởng máy, nghĩa là làm tất cả các hoạt động mà một Kibboutz vì nhỏ quá không thể tự lực làm được một cách hiệu quả.

Năm 1961, số dân trong các Kibboutz là 26 0/0 tổng số dân thôn quê của Israël nghĩa là vào khoảng 4 0/0 tổng số dân Do thái trong nước. Sức sản xuất về nông nghiệp của họ bằng 29 0/0 sức sản xuất trong nước. Sức sản xuất về nông nghiệp bằng 28 0/0 mức sản xuất trong nước, mức sản xuất kỹ nghệ bằng 5-6 0/0, cộng hết cả được 12 0/0 tổng số sản xuất của quốc gia.

Nhiều tác giả trong số có ông Joseph Klatzmann cho rằng Kibboutz sẽ đứng ở trong mức đó, không phát triển mạnh hơn được nhưng cũng không thụt lùi.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(Rút trong tập BÀI HỌC ISRAEL do cơ sở xuất bản Phạm-quang-Khai ấn hành)

Nhắn tin. — Ông Phạm Trung Việt. Thư của tôi gửi về 7 Quang Trung Quảng Ngãi, bị trả lại. Địa chỉ sai chăng ? (N. H. L.)

đón đọc trong tháng 7-68 :

MỞ ĐƯỜNG

Tạp chí Văn-học Nghệ-thuật

chủ-trương : Trần-quí-Sách (Trần-hoài-Thư) Lê-văn-Ngăn

cùng các bằng hữu lưu lại khắp nơi.

— tiếng nói của những tên phiêu bạt

— tiếng nói của những người đang quay lộn trong cuộc chiến Việt-Nam

Địa-chỉ liên-lạc : Trần-quí-Sách 523 Gia-Long Qui-Nhon

PNB

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Giáo-sư trung-học, anh là ai?

Khi đặt câu hỏi như vậy, có lẽ ai cũng tự trả-lời được phần nào rồi. Vì ai chẳng biết giáo-sư trung-học là những người « gõ đầu trẻ » ở các trường trung-học, hướng-dẫn đường đi cho thanh thiếu niên suốt một khoảng thời gian dài bảy năm từ đệ-thất đến đệ nhất. Họ, ở các trường công lập, gồm những người tốt - nghiệp Đại - học Sư - phạm — ba năm đề dạy đệ nhị cấp hay một năm đề dạy đệ nhất cấp —, những người đậu Tú-tài hay Cử-nhân được bộ Giáo-dục bổ đi « dạy giờ » ; Ở các tư-thực, gồm những người có nhiều trình-độ và lứa tuổi khác nhau được thu-nhận phần lớn qua chiếc cầu quen biết với các chủ trường.

Tuy nhiên, hàng ngũ giáo-sư trung-học tưởng như giản-dị lại vô-cùng phức tạp và khó mà nói đến toàn thể hàng ngũ đó trong một bài báo ngắn. Trong bài này, người viết chỉ xin đề-cập đến một thành-phần thuần-túy nhất của hàng-ngũ đó : thành phần các giáo-sư tốt nghiệp Đại-học Sư-phạm.

Tại sao chỉ chọn thành phần đó để đặt vấn-đề ? Xin thưa, vì dầu có nói đến thành phần giáo-sư tư-thực thì rồi cũng chẳng đưa lại lợi-ích thiết thực nào,

bởi hệ-thống tổ-chức tư-thực lỏng-lẻo quá và hiện tại, hầu như mỗi giám-đốc tư-thực là một « ông vua » khá độc-lập ! Cũng như không đặt trọng-tâm thảo-luận vào thành-phần giáo-sư « dạy giờ » ở các trường công, vì hầu hết quí-vị này bị hoàn-cảnh xô tới việc làm hơn là lựa chọn dẫn thân vào nghề gõ đầu trẻ.

Vậy chỉ nói đến thành-phần giáo sư tốt-nghiệp Đại-học Sư-phạm vì đây là thành phần nòng cốt nhất của một hệ-thống chặt-chẽ : Hệ-thống trường trung-học công-lập — nói đến đề có thể đòi-hỏi trách-nhiệm của giới lãnh-đạo hệ-thống đó —, và vì, một cách hơi chủ-quan, người viết bài này đã là kẻ « đi ra » từ một trong hai trường Đại học Sư-Phạm hiện tại ; viết đề mô-tả cái « đã là » (đã = đang) của những giáo sư tốt-nghiệp Đại học Sư phạm tức cũng là đề hướng tới, đề thử đề-nghị, kêu gọi « cái sẽ là ».

Sau đây xin đề-cập ba tiểu-mục : — Sinh-viên sư-phạm đang được huấn-luyện thế nào ở các trường Đại học Sư phạm ? — Họ hành-nghề thế nào khi ra trường ? — Đây là những sai lầm, cần chấm dứt và những thiếu-sót cần bổ-túc ?

I. — Sinh-viên sư phạm được huấn-luyện thế nào ở trường Đại-học Sư-phạm ?

Một cách tổng-quát, người ta nhận thấy sinh-viên sư-phạm học rất nhiều giờ. Dầu theo học ban nào trong các ban

— Việt-Hán, Sử Địa, Pháp, Anh, Toán, Lý-hóa và Vạn vật — mỗi sinh viên, trên nguyên-tắc, mỗi tuần phải « tới lớp » trên

25 giờ. Họ học những gì ? Ngoài phần chuyên-môn của ban mình theo, chẳng hạn ban Việt Hán, phải « luyện » kỹ về văn-học Việt Nam và Trung Hoa, sinh-viên ban nào cũng học thêm những môn chuyên-môn của ngành sư-phạm. Đó là những môn Tư-tưởng giáo dục đông phương, tây - phương, Lịch sử giáo dục Việt nam v.v... Sinh viên học thật nhiều giờ, nhiều môn như vậy, khoảng 10 hay 11 môn học, đề cuối niên-khóa làm bài thi hết các môn và lên lớp hay ở lại.

Việc học của sinh-viên ở Sư-phạm có vẻ giản-dị và yên-ôn nhẹ thế. Nhưng nếu nhìn bằng một cái nhìn khác hơn, người ta sẽ nhận thấy nó không được yên ƠN và giản-dị cho lắm. Bởi nếu người ta tìm hiểu cái đám đông tám trăm sinh viên của trường Đại-học Sư-phạm Sài-gòn chẳng hạn, đang « sống » ở Sư phạm với những tâm-trạng, những ưu-tư ra sao..., người ta sẽ nhận thấy cần nói nhiều, bằng nhiều thiện-chí xây-dựng, về « con tàu » Đại học Sư phạm.

Thật vậy, trường Đại học Sư phạm — Sài-gòn cũng như Huế — như một con tàu hoả cứ mỗi năm một lần chở những hành-khách của nó về những ga khác biệt nhau trên dải quê hương nửa chữ S còn lại này.

Hàng ngày, dưới gốc mấy cò-thụ rợp bóng trong sân trường, người ta nhìn thấy ở những sinh-viên sư-phạm những nụ cười, những cái nhìn hồn-nhiên, thân mật. Nhưng nếu nhìn nữa, nhìn kỹ một chút, người ta không khỏi nhận thấy những « bên trong » thầm kín biểu lộ qua toàn-bộ phong-cách sinh-hoạt của họ.

Một số khá đông sinh-viên sư-phạm mang những mặc cảm bất lợi. Họ tự-

nhận đang bị đày đọa ở Sư-phạm. Thế nhưng họ vẫn vào Sư-phạm vì biết chắc sau một thời-gian lưu-đày, họ có toàn-quyền sống như họ thích.

Vì thế họ khuyên-nhủ nhau luôn luôn giữ-gìn. Nếu trong một giờ học nào đó, có người bạn nào phát-biểu một ý-kiến hơi khác với chủ-tư-ở và thói quen của giáo sư, họ sẵn sàng bảo người này : « Cui chửa đó con, cuối dẫn lại lớp cho sư-ở... ». Số này như vậy sống ở Sư-phạm trong mặc-cảm bị giáo-sư bao vây bằng uy-thế.

Một số khác không phải là nhỏ những sinh-viên sư-phạm mặc-cảm người đã qua cầu : Từ những lớp trung-học, họ đã «ao-ước» được vào Sư-phạm. Nên khi vượt qua hai được kỳ thi tương-đối khó qua là kỳ thi Dự-bị ở các phân-khoa và kỳ thi tuyển vào Sư phạm, họ cảm thấy đã... trút được gánh nặng. Bây giờ họ học ba năm hay một năm sư-phạm như bình-yên đi bộ một đoạn đường mà đầu kia là đồng cỏ xanh tươi đang chờ-đợi họ. Thế nên họ luôn luôn ngoan-ngoãn và thận-trọng lẫn-tránh, để phòng mọi bưng tãi, hăm-hố có thể gặp-gỡ dọc đường. Họ giống số người trên kia ở chỗ im-lặng ngoan-ngoãn. Nhưng điều bí ẩn và đáng buồn ở họ, khác với những người trên, là họ cảm-thấy bình-yên, thỏa-mãn, bằng lòng với những kiểu-thức họ đang thụ-lợm được ở trường lớp : Với những kiểu-thức đó, nhà giáo tương lai sẽ ra trường giảng một cách trịnh-trọng hay lêu-láo, thao-thao bất-tuyệt hay hơi vất vả một chút trước đám học trò cũng ngỡ-ngần như thầy !

Bình tình mà nhìn, người ta nhận thấy ở trường Sư-phạm, trừ một số rất ít sinh-viên đang âm-thầm vạch định cho mình một lối đi, còn là đa số những

người mang mặc-cảm « đã qua cầu » hay « bị đày đoạ » như thế. Cho nên họ biểu-lộ phong-cách công-chức ngay trong cuộc sống hàng ngày ở trường lớp. Rồi rạc, lầy-lệ, thế nào xong thì thôi. Nếu họ có ganh đua học, không phải là vì tinh-thần cầu-tiến, mà quan-trọng hơn cần thi ra trường đậu cao để đến một nhiệm-sở tốt.

Điều mà các bậc hữu trách, và ngay cả những người sinh-viên sư-phạm cần tự hỏi, là tại sao trường Đại-học Sư-phạm, bao nhiêu năm rồi, đã chỉ để ra được những công-chức thuộc bộ Giáo-dục, mà không đào tạo nổi những giáo sư trung-học đúng nghĩa ?

Để trả lời câu hỏi đó, ngoài những lý-do có tính-cách chủ-quan về phía sinh-viên như vừa phân-tích, người ta còn thấy những lý-do khách-quan về một học-trình thiếu-sốt, về một số quan-niệm và thái-độ lầm lẫn của nhà trường, và nhất là về sự thiếu sáng-suốt của bộ Giáo-dục.

Tại sao chúng tôi gọi học-trình hiện tại của trường Đại học Sư phạm là một học-trình thiếu-sốt ? Chính vì học trình đó bỏ quên định-nghĩa nòng-cốt về một giáo-sư : « Giáo-sư là kỹ sư tác tạo tâm-hồn » (Un professeur est un ingénieur de l'âme). Chính vì quên điều đó mà học-trình này chỉ nhằm phát-triển kiến-thức của sinh-viên và tuyệt-nhiên không đào-tạo cho sinh-viên một tâm-hồn nhà giáo. Học trình này đã không đòi hỏi người sinh-viên một nỗ-lực tự định-hướng, một tìm-tòi phát-huy lý-tưởng giáo dục nào. Người ta tự hỏi tại sao học trình này không có những môn hay ít ra một môn nhằm đặt với sinh-viên những

câu hỏi nền tảng : *Tại sao anh lựa ngành giáo-dục ? Anh thấy công việc của anh nay mai có ý-nghĩa gì ?* Đó là những câu hỏi nền tảng vì môn học hàm chứa những câu hỏi đó đòi hỏi, thúc đẩy người sinh viên tìm kiếm cho mình một lương-tâm giáo-chức. Dầu người ta có tìm cách phủ nhận thì việc « gõ đầu trẻ » vẫn là việc tác-tạo tâm-hồn. Bởi không ai phủ nhận được rằng người học trò chịu ảnh hưởng những thầy học của mình một cách nặng nề. Vì học-trình của trường Đại-học Sư-phạm đã không cưỡng bách người sinh-viên phải tự trang-bị mình bằng một tâm hồn nhà giáo lành mạnh song song với một kiến thức giàu có, nên khi ra trường hành-nghề, trong một xã hội hư nát nhiều mặt, nhà giáo méo-mò thường dễ lọt tằm xuống những ao tù của sa đoạ. Trong tiểu-mục thứ hai, chúng ta sẽ phân tích cụ thể những sa đoạ không tránh khỏi đó. Cái nhìn trong trắng của học sinh như những mẫu kim/loại hướng về những nam-châm-tâm-hồn, tốt là thấy mình ; trong tình-trạng hiện nay ở các trường trung học, phần đông học sinh cảm thấy bơ vơ trong thất vọng, và từ đó những hoang-mang, những chán-ngắc, những ngờ vực làm đầu mối cho những phá-phách ngày càng gia-tăng. Đến một lúc nào đó, người ta sẵn-sàng xử tử-hình kẻ đi quá đà trong phá-phách và tưởng đó là làm lành bệnh được nền giáo-dục trung-học hấp-hối ! Tại sao người ta không chịu bắt-mạch cho đúng nguyên-nhân của chứng bệnh để chữa trị ?

Nhưng điều bi-đát nhất là dù cái học-trình hiện-hành của trường Đại-học Sư-phạm chỉ nhằm mở rộng kiến-thức cho sinh-viên thì kết-quả cũng không xảy ra như ý muốn. Tại sao vậy ? Có nhiều lý do nhưng đây là hai lý-do chính : Bỏ ra ngoài sự lười-biếng hay sự thiếu tinh-

thần cầu-tiến. Hãy nói đến những sinh-viên siêng-năng và ham học hỏi, người ta cũng nhận thấy sinh-viên sư-phạm không phải toàn những người khá giả ở thành-thị, số này rất ít, trái lại phần lớn gồm những người đến từ những vùng thật xa xôi. Trong tình-trạng hiện nay của đất nước, ít có gia đình đủ sức đài thọ ăn học cho con em, vả lại người sinh-viên cũng ít muốn bám mãi vào gia-đình; họ tìm cách tự-túc bằng việc dạy ở những trường tư, tại tư gia hay làm nhiều công việc khác. Đây là một phần sinh-hoạt không phải chiếm ít thì giờ của sinh-viên. Thử thí dụ một sinh-viên phải dạy 10 giờ mỗi tuần ở một tư-thực. Kể cả thì giờ đi và về, thì giờ soạn bài và chấm bài, ít nhất người đó cũng đã mất trên 20 giờ rồi. Vì vậy sinh-viên không còn đủ thì giờ để học lý những gì cần phải học.

Thêm vào đó, vì cái tinh-thần bằng cấp bắt buộc, người sinh-viên sư-phạm nào cũng muốn trở về phân-khoa cũ của mình học thêm những chứng-thỉ cử-nhân. Thành thật mà nói, trong cái khung cảnh xã-hội lấy bằng cấp để đo-lường sức học này, ai cũng nghĩ rằng khi ra trường Sư-phạm có cái cử-nhân kèm theo thì cũng thoải mái hơn. Và do đó, sinh-viên nào cũng tìm cách xẻ bớt một phần thì giờ trong thời-khoá-biểu, Sư-phạm để chia cho Văn khoa hay Khoa-học. Dĩ nhiên cũng có sinh-viên trở về phân-khoa cũ chỉ cốt bổ túc kiến-thức của mình. Chẳng hạn một người học Việt-Hán cần biết thêm về Triết-lý hay Sử-Địa. Tuy nhiên, ít ai đã ghi tên học lại bỏ không thi cuối năm. Và chẳng có ai nghĩ rằng sẽ thi mà không cần trúng-tuyển.

Tóm lại, từ những nguyên-nhân sinh-kế và bằng cấp đó, người sinh-viên sư-phạm ít khi nắm vững đạo sâu, phát-

huy những gì mình học. Trong khi đó, giáo-sư vì theo quan-niệm "dân sư-phạm là dân học giỏi" sẵn-sàng dạy thật nhiều, thật nhanh. Kết-quả thực-tế : Người sinh-viên sư-phạm nào cũng bị bội-thực. Họ bị bắt buộc phải lại tiếp-nhận khi lật ngược câu châm ngôn "Học quý hồ tinh, bất quý hồ đa" thành "Họ : quý hồ đa, bất quý hồ tinh". Và cái kiến-thức bội-thực đó trở thành một tai-họa phương-tiện khi ra hành nghề.

Song song với một học-trình thiếu sót chỉ nhằm phần trí chưa nhằm phần hồn đó, đôi khi một vài thái độ và quan-niệm của nhà trường cũng khá lăm lăm đối với sinh-viên.

Chẳng hạn nhà trường cứ-nghĩ rằng người sinh-viên bước chân vào sư-phạm thì đã là công chức và nhắc đi nhắc lại với sinh-viên : "Các anh là công chức rồi, các anh phải thế này, thế kia..." Mới đầu người sinh-viên thấy khó chịu vì chữ công chức có cái vẻ đàng không mấy khả-ái. Thế nhưng nhà trường cứ vô tình đàn cho sinh-viên nghe mãi điệp-khúc "các anh là công-chức", đến một lúc nào đó người sinh-viên cảm thấy chữ ấy bớt vẻ khả-ái và coi bộ "nó" cũng... yên-đàn hợp lý ! thế là cái tác-phong công chức (qua loa, lấy lệ, đờ-lãi...) len lỏi vào nếp sống sinh-viên và hiện-hình một cách đồi-trụy khi người sinh-viên ra hành nghề.

Nhà trường lại cũng thiếu tinh thần thông-ám, thiếu thiện-chí tìm hiểu sinh-viên nên đã áp dụng sự "kiểm diện" sinh-viên một cách quá khắt khe. Bởi nhà trường thường nghĩ sinh-viên vắng mặt vì lười biếng. Nhưng thật ra, một số sinh-viên nếu không vắng mặt một số giờ nào đó ở lớp, thì cũng không còn điều-kiện đến trường làm sinh-viên nữa ! Trong những hoàn cảnh học hành quá chật-vật của người sinh-viên, quý vị giáo-sư rất khả

kính đôi khi cũng hơi nghiêm khắc trong ý nghĩa và phát biểu của mình: "Các anh còn dốt lắm mà lười biếng quá, phải học lên chứ ...".

Từ đó, giữa nhà trường và sinh-viên, giữa giáo sư và sinh-viên dường như có một hố cách biệt nào đó, đôi khi đưa lại những ý-nghĩ, những hoi-nghĩ không mấy tốt đẹp từ phía sinh-viên và trường Đại-học Sư-phạm đánh mất đi, hay không làm sao có được, cái hào-hứng và niềm cảm-thông đáng lẽ không thể thiếu.

Sau cùng, bên cạnh những thiếu sót và lầm lẫn đó, người ta còn nhận thấy sự thiếu sáng-suốt của bộ Giáo-dục khi người sinh viên Sư-phạm được cấp số học bổng quá ít ỏi còn bị bắt buộc cam-kết, đặt nền tảng trên số tiền đó: Trong hoàn-cảnh sinh-hoạt hiện-thời, người sinh viên sư-phạm được cấp số tiền quá khiêm nhường (mỗi tháng một ngàn đồng cho sinh-viên học ba năm, bảy trăm đồng cho sinh viên học một năm), nhưng ngay khi trúng-tuyển kỳ thi nhập trường, sinh-viên phải được phụ-huynh hay người đỡ đầu thay thế cam-kết đại-ý thế này: - Sinh viên bỏ học nửa chừng, — bị đuổi vì phạm kỷ-luật, — không chịu làm việc cho chính-phủ ít nhất mười năm... đều phải « hoàn lại số học bổng đã được hưởng ». Mỗi người sinh viên khi đọc xong tờ mẫu giấy cam-đoan ấy đều tủm-tím cười. Nhưng những nụ cười đó là khởi đầu cho những bất-mãn và nhất là những khinh-nhờn, khinh-nhờn chính vai trò nhà giáo mình sẽ đóng. Một lối bắt-buộc cam-kết kiểu đó càng tố-cáo sự thiếu-sót phần đào-tạo tâm-hồn nhà giáo của học-trình. Vì không tin-tưởng rằng người sinh-viên sư-phạm, nhà giáo tương

lai, là người tốt, vì không thể trông cậy được vào một tinh-thần tự giác « không thể thiếu sót » của một người đi vào ngành giáo dục nên người ta mới dùng sợi dây tài-chánh để thay-thế sợi dây vô-hình thiêng-liêng ràng-buộc nhà giáo vào thiên-chức giáo-dục, vào sứ-mạng giáo-hóa của họ !

Bộ Giáo-dục đã không sáng-suốt nên đã cấp một học bổng quá yếu, không đi sát với hoàn-cảnh sống chật-vật của sinh-viên trong khi sinh viên cần dành thì giờ để học cho giỏi. Làm giáo-sư không thể học dốt được. Bộ Giáo-dục cũng đã không sáng-suốt khi bắt sinh-viên cam-kết dựa trên số tiền đó. Vì điều đó chứng tỏ Bộ đã vô-tình xem thường hàng-ngũ giáo-sư. Tưởng cần nhấn lại cho rõ: Sợi dây tài-chánh mà Bộ dùng để ràng-buộc nhà giáo vào nghề-nghiệp của họ đã không thực tế lại kém tế-nghị ! Đó là chưa kể sự-kiện một học bổng tí teo bám theo một cam-kết dài khoảng năm, sáu điểm đầy giọng trịnh-trọng: Một sự-kiện khá hài-hước !

(còn tiếp)

HUỲNH PHAN

Kỳ tới: Sinh-viên sư-phạm hành nghề thế nào khi ra trường ?

tình yêu mới từ ba mươi năm chiến tranh...

BẢN TÌNH CA

Tập truyện THẾ - UYÊN

tủ sách văn nghệ xám

THÁI Độ xuất - bản

Giá 85 đ.

HENRI - DUNANT (1828 - 1910)

bậc thiên - tài ân - nhân của loài người

“ Người trong bốn bề đều là anh em ”

H. DUNANT

Trên khắp thế giới ngày nay đâu đâu ta cũng thấy bóng dáng của chữ Thập hồng trên nền trắng. Nhất là tại những nơi nào có đau khổ, chết chóc, có hỏa hoạn, thiên tai, lụt lội, chiến tranh. Cơ Quan HỒNG THẬP TỰ đã cố gắng phi thường trong lãnh vực một quốc gia cũng như phạm vi quốc tế. Tuy sự cố gắng này không chặn đứng, không ngăn hẳn được đau thương, máu lửa đang tiếp diễn, song dù vô tâm đến mấy, người ta cũng phải công nhận rằng cơ quan này đã và đang an ủi, giúp đỡ, tìm đủ cách làm giảm bớt những đau thương của loài người.

Vì vậy, dù là người khó tính đến đâu, hoài nghi đến đâu, khô cạn tình cảm đến đâu cũng dành cho chữ Thập Hồng chút ít cảm tình.

Tìm hiểu ai đã khởi xướng và sáng lập tổ chức này, xuất hiện từ bao giờ, tiến triển như thế nào, nguyên do tại sao, tưởng cũng không phải là điều vô ích.

Bất cứ một tổ chức nào trong xã hội loài người đều không phải tự nhiên mà phát hiện, ngay cả vấn đề học vấn : ngày nay, hễ đến tuổi là trẻ con cấp sách đến trường, không ai cho đó là việc lạ lùng, phi thường hay là một đặc ân. Song nếu quay nhìn về dĩ vãng, trong lịch sử nhân loại, thì người ta hiểu rằng không phải ngày xưa sự học vấn được dành cho tất cả mọi tầng lớp một cách dễ dàng.

Và lịch sử HỒNG THẬP TỰ QUỐC TẾ cũng trải qua nhiều khó khăn, trở ngại bước đầu cho đến năm 1864 mới thành hình.

Người có sáng kiến thành lập hội, ông HENRI-DUNANT ắt không ngừng tìm cách sửa đổi, cải tiến, phát huy cơ quan này cho đến hơi thở cuối cùng của đời ông. Trong số hiếm hoi ân nhân của loài người, người ta phải kể đến HENRI-DUNANT, người đã kỗ công suốt đời tìm kiếm giải pháp hữu hiệu cứu giúp Nhân-Loại Đau-Khổ. Và không phải chỉ lý thuyết suông, ông đã tận tâm cứu giúp kẻ bất hạnh bằng phương tiện riêng của mình, bắt tay vào công việc đó ngay khi trông thấy cảnh thương tâm không quá ngại khó khăn, không đắn đo, suy tính, ngay khi tổ chức Hồng Thập Tự chưa thành hình, hay nói cho đúng : chỉ mới thành hình trong con tim giàu tình thương đồng loại của con người phi thường đó.



Henri-Dunant

Ông chào đời ngày 8-5-1828 tại Genève. Đó là một thành phố mà phần đông dân chúng thường tỏ ra quan tâm đến những vấn đề nhân đạo như : sự hủy bỏ án tử hình, sự cải cách hình phạt khổ sai, cải tiến những hình luật lao động v.v... Genève cũng là nơi dân chúng thường được nghe giảng về sự trở lại của Đấng Cứu-thế trên quả đất cùng sự cứu rỗi của Ngài.

Cha ông, Jean-Jacque-Dunant làm một đại thương-gia và là thẩm-phán tòa giám-hộ phụ trách về cô-nhi. Thân mẫu, bà Antoinette-Calladon là chị của một nhà vật-lý-học nổi tiếng thời bấy giờ và là phụ nữ ngoan đạo, hiền thực, đầy đức độ.

Mới sáu tuổi, cậu bé vẫn theo cha đi thăm các tù nhân ở khám đường, trông thấy họ bị xiềng xích, cậu thường tỏ ra thương cảm, nói với cha : « Sau này lớn lên con sẽ viết một cuốn sách để bênh vực họ ».

Năm lên bảy trong một chuyến đi thăm Toulouse, Henri-Dunant xúc động mãnh liệt khi chứng kiến cảnh tù nhân khổ sai, mang xiềng xích mà phải cật hàng từ tàu

lên, d ròi nhữ ng trậ n mưa roi phũ phàng tàn nhẫn của bọn cai ngục. Vô cùng cảm phẫn, cậu tự nhủ : « Rồi xem, ta sẽ không bao giờ quên được cảnh tượng nào lòng này mà không tìm cách để giúp họ ».

Tại nhà trường, cậu không bao giờ học được La-tinh, song một điều đặc biệt là luôn luôn chiếm những phần thưởng nhất và giáo lý.

18 tuổi, Henri Dunant là hội viên của hội Phước thiện và đem rất nhiều thời giờ, những thời giờ dành riêng cho việc vui chơi, giải trí của mình để giúp đỡ kẻ tàn tật, khổ nghèo. Mỗi chủ nhật, người ta thấy bóng dáng thiếu niên này ra vào nhà lao Genève, cậu mang vào nơi buồn thảm, u tối này những món quà vật chất và tinh thần : sách báo, quà cáp, và những lời an ủi dịu dàng để giảm bớt đau khổ của tù nhân trong ngục thất.

Sau một cuộc leo núi, cậu quyết định rủ một số bạn bè họp thường xuyên tại nhà mình mỗi tuần để họ hỏi và khuyến khích nhau làm việc nghĩa. Không bao lâu, những buổi họp vào ngày thứ năm đó đưa đến kết quả là « Đoàn Thanh Niên Thiên-Chúa-Giáo » được thành lập. Henri-Dunant bắt đầu nghĩ cách làm cho tổ chức này phát triển toàn thế-giới. Thoạt đầu, chàng viết thư giao thiệp với tất cả mọi người khắp nơi yêu cầu họ giúp đỡ và sau, bằng phương tiện riêng của mình, với tư cách là người tổ chức và đại diện của đoàn thể này, Henri-Dunant sang Pháp, Bỉ, Hòa Lan và ngay cả Algérie để cổ động cho phong-trào được lan rộng.

Bất cứ một nơi nào mà Henri Dunant đặt chân đến đều có những buổi họp, những cuộc thảo luận sôi nổi, nhiều nhóm được thành lập. Tháng 3-1855 Henri-Dunant đưa ra một thông tư làm căn bản cho một tổ chức quốc tế và hai

tháng sau đó, «Liên Đoàn Thanh Niên Công Giáo Quốc Tế» ra đời.

Vì sinh kế, Henri Dunant vào làm việc tại một ngân hàng ở Genève. Được tạm thời phái đi công tác Algérie, tức thì chàng thanh niên nhiệt thành nghĩ ngay đến chuyện làm cho xứ này thịnh vượng lên.

Trong ba năm liền, Henri Dunant tốn không biết bao nhiêu công phu để lui tới, ra vào các văn phòng, tốn không biết bao nhiêu giấy mực thảo đơn từ, vất vả vì vô số thủ tục và châu chực thăm hỏi; song những cố gắng đó đều vô ích: không mang lại cho ông một kết quả nào. Ông gặp quá nhiều trở ngại và khó khăn về pháp lý.

Biết rằng mình không thể khắc phục những trở ngại đó ông liền nghĩ đến một nhân vật có thể lực có thể thực hiện được điều mong mỏi của mình: Hoàng đế Napoléon III của nước Pháp. Thế là ông quyết định gặp nhà vua để trình bày ý kiến mình với nhà vua không ngoài mục đích mở mang xứ Algérie.

Giữa lúc đó, quân Áo và quân Pháp đang giao chiến tại Lombardie (miền Bắc nước Ý) và nhà vua thì đang trên đường ra mặt trận. Không chút chần chờ Henri Dunant lại rời Pháp, đi ngay đến Lombardie để yết kiến nhà vua.

Tại Mantoue, ông thuê một chiếc xe nhỏ và một người dẫn đường. Người này hết sức kinh sợ, hẳn ta run bầy bầy khi nghĩ đến lúc phải chạm trán cùng quân Áo, đã tính thối lui song sau cùng anh ta cũng tiếp tục cuộc hành trình nguy hiểm với Henri-Dunant.

Ngày 24/5/1859 Henri-Dunant đến Castiglione, một trận giao tranh dữ dội đã xảy ra và đang tiếp diễn tại đây, một

trận giao tranh tàn khốc nhất thế kỷ: hơn 40 000 người đang hấp hối dưới ánh mặt trời nóng như chì chảy, trong bầu không khí khó thở, không được giúp đỡ, không người cứu cấp.

Ngoài ra còn hàng ngàn xác người, xác ngựa vương vãi khắp mặt đất, thung lũng, hầm hố, cánh đồng, nhất là quanh làng Solferino. Xác chết như gieo, như vãi. Máu đọng từng ao.

Pháo binh, kỵ binh, bộ binh, thuộc nhiều quốc tịch trong hai đoàn quân say sưa chém giết nhau, say sưa cho đến cái mức cấp chỉ huy của họ cố sức tìm cách làm dịu bớt sự hăng say quá hưng bạo này đi, song vô hiệu.

Các yếu điểm của đôi bên bị chiếm, được đánh lại, bị chiếm được đánh, lại rồi lại bị chiếm và được đánh lại... không ngừng!

Từng loạt, hàng trăm hàng ngàn người gục xuống, bị dày đập, phanh ngực, lòi ruột, đạn đầy mình, khung cảnh khủng khiếp trên sự tưởng tượng của con người. Tiếng rên rĩ, ai oán của kẻ hấp hối, tiếng nguyên rủa gào khóc của kẻ bị thương, tiếng reo hò của bọn còn đang say máu y như những mũi tên nhọn xuyên thẳng vào tim ông. Nổi gót ngựa dầy xéo xác người, nhĩa những bóng súng tàn nhẫn phang tới tấp vào những kẻ đã buông khí giới, Henri Dunant tưởng như chính mình bị dày xéo, bị hành hạ, chứ không phải người trước mặt. Mắt ông lờ đi, tim ông như ngừng đập, máu trong huyết quản ông tựa hồ đông đặc lại. Ông quì xuống và nhấn chặt hai mắt lại, tưởng có thể ngắt lịm đi.

Trong giây lát, Henri-Dunant lấy lại bình tĩnh. «Ồ, không! khóc vô ích — Ông tự nhủ — Ta phải làm một cái gì, làm tức khắc. Ta phải... không! khóc vô ích...»

Ông quên phắt mục đích của chuyến đi. Ông chỉ bận khoăn có mỗi một điều : phải làm một cái gì ngay để cứu giúp đám người khốn khổ, đáng thương này, và chỉ có việc này là đáng kể mà thôi.

Nhưng làm cách nào cứu giúp họ một cách mau chóng, dễ dàng và có kết quả đây ? Giữa một vùng rộng lớn mà xung quanh đầy vết tích của chiến tranh : mặt đất thì ngập mảnh vũ khí và xác chết như gieo. Dân chúng thì quá khiếp hãi, quá mức chịu đựng chỉ những mong cao bay, xa chạy. Phương tiện giao thông gián đoạn vì xe cộ bị trưng dụng, các y sĩ của quân đội đều chuyển đến nơi khác mất rồi. Sự hỗn loạn này làm cho tình trạng thương vong càng trầm trọng bị đất thêm lên.

Nếu không phải là một người có một người có một lòng thương trời biển và quả cảm vô biên thì không thể nào thực hiện được công cuộc cấp cứu này.

Ông huy động tất cả : đàn bà, con trẻ tại địa phương, những người thuộc nhiều quốc tịch mà ông tìm gặp, hoặc tình cờ đi ngang, hoặc tò mò tìm đến ; nhà báo, nhà buôn, kỹ - thuật gia, bác-sĩ, du-khách, lính-mục, lính mới và cựu quân-nhân, lực quân hay thủy quân, sĩ quan được nghỉ phép hay giải ngũ v. v... Thậm chí, ngay cả tù nhân mà ông cũng trưng dụng trong công cuộc cứu cấp cứu này, sau khi thuyết phục được cấp chỉ-huy của cai tù.

Ông không nghĩ đến chuyện mình có quyền hay không, chỉ biết rằng có nhiều người cần được săn sóc, cứu giúp, quá nhiều, mà một mình ông không thể đảm nhiệm được, cần phải huy-động một số đông, và ông đã đứng lên huy-động họ, thế thôi.

Một điều kỳ-diệu lạ lùng là ông đã thuyết phục được hơn 300 người tình nguyện giúp ông trong tình trạng nguy ngập đó. Họ chịu sự chỉ-huy của ông, tuân theo ý muốn của ông, hoàn toàn tự đặt mình dưới quyền điều khiển của ông mà không đặt câu hỏi : Ông là ai ? tại sao mình lại nghe theo một người lạ như ông trong công tác cứu giúp không hứng thú và ghê sợ, buồn thảm thế này ?

Nhà thờ, trường học, tư gia, tất cả những nơi nào có mái che đều chứa chập thương binh. Trên nền gạch, trên những đồng rơm nằm sắp hàng, chen chúc bên nhau vô số người đủ các quốc tịch : Pháp, Á Rập, Đức, Nam-tư, Áo, v.v... Họ được đặt vội vàng tạm vào tận trong cái góc nhà thờ. Họ hoàn toàn kiệt sức cho đến nỗi không cử động, kêu rên được, một số khá hơn, mang những vết thương không mấy nặng thì chỉ kêu gào chứ cũng không mong cự quấy gì vì khoảng cách giữa họ và người khác không có. Vòm thánh đường vang rộn tiếng gào thét, nguyên rủa, kêu khóc vì đau đớn. Nhà thờ Chiesa Maggiore chứa khoảng 500 người, bên ngoài còn linh trăm người nữa nằm la liệt trên rơm, trước sân nhà thờ, dưới những lều vải căng tạm che sức nóng của mặt trời.

Sự cứu giúp lúc bấy giờ thật quả là khẩn cấp mà hết sức đơn giản. Người ta chưa dám nghĩ đến chuyện người bị thương được rửa cắt tay chân, mổ xẻ và thuốc men hẳn hoi như mọi trường-hợp khác. Vâng ! chuyện đó chưa thành vấn đề. Người ta chỉ cần những bàn tay, rất nhiều bàn tay để cho người bị thương ăn, uống, thay giúp họ những cái áo rách, băng, dính đầy máu, sau khi rửa những vết thương lăm đầy bùn, đất trên mình họ, hầu hết những vết thương này

đều cháy nám, phồng lên, sưng tấy, bắt đầu hay đã làm độc vì vi trùng xâm nhập, giữa bầu không khí đầy uế khí, bốc lên hơi hám, tanh tưởi làm người ta muốn nôn thốc, nôn tháo lúc thoát đến gần. Cũng như mọi người tình nguyện khác, ông đi lại, tới lui troăn thoát giữa đám người khốn khổ đó, giữa những tiếng rên than áo nảo đó, cho người này uống hóp nước, dứt người kia muống xúp, rửa vết thương cho người nọ, thay áo và an ủi đề anh ta dịu bớt cơn đau. Ông ghi địa-chỉ một người hấp hối đề viết thư cho cha mẹ của hắn ta. Ông xuất tiền riêng của mình sai người đánh xe đi Brescia mua bông, băng, thuốc lá bột biền, áo, cam, chanh và nhiều thứ quả khác mang về.

Rất nhiều thiếu phụ và thiếu nữ giúp ông công việc này : họ mang theo tất cả những thứ gì ở trong nước được : vại nhỏ, bình nước, chai, đến từng người một cho uống và thấm nước lên vết thương cho đỡ nhức, bớt đau. Những nữ y tá tình nguyện và bất đắc dĩ này phần đông rất xinh xắn, dịu dàng. Ánh mắt đẹp của họ chứa đầy sự xót xa, thương mến và sự tận tâm của họ làm cho người bị thương như dịu bớt đau đớn được đôi phần.

Nhiều cậu bé quanh vùng đi đi, về về từ nhà thờ đến giếng nước, từ giếng nước đến nhà thờ, đều đặn, nhanh nhẩu, sốt sắng, tay mang gàu, chum nhỏ và cả bình tưới cây, góp một phần lớn vào việc cứu giúp nạn nhân.

Trong nhiều ngày liền, ông Henri Dunant cố gắng tìm đủ mọi cách để giúp đỡ các làng quanh mặt trận. Ông thuyết phục được các bác sĩ và y tá săn sóc người bị thương một cách tận tâm, không phân biệt cấp bậc, chủng tộc và

đặc biệt, ông gây được bầu không khí tin cậy, vị tha, nhân đạo hầu như mai một từ lâu lắm trong thế-giới loài người.

Từ Solferino, từ Brescia, từ Milan, ông viết thư cho tất cả bạn bè, người quen biết thân sơ, xa gần yêu cầu hỗ trợ ông. Nữ bá tước De Gasparin là trong số những người đầu tiên tỏ ra sốt sắng nhất, đã đáp lời kêu gọi của ông. Ngày 9-7-1859 tờ nhật báo của Genève cũng đăng lời kêu gọi thành khẩn, tha thiết của ông.

oOo

Trở về Genève, Henri Dunant nhớ mãi cảnh làng mạc điêu tàn, mùa màng bị tiêu hủy, đồng lúa vườn rau bị chà đạp, phá phách, nhà cửa bị hư nát, gãy đổ, mang đầy vết tích của một cuộc giao tranh tàn khốc. Ông nhớ đến nỗi kinh hoàng ghi đậm, hằn sâu trên ánh mắt của đám thường dân vô tội khi họ từ dưới hầm tối chui ra : nhiều ngày liền không thực phẩm, không nước uống, không ánh sáng và thiếu không khí. Nhưng trên hết, ông nhớ những người lên cơn động kinh khủng khiếp, tay chân họ co giật từng hồi vì những vết thương loét to, hôi thối, vô số vi trùng hoành hành tàn phá. Ông nhớ những khuôn mặt nhẵn nhớt, xấu xí vì đau đớn tột cùng, những hình hài gãy nát, bất thành nhân dạng, những người rời cơn điên, những người quần quại, thoi thóp giường đôi mắt tri độn, thất thần, không còn tri giác... đi dần vào cõi chết mà ông cũng như nhiều người khác, vô cùng đau xót song không tài nào giành họ khỏi nanh vuốt của tử thần.

Ông nhớ những thi thể vùi nông một cách hối hả, qua loa bởi vài xẻng đất và vôi bột, những cây thánh giá cắm vội vàng xiêu vẹo trước mồ do đôi người

tốt bụng đi ngang. Ông nhớ những xác chết sình thối, nát vữa làm mỗi cho hàng đàn ruồi nhặng và diều quạ háu ăn, tụ tập đen ngòm.

Trước mắt ông chớp chồm ầu hiện cái quang cảnh khủng khiếp mà ông chứng kiến, tai ông văng vẳng tiếng rên rĩ, kêu gào của hàng vạn người hấp hối. Ông nhớ cả tiếng khóc nức nở của một du khách trẻ, lòng tốt của một giáo sĩ già, ông nhớ từng điều thuốc lá của mấy người nước Anh đến sự tận tâm của một thương-gia xứ Pháp. Ông hình dung được cả nét mặt của một thương binh khi ông cho uống nước :

— Ông ơi ! tôi đau quá... tôi không muốn chết. Tôi còn trẻ, tôi không muốn.. Ông nhớ đến một thương binh khác, từng phục vụ nhiều năm trong quân ngũ không ngừng nguyên rửa, nói với ông :

— Đó, ông coi, coi : họ bỏ rơi tôi, ông thấy không ? họ để tôi chết khốn khổ thế này đây ! (ôi đã chiến đấu gian lao bao nhiêu năm trời nay...)

Một người trẻ trẻ khác, vạm vỡ, vật vã chống cự với cái chết một cách tuyệt vọng nhưng hung tợn, đã lặng lẽ nằm yên nghe ông an ủi, dỗ dành. Anh ta dịu hẳn lại rồi sau cùng đi vào cái chết một cách ngoan ngoãn như trẻ con đi vào giấc ngủ ! Một người khác mang vết thương nhẹ, nom đầy sinh lực, sang đến hôm thứ ba, vào buổi chiều, anh ta hốc hác, suy giảm trông thấy, bằng giọng buồn rầu, anh nói ;

— Ông xem đây : tôi sắp chết phải không ? Ôi ! thôi, ông đừng dẫu. Tôi biết rõ mà. Giá tôi được săn sóc thì đâu đến nỗi, tôi khoẻ mạnh biết bao, vậy mà giờ đây, tôi sắp chết, ông ơi !

Quả nhiên, hắn cùng tắt với mặt trời.

Ông nhớ một thương binh nữa, người này đã bất ngờ chồm dậy, nắm lấy cánh tay ông, hấn thu hết tàn lực trong tay hắn, cho đến nỗi ông cảm thấy máu mình ngừng chảy trong huyết quản. Giọng tha thiết, hắn van ông cứu mạng, rồi bất ngờ—cũng bất ngờ như khi hắn chộp lấy ông—hắn buông tay ông ra... ông thấy môi hắn còn đọng lại lời trần trối cuối cùng, chưa thoát thành tiếng nói mà tử thần đã đưa lưỡi hái phạt ngang một cách vội vàng, tàn nhẫn. Ông nhớ đến một người nâng bàn tay ông đưa lên môi tỏ dấu biết ơn một cách sâu xa, vì không thốt ra lời được... ông nhớ những vũng máu nồng loang-loang, trong phút chốc khô quánh, đen thẫm. Ông nhớ cả mùi hôi tanh bao phủ quanh ông. .

Ông quên làm sao được cảnh tượng não lòng này : có nước, có thực phẩm, có bông băng, mà kẻ bị thương phải chết, vì đói, khát, chết vì thiếu những bàn tay săn sóc vết thương cho họ. Họ đã phải chịu chết một cách oan ức, không vì những vết thương trầm trọng mà rất nhiều người chết vì những vết thương không đáng kể !

Bị ám ảnh bởi những điều này, Henri-Dunant kể lại cho mọi người nghe, ai nấy đều xúc động và cũng đều đồng ý, cùng khuyến khích ông trong dự định viết thành sách những điều ông chứng kiến để khích động lương-tâm nhân-loại trên toàn thế giới, một thế giới thương tự hào là tiến bộ, văn minh.

Trong căn phòng vắng, yên tĩnh một mình, ông tập trung trí nhớ, ôn lại tất cả, không bỏ sót một chi tiết nhỏ và nhờ ở lòng thương bao la thúc đẩy cũng như thiên tài sẵn có, ngòi bút của ông đã đạt đến mức độ làm xúc động tất cả những

ai đọc cuốn « Ký ức tại Solferino » mà ông gửi đến tay họ sau này.

Quá cảm phần vì thấy thương binh không được săn sóc tại chiến trường sau khi lâm trận, ông đề- nghị : « Các quốc-gia nên thành lập ngay trong thời bình những tổ chức thường-trực gồm các đoàn nam nữ y-tá tình-nguyên ».

Ông còn đề- nghị những người cầm đầu trong quân đội các nước nên ấn định những qui-tắc quốc- tế và những qui-tắc này sau khi được duyệt-y và chấp-thuận sẽ được dùng làm căn bản cho « Hội Cứu trợ người bị thương » khắp các quốc-gia Âu-châu.

Mùa đông năm 1862, ông hoàn tất cuốn hồi ký này và bằng phương-tiện riêng, in ra gửi cho bè bạn, hàng vua chúa, quí tộc cùng tất cả các nguyên-thủ quốc-gia tại Âu-Châu.

Tướng Dufour Chỉ-huy-trưởng quân đội Thụy sĩ và cô Florence-Nightingale⁽¹⁾ đều tỏ ý thán phục sáng kiến cũng như lòng vị tha vô tị của ông, tuy nhiên cả đều có vài điểm thắc mắc về đề nghị ấy.

Tướng Dufour thì nói rằng : *Người ta khó mà thành lập ngay trong thời bình một tổ-chức cứu trợ thường trực cách đó.*

Còn cô Florence-Nightingale lại tỏ ý e ngại ở điểm : *Làm thế nào mà thực hiện công cuộc cứu trợ vượt ra ngoài phạm vi một quốc gia ?*

Quả thật vậy : chỉ có một người giàu lòng nhân ái với một đầu óc siêu việt như Henri-Dunant mới có thể có được cái sáng kiến độc đáo là thành lập một tổ chức cứu giúp nhân loại vừa có tính cách thường trực ngay trong thời bình lại vừa vượt ra ngoài phạm vi một nước mà thôi.

Các nhà quí tộc, các hàng vua chúa, nguyên-thủ quốc-gia khắp nơi đều sốt sắng trả lời ông và tỏ ra tán đồng ý kiến ông.

Và không chỉ những người trên tán trợ ông, ngay đến cả những ký giả, văn hào như anh em nhà Goncour, Victor-Hugo cũng không tiếc lời ngợi khen và tỏ lòng khâm phục sáng kiến ông. Trong một lá thư gửi cho ông, Hugo nói rằng « Ông có công lớn trong việc Bảo vệ Nhân loại và Phụng sự Tự do ».

Anh em Goncourt, ký giả có nhiều uy-tín thì nói rằng họ xúc động sâu xa khi đọc sách ông. Họ so sánh ông với Homère, với Ségur. Hơn thế nữa —vẫn lời họ— ông vượt xa Homère nhiều, chỉ một vài trang của Ségur là đạt đến mức truyền cảm như ông. Cuốn « Ký ức Solferino » của ông là thực về đời sống, về sự chết, về bạo lực, đó là một thiên Anh hùng ca độc đáo của nhân loại. Họ còn nói : « Đọc xong cuốn sách này, mọi người đều thù ghét chiến tranh ».

Gustave — Moynier một ông tòa khắc khe, nhận xét như sau : « Tác giả cuốn « Ký ức Solferino » đã mở mắt người mù, làm xúc động cả những trái tim khô cằn, lãnh đạm và trên lãnh vực tinh thần, đạo đức, nó có một tác dụng rất là đáng kể ».

Tất cả mọi người trên khắp thế giới đều khâm phục lòng quả cảm và nhiệt thành của ông. Ngòi bút ông đã làm thức tỉnh lương tâm nhân loại.

(còn tiếp 1 kỳ)

MINH QUÂN

(1) Xin xem tiểu-sử trên Bách-Khoa số 95 (15/11/60) và 96 (1/12/60) bài của Nguyễn-Hiến-Lê.

Cách-mạng và Cách-mạng

Ở Âu Mỹ đang có một phong trào do thanh niên khởi xướng mà báo chí thường gọi là phong trào cách-mạng văn-hóa. Ở Trung-hoa lục-địa từ ba năm nay cũng xảy ra một biến-cổ mang tên là Cách-mạng văn-hóa.

Trên đời, có lẽ không có gì khác nhau hơn là hai thứ cách-mạng văn-hóa ấy.

oOo

Cuộc cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông phát khởi từ tháng 11 năm 1965.

Trước đó bảy năm, vào mùa hạ năm 1958, Trung-hoa lục-địa được lệnh nhảy một bước nhảy vọt. Thoạt tiên báo chí loan tin có 43 nghìn nông dân thuộc 27 hợp tác xã ở Hồ-nam chung nhau xây dựng kỹ nghệ địa phương, đào kinh, khơi ngòi, đắp đường, lập trường học, tự đảm nhiệm lấy các tổ chức hành chánh và an ninh v.v... Như thế là tốt đẹp. Toàn quốc được phép roi gương Hồ-nam tổ chức nhân-dân công-xã. Cho đến tháng 11 năm ấy thì 120 triệu gia-đình nông dân, nghĩa là gần trọn nước Trung-hoa đã gia nhập công-xã. Công-xã có ba nhiệm-vụ chính : tiến hành gấp rút việc kỹ-nghệ-hóa sản xuất, cơ-giới-hóa nông nghiệp, điện-khí-hóa nông-thôn ; thúc đẩy sự chuyển biến nhanh chóng các mối tương-quan sản-xuất để có thể tiến mau từ xã-hội chủ-nghĩa đến cộng-sản chủ-nghĩa ; và đào tạo con người mới của xã hội cộng sản tương lai.

Thế-giới xôn xao vì cuộc chuyển mình của Trung-hoa : tài sản sáp nhập, người người ăn ở chung, lò luyện thép " bỏ

túi " mọc lên một sớm một chiều khắp nơi, lan tràn đến thôn ấp v.v... Cuộc chuyển mình của Trung-hoa thật vĩ-đại. Và đến cuối năm 1958, thì nó đi tới sự thất bại hoàn toàn : lò bỏ túi vô dụng, mùa màng thất thu, nạn đói hoành hành.

Từ đó người ta lần lượt ghi nhận những dấu hiệu không lành : Nga-xô chỉ trích bước nhảy vọt, rồi rút các cố vấn kỹ thuật về, rồi ngưng viện trợ ; từ 1958 về sau Cộng đảng Trung-hoa không triệu tập đại hội nữa (theo điều lệ thì đại hội họp mỗi năm một lần, và cứ năm năm lại bầu Ban-chấp-hành Trung-ương mới, từ 1959 về sau chấm dứt việc công bố các tài-liệu thống-kê, không còn ai biết Trung cộng tiến nhanh tiến chậm ra sao, thu đạt thêm những thành-tích gì nữa ; Mao-Trạch-Đông cảm thấy cần nghỉ ngơi và nhường chức Chủ-tịch Nhà nước cho Lưu-thiếu-Kỳ...

Sau một giai đoạn của "âm thanh và cuộn nổ" đến giai đoạn của thẳm lặng. Quốc gia tiến âm thẳm không thống kê, Chủ tịch sống âm thẳm trong nghỉ ngơi, lò luyện kim âm thẳm ngưng hoạt động, nhiều cộng xã âm thẳm tan rã... Cả nước Trung-hoa như một sân khấu lè loẹt rục rở

đang vang rộn những đèn đuốc trống kèn, bỗng dưng : màn hạ, đèn tắt, nhạc im. Bên trong loáng thoáng những tỉ rằm, bí mật. Nghe nói năm 1961 có 600 nghìn dân chết đói ; nghe nói nông dân được trả lại ruộng dần dần, chút ít ; lại nghe nói có kẻ dám chỉ trích đường lối Đảng thiếu sáng suốt, có kẻ dám chê bai Mao chủ tịch sai lầm v.v...

Lối công kích dai dẳng, quanh co, cay độc, đáng ghét nhất là của giới văn-nghệ. Họ mĩa mai, chế nhạo. Họ đem chuyện xưa ra để ám chỉ việc hiện tại. Nhân có nhiều đảng viên không tán đồng chính sách công-xã và bị thanh trừng, họ viết những vở tuồng nhắc lại các trung thần xưa kia trong lịch sử bị vua chúa đầy oan uổng chỉ vì lời nói ngay. Nhân bước nhảy vọt thất bại, họ kể những chuyện ngụ-ngôn về kẻ khốc lạc, tính điều viển vông, va đầu vào thực tại, không vỡ óc cũng xẽ tại. v.v.,

Lực lượng công kích không phải không hùng hậu, luận điệu công kích không phải không phong phú. Trái lại. Đường lối và lý thuyết của Cộng đảng Nga làm hậu thuẫn cho sự công kích ấy. Cho đến 1958, công cuộc xây dựng xã-hội chủ-nghĩa ở Trung Hoa vẫn dựa theo kinh nghiệm của Nga-sô ; tới 1958 đột nhiên xảy ra vụ ly khai. Theo cái lý-thuyết-gia Nga (và lý-thuyết-gia cộng sản ở các nước khác, kể cả Trung-hoa thuộc phái thân Nga) thì bước nhảy vọt trực tiếp tới cộng-sản chủ-nghĩa có ý nghĩa không những là ly khai khỏi kinh-nghiệm Nga-sô, mà còn là ly khai khỏi duy-vật biện-chứng, ly khai khỏi thực-tại : đây chỉ là chuyện không-tưởng, không hề căn cứ vào các điều kiện khách-quan, bất chấp qui luật biện-chứng ; đây chỉ là một thứ quyết-tâm chủ-nghĩa (volontarisme). Nhảy

vọt cũng có lý-thuyết ư ? Đó chỉ là quĩ-biên để bênh vực một quyết-định phiêu lưu, chỉ là sự nóng nảy được dựng lên thành lý-luận.

Trong khoảng thời gian những năm u ám 1960, 1961, 1962 dư-luận công kích phản đối âm ỉ tiếp tục, làm rã rời hàng ngũ ; Mao chủ-tịch làm ngo, Mao chủ-tịch còn nghỉ ngơi.

Nhưng từ 1964 thì sự tình bắt đầu đổi khác. Cơ nguy đã qua. Trước Quốc-hội, ngày 30-12-1964, Chu-ân-Lai sung sướng báo tin : « Sản-xuất nông-nghiệp đã tiến bộ trong các năm 1952 và 1963, đã thu những kết quả thiết thực hơn vào năm 1964 và đã đạt tới mức độ của những năm tốt đẹp nhất.

« Theo dự-trù thì số ngũ cốc, bông, thuốc, mía, heo, dê, cừu v.v... sẽ vượt cao hơn số thu năm 1957 ».

Năm 1964 mới trở lại mức độ những năm tốt đẹp nhất, nói thế tức là chính thức công nhận có sự trụt lui từ 1958 tới 1963. Bước nhảy vọt đã làm cho mức sản xuất nông nghiệp Trung Cộng lùi lại mất sáu năm. Không, sáu năm không đứng. Bởi vì khi mức thu hoạch thực phẩm trở lại ngang nhau, thì từ 1957 đến 1963 dân số Trung-Hoa đã tăng thêm độ một trăm triệu người, một trăm triệu miệng ăn.

Dù sao, thất bại đã được cứu vãn. Mao-Trạch-Đông bắt đầu các biện-pháp cứng rắn. Từ biện-pháp này đến biện pháp kia, dần dần đi tới cách-mạng văn-hóa vào cuối năm 1965.

Cách-mạng văn-hóa có thể chia ra làm hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, các nhà văn nhà báo lạc đường, trót công kích bước nhảy vọt và những vụ thanh trừng, bị lôi ra trách mắng thật kỹ. Về

một vở kịch của Ngô-Hàm, ám chỉ việc loại trừ Bành-Đức-Hoài, có đến hàng mấy trăm bài báo mỗ xê tư-tưởng nguy hiểm của tác giả. Các giáo-sư đại-học cũng lâm vào một hoàn cảnh như văn-nghệ-sĩ. Giới văn-hóa có nhiều con đường để chọn lựa : hoặc tự tử như Lão-Xá, hoặc trốn thoát ra nước ngoài, hoặc cúi đầu chịu nhục, bỏ bút nhận công việc chùi nền nhà, quét đường v.v.. Trong thời cách mạng, hầu hết các nhà văn-hóa Trung-quốc đều có những bản tự-phê, đại-loại như của Quách-mạt-Nhược : « Theo các tiêu-chuẩn hiện nay, những gì do tôi viết ra trước đây không có chút giá trị nào cả và đáng đem đốt... Nhờ nghiên-cứu các tác phẩm của Mao-chủ-tịch, thợ thuyền, nông dân và binh sĩ viết hay hơn tôi. »

Một nhà văn chỉ tự nhận xét có thể mà được yên thân sao. Như vậy chẳng hóa ra cách mạng dễ dãi quá đáng ? Đâu có được ! Quách-mạt-Nhược tự phê ngày 14-4-1966, đến 18-9-1966, ông bị vệ-binh-đỏ tấn công dữ dội, tung truyền đơn khắp nơi, kết án là « quân chủ-bại », là tên « văn sĩ phản động con đẻ của một gia-đình phong-kiến ». Thật đáng tội : trong bản tự phê « tên văn-sĩ » này đã dám thêm mấy chữ : « theo các tiêu-chuẩn hiện nay ». Vậy ra hẳn chỉ nhận tác-phẩm của hẳn mất giá trị là theo « các tiêu chuẩn hiện nay » thôi. Láo thật !

Do vụ trừng phạt Quách, người ta đoán các văn gia nghệ sĩ khác hẳn là phải biết cách tự phê một cách thành thật và khiêm nhường hơn nữa.

Ngoài việc bành đồn đầu óc các nhà văn-hóa trong nước, cách-mạng còn duyệt lại các giá-trị văn-hóa cũ của nhân loại : Tolstoi, Balzac, Hugo, Shakespeare, Bach, Mozart, Beethoven, Picasso,

Matisse, Degas, Renoir v.v... đều bị đá kích thẳng tay.

Điều khiển cuộc cách-mạng trong lãnh vực văn hóa này là Giang Thanh, vợ nhỏ của Mao. Một nhân vật trong Ủy-ban chính trị của quân đội lên tiếng nhiệt liệt ca tụng sự chọn lựa này. Sự chọn lựa quả thật sáng suốt : Giang-Thanh có máu văn-nghệ trong người, bà chẳng từng là đào hát sao ?

Trong giai-đoạn này, Mao-Trạch-Đông rời Bắc-Kinh về tránh ở Thợ-ag-hải Bành-Chân đã từ mười lăm năm làm thị trưởng Bắc-Kinh là một kẻ chống Mao.

Đột nhiên, vào giữa năm 1966, Mao-Trạch-Đông xuất hiện rực rỡ. Cuối tháng 5, nhóm Bành-Chân, Lục-Định-Nhất bị quật ngã ; cuối tháng 7, Mao bơi qua sông Dương-tử. Ngày 8-8-1966, Quyết nghị 16 điểm về cách mạng văn hóa được công bố, đánh dấu giai đoạn thứ hai. Từ đây, cách mạng vượt ra ngoài phạm vi văn chương, sách vở, báo chí. Đây là thời kỳ của vệ-binh-đỏ, của các cuộc mít-tinh khổng lồ đôi ba triệu người, của những xung đột đẫm máu giữa các thế lực chính trị, của tập Sách Đỏ ly kỳ trích lục lời lẽ Mao-Trạch-Đông, của những vụ thanh trừng, cướp giật quyền hành tại các địa phương v.v... Lâm Bưu, sát cánh với Mao-Trạch-Đông, điều khiển phong trào này.

oOo

Điểm 14 trong Quyết nghị 16 điểm minh định : « Cuộc đại cách mạng văn hóa nhằm mục đích cách-mạng-hóa tư-tưởng con người ».

Làm sao mà « cách-mạng-hóa » cho được tư-tưởng con người ? Nhân dân nhật báo, ngày 26-9-66 giải-thích : « Công tác của chúng ta do hàng nghìn quí tắc chi phối, xét cho cùng có thể tóm tắt vào một câu : biến cải tâm hồn con người và

quét sạch ảnh hưởng của ý-thức-hệ các tầng lớp bóc lột trong đầu óc con người, nhờ tư-tưởng Mao - Trạch - Đông ». Lâm-Bưu cũng nói rõ : « Nhiệm vụ chính-yếu của cuộc đại cách-mạng văn-hóa vô-sản của chúng ta, là làm sao cho dân-chúng hết sức rộng rãi thấm nhuần tư tưởng Mao-Trạch-Đông .. »

Đề gieo rắc tư tưởng Mao-Trạch-Đông cho được rộng, trước hết vệ-binh-đỏ tập đi. Mỗi cô cậu luôn luôn thủ sẵn một tập Sách Đỏ trong tay, họ lên đường. Mỗi tháng đi hàng ngàn dặm, lớp này tới lớp kia lui, liên tiếp không ngừng, họ có mặt khắp hang cùng ngõ hẻm để « biến cái tâm hồn » con người. Đó là một công tác quan trọng của vệ-binh-đỏ.

Chiến đấu là một công tác quan trọng khác, bởi vì cách mạng cần có bạo động. Tất cả mọi trở lực chống lại tư-tưởng Mao-Trạch-Đông đều phải bị triệt hạ, kể từ chủ tịch nhà nước là Lưu-Thiếu-Kỳ, bí thư đảng là Đặng-Tiểu-Bình trở xuống. Trở lực là người thì hoặc giết chết, hoặc tù đầy, hoặc đánh đập tàn nhẫn, hoặc chửi mắng nhục mạ công khai v.v... ; trở lực là tổ chức, như cơ-quan nhà nước hay cơ-quan đảng hay xí nghiệp v.v..., thì triệt hạ, với sự hợp tác của quân đội nếu cần, để thay thế bằng những cơ quan mới với nhóm người điều khiển mới.

Cuộc đàn áp khốc liệt gây ra một tâm lý khiếp đảm. Dân chúng Trung-Hoa lục-địa là sự quýnh quáng và nói nhảm nhí : nơi này có người đàn bà khoe đẻ nhanh nhờ tư-tưởng Mao-Trạch-Đông, nơi kia một ông bác sĩ khoe mổ xẻ có kết quả nhờ tư tưởng Mao-Trạch-Đông, nơi khác có vụ mùa thu-hoạch khá nhờ tư-tưởng Mao-trạch-Đông... Alberto Moravia viếng thăm Trung-Hoa được một nhà văn tên tuổi nước này tiếp kiến, và đã thuật lại một

lề lối đàm-thoại khó tin : khách và chủ đều cầm Sách Đỏ lăm lăm trong tay, muốn nói gì cứ lật sách ra tìm một câu vừa ý, hô lớn số trang, rồi đọc một đoạn tư tưởng Mao-Trạch-Đông, kẻ muốn trả lời cũng lật sách tìm một câu khác, hô lớn số trang, rồi lại đọc một đoạn tư tưởng v.v...

Nhưng cuộc đàn áp cũng gây ra những chống đối, dĩ nhiên. Ở Vân-nam Phúc-Kiến, Tân Cương, Trùng Khánh v.v.. xảy ra rối loạn dữ dội. Mãi tới bây giờ cuộc tranh chấp vẫn giằng giũa tiếp diễn : Lưu-thiếu-Kỳ vẫn còn đó, nội loạn có lúc tưởng chừng sắp làm sụp đổ quyền hành ở Hoa-lục.

oOo

Cách-mạng văn-hóa ở Tàu là một cái gì thật lớn lao và lạ lùng : nó huy động một lực lượng quá sức đông đảo, nó tung ra những hành động bất ngờ táo bạo, và thu đạt những kết quả kỳ quặc. Bên phía Cộng-sản cũng như bên phía tư-bản, lắm người theo dõi. Và ngạc nhiên.

Cách-mạng văn-hóa là chiến đấu cho sự toàn thắng của tư-tưởng Mao-trạch-Đông, nhưng chắc không ai đoán nổi tư tưởng Mao sẽ thắng đến mức độ nào. Lâm-Bưu viết : « Mọi vật phát triển nhờ mặt trời, và làm cách mạng thì nhờ tư tưởng Mao-Trạch-Đông ». Tờ Nhân dân nhật báo, ngày 1-6-66 viết : « Khắp nơi, các dân tộc cách mạng đều mỗi lúc mỗi nóng lòng muốn được thấm nhuần tư tưởng Mao-Trạch-Đông... Ánh sáng rực rỡ của tư tưởng Mao-Trạch-Đông chói chang vũ trụ ». Nhiều thơ văn được sáng tác để cảm ơn Mao vì đã làm cho... mặt trời mọc, cho cơn mưa tốt lành tưới kịp lúc xuống mùa màng, cho lúa trở bông v.v... Một anh tài xế chữa được xe

nhờ tư tưởng Mao, thành phố Thượng-hải đã chấm dứt tình trạng chậm tiến về kỹ nghệ trong mười sáu năm nhờ tư tưởng Mao, một công ty bán trái cây đã giải quyết nạn dưa thối nhờ tư tưởng Mao v.v...

Rất cuộc Mao Trạch Đông thành ra huyền hoặc, linh thiêng. Roger Garandy ngần ngừ dù có thể cũng không trái với truyền thống Trung hoa : viện dẫn Marcel Granet, ông nhận xét rằng xưa nay dân tộc Trung hoa không hề thờ thần mà chỉ thờ người, Kuông tử với Lão tử² đều làm lơ không đá động tới thần ; đáng sùng bái chỉ có Thánh và Hiền tức những nhân vật lỗi lạc tài trí. Ngày nay dân Tàu có đưa thêm lên bàn thờ một ông thánh họ Mao, đâu có gì là lạ. Duy nhà trí thức cộng sản chỉ lấy làm phiền hà vì chỗ chuyện thờ phượng lần này có dính dáng tới chủ nghĩa mác xít. Roger Garaudy băn khoăn ; " Cuộc cách mạng văn hóa, được khởi xướng nhân danh chủ nghĩa xã hội khoa học và tinh thần vô sản, phải chăng sẽ đưa tới sự phục hồi những tín ngưỡng dị đoan nhất của cổ thời ? " (1) Ông mãi mãi nhắc đến câu chuyện vua Hoàng-Đế ngày xưa sai khiến Âm Dương, quán xuyến càn khôn vũ trụ.

Mặt khác, tư tưởng Mao Trạch Đông không thể thắng các tư tưởng khác mà không làm tổn hại đến mạng người. Các tư tưởng không xáp chiến như hai lực lượng trừu tượng vô hình ở giữa không trung. Không. Tư tưởng mang lối người đề chiến đấu. Vì vậy, tư tưởng xung đột nhau, người chết như ngôe. Có điều đáng đề ý là nạn nhân thường thường không phải ai đâu xa lạ, không phải là những phần tử nguội lạnh hững hờ vô thưởng vô phạt trước sau vẫn đứng

ngoài lề các cuộc đổi thay của xã hội. Những phần tử ấy có lẽ đa số còn được an thân. Trái lại, chính những đồng chí, những kẻ nồng nhiệt hăng say đã hiến gần trọn đời người cho Cộng đảng, như Bành đức Hoài, như Bành-Chân, Lưu-thiếu-Kỳ, Đặng-tiêu-Bình, Đinh-Linh, Mao-Thuần, Quách-mạt-Nhược v. v... Mấy tháng trước K. S. Karol gặp mặt Quách-mạt-Nhược chừng chục, phương phi, đầy tin tưởng, hùng hồ nhiệt mẫn bọn xét lại, mấy tháng sau K.S. Karol được tin Quách bị liệt vào hạng xét lại và đang hì hục tự phê ; K.S. Karol vừa phỏng vấn một Chu Dương cuồng tín, xỉ vả Krouchev, chê bai văn nghệ tư-sản Âu-Tây của thế-kỷ 19 xong, chẳng bao lâu lại nghe tin Chu Dương bị kết tội bênh vực Krouchev, mê say văn nghệ tư sản thế kỷ 19... Và chà đạp thật tàn nhẫn : Chu Dương bị gọi là : " Quân xét lại phản cách mạng trăm phần trăm ; quân sát nhân ; đồ cáo già ; đồ lang sói ; đồ rắn độc đẹp mã ; đồ quỷ sứ. ". Chu Dương đã truy nã Đinh-Linh trong bao nhiêu năm gặt gao như thế nào, thì đến lượt ông lại bị đối xử phải phàng thế ấy. (2) Rất cuộc, không biết trong giới quân sự gồm những tay đóm lược, trong giới chính trị gồm những tay mưu trí, thì sự tình ra sao, còn như giới văn nghệ ở Hoa lục tinh thần của họ thật đáng thương. K.S Karol bảo : ... « không có một nghệ sĩ nào, không có một nhà trí thức nào hé một lời công kích chế độ hiện tại trước mặt tôi. Chắc chắn lòng hăng say chính trị ở đây cao hơn ở nước Nga dưới thời Staline gấp mười lần và giới trí thức chịu những hy sinh về vật chất

(1) *Le problème chinois*, trang 180.

(2) *Le Chine de Mao*, các trang 275, 277, 280, 285, 297 đến 306.

lớn lao hơn vô cùng. » (1) Tác giả loay hoay tìm hiểu lý do của thái độ ấy. Coi bộ ông ta vất vả tìm kiếm khó khăn : đang sống ở một xã-hội tự-do Tây-Âu ông ta thiếu cái kinh-nghiệm này của các nhà văn hóa Hoa-lục : nỗi khiếp sợ đối với chính-quyền.

Tổ cáo những Bành-đức-Hoài, Đinh-Linh, Chu-Dương v. v... là phản cách mạng, là có tâm địa chống chế độ cộng sản, trở về với tư bản, phong kiến v.v... ? Có vẻ khó tin. Nhưng tại sao lại làm cái trò như thế ? Không nhằm những kẻ vô thưởng vô phạt ngoài đảng mà nhằm bôi tro trát trấu vào mặt những đồng chí từng sống chết với đảng, cuộc thanh trừng bày ra ý nghĩa một cuộc tranh giành thế-lực : chỉ những đồng chí họ mới có thế-lực, mới cần quật ngã, chứ các phần tử vô lực thì đáng kể gì. Jean Emile Vidal coi ý nghĩa đây là hiển nhiên : « Sự can thiệp trực tiếp của quân đội tiếp theo lời kêu gọi ngày 25-1-1967 của Mao-Trạch-Đông, làm cho việc dùng danh từ « cách-mạng văn-hóa » trước hết làm một uyển-từ để che đậy cuộc giành giật quyền-hành do phe Mao chống lại đa số trong Cộng đảng Trung hoa và trong các tổ-chức công-quyền do cách mạng thiết lập, việc ấy trở thành hiển nhiên. » (2)

Người ta nhớ lại ở Nga xô trước đây cũng từng diễn ra một cái gì tương tự. Đến 1934, công cuộc tập-sản-hóa ruộng đất được xem là hoàn tất : hàng mấy triệu nông dân bỏ mạng, nhưng chính sách đã thực hiện xong, tốt đẹp ; đại-hội Cộng-đảng lần thứ 17 họp năm ấy trong tinh thần hoan hỉ thắng lợi. Không ngờ, chính từ năm ấy, đến lượt các đảng viên, các cán bộ cao cấp, các văn-nghệ sĩ, trí thức v.v... bắt đầu chịu thảm họa. Kirov bị giết vào tháng

12-1934, rồi chín mươi tám người trong số một trăm ba mươi chín ủy viên ban Chấp hành Trung-ương được bầu ra do Đại-hội 1934, lần lượt kẻ bị giết người bị tù, mất tích. Rồi hết việc này tới việc khác, tuần tự xảy ra những tội ác ghê gớm mà sau này Krouchev mang ra trần thuật tại Đại hội lần thứ 20.

Nhưng cuộc khủng bố đối thủ để độc chiếm quyền-hành của Staline tiến hành trong âm thầm kín đáo, được é n nhem trong bao nhiêu năm, không gây nên dư-luân ồn ào ở bên ngoài. Trái lại, việc làm của Mao-Trạch-Đông khiến long lở cả lục-tịa, sôi nổi cả dư-luận quốc-tế, rối loạn cả hàng ngũ cán bộ đảng và chính quyền, xáo trộn cả đời sống, hoang mang cả tinh thần dân chúng. Tại sao vậy ? Raymond Aron (3) nghĩ rằng Staline có cái may mắn trong tay một tổ-chức mật-vụ tài-giỏi và trung thành, công cuộc cải-cách nông-nghiệp của ông ta lại thành công; còn Mao Trạch-Đông phần thì nhảy hụt một bước nhảy vọt, bị mất cả uy thế, phần thì thiếu một công-cụ trấn áp sắc bén và kín nhem nên phải sử-dụng đến quân đội và đám trẻ náo nhiệt.

Từ cách mạng 1917 ở Nga đến 1934 cách nhau mười bảy năm ; từ cách-mạng 1949 ở Tàu đến cuộc tập hợp khổng lồ vệ-binh-đỏ vào tháng 8-1966 lại cách nhau mười bảy năm nữa. Một sự tình cờ, hay một tất yếu lịch sử ? thứ tất yếu có thể lam rụng rời Karl Marx.

oOo

Một biến-cổ như cuộc cách-mạng văn-hóa đang xảy ra bên trong một nước Trung hoa đầy bí mật không dễ gì đoán

(1) *Le Chine de Mao*, trang 315.

(2) *Où va la Chine*, tr. 13.

(3) Trong *Le Figaro littéraire*, số 1097, ra ngày 24-4-1967.

hiều tất cả ý-nghĩa ngay từ lúc này.

Nhưng dù thế nào, nó không có chút gì giống với phong trào cách-mạng văn-hóa ở Âu-Mỹ hiện tại,

Trước hết, người ta tự hỏi thực chất của biến cố ở Hoa lục có phải là một chuyện văn hóa? Khởi đầu với một lý do văn hóa cho đến tháng 8-1966, nó từ từ xuất lộ chân tướng như cuộc xung đột giữa hai thể-lực chính-trị.

Mặt khác, trong khi thanh niên nam nữ Âu Mỹ đứng lên đề chống lại sự áp bức của quyền hành một chiều, thì các cô cậu vệ-binh-đỏ đứng lên đề củng cố địa vị và quyền hành của một người. Trả lời cuộc phỏng vấn của báo *Life*, J. J. Servan Schreiber cho rằng nhu cầu của cuộc cách mạng giới trẻ ở Pháp là "một cuộc đối thoại thường xuyên". Còn nhu cầu của cách mạng văn hóa tại Hoa-lục? Rõ ràng đó là nhu cầu độc-thoại của tư-tưởng Mao-Trạch-Đông, quyền hành Mao-Trạch-Đông. " Tư tưởng Mao-Trạch-Đông là chót đỉnh chủ-nghĩa mác-xít lê-ni-nít của thời đại chúng ta.. Lý thuyết và thực hành của đồng chí Mao Trạch Đông hợp thành một chân lý khách quan và bất biến. Hoặc tán thành tư tưởng Mao Trạch Đông và noi theo đề hành động, hoặc ngược lại, đó là ranh giới phân biệt giữa chủ nghĩa mác-xít lê-ni-nít và chủ nghĩa xét lại, giữa cách mạng và phản cách mạng." (1) Con đường sống chết thực phân minh, dứt khoát!

Bản chất của phong trào thanh niên Âu-Mỹ là chống đối lãnh đạo, bản chất của phong trào vệ-binh-đỏ là tuân phục lãnh tụ đến sát đất. Hãy khoan, đừng nói tới cuốn Sách Đỏ đầy quyền lực, tới vụ đẻ nhanh nhờ tư tưởng Mao chủ tịch, chỉ tưởng tượng Daniel Cohn - Bendit hô "De Gaulle muôn năm", các

sinh viên nổi loạn ở Californie hô "John son muôn năm" cuộc nổi loạn đã đủ buồn cười rồi. « Một cuộc nổi loạn của nhà nước », do nhà nước tổ chức, đề xướng bằng một quyết nghị, do nhà nước điều khiển.

Một bên là đánh đổ, phủ nhận, hư vô; một bên là tận tụy, phục tùng, suy tôn. Một bên không ngại những ngổ ngáo lỗ lã, nhưng lại đặt ra một vấn đề quan trọng. Một bên nghiêm túc dữ dằn khắc khổ, nhưng hành vi lại có chỗ bao hàm ý-nghĩa lỗ-bịch.

Và lại, còn điểm dị biệt này tương cũng quan trọng : một đảng, ở Âu Mỹ, là sự vùng dậy của thanh niên ; một đảng, ở Hoa lục, là sự vùng dậy của vợ chồng Mao-Trạch-Đông cùng Lâm-Bưu—Uã ? còn các vệ-binh-đỏ ? — Họ chỉ là những phần tử đáng thương bị lợi dụng làm phương tiện. Roger Garandy nói đến " một cuộc phỉnh dỗ ng y hiềm ".

Thành thử giữa phong trào thanh niên ở Âu-Mỹ và ở Hoa lục, quả chẳng có gì để mà so sánh nhau. Bởi vậy, trong khi lớp trẻ Tây-Âu với Đông Âu, bên này và bên kia bức màn sắt, xích lại gần nhau, cảm thông nhau, thì các cô cậu vệ-binh-đỏ thù ghét cả hai. Hiện-tượng thanh niên siết chặt hàng ngũ vượt biên giới quốc-gia, hiện tượng ấy không lan rộng tới Hoa-lục. Tóc dài, quần chật, váy ngắn, nhạc jazz, tranh trừu-tượng v.v., có thể làm gạch nối giữa lớp trẻ Nga và Mỹ ; nhưng các món ấy bị các cô cậu vệ-binh-đỏ xếp hàng sau Giang-Thanh quát đuổi như đuổi tà.

oOo

Bảo rằng cách mạng văn hóa Âu-Mỹ là chuyện riêng của những xã hội mà

(1) Nhân dân nhật báo, số ra ngày 1-6-1968.

kỹ thuật phát triển tốt đẹp, rằng các quốc gia hậu tiến không thể biết đến, cũng không đúng. Sinh-viên đã nổi-dậy ở Nam dương, ở Le Caire, ở các xứ Nam-Mỹ, ở cả xứ Thái-lan bình lặng.

Sự thực các xứ nông-nghiệp không sản sinh ra phong trào thanh niên chống đối, nhưng không có gì ngăn cản phong trào ấy lan tràn vào. Chuyện hippy không phát sinh ở Lào, nhưng không phải xứ Lào heo hút không vất vả vì các hippies.

Cũng như các ông Lư-thoa, Mạnh-đức-tư-cư không sinh ra ở Trung hoa, nhưng một khi quí ông đó ra đời rồi ở một nước xa xôi có điều kiện kinh tế tế thích hợp cho sự nảy nở của tư tưởng dân chủ, thì tư tưởng Lư-thoa Mạnh-đức-tư-cư có thể vội vàng bay đến Trung-hoa ngay. Xứ sở của Nga hoàng nông nghiệp không làm nơi phát sinh lý-thuyết cộng-sản, nhưng lý-thuyết cộng-sản đã xuất hiện ở một nơi thích hợp đâu đó rồi thì nó vẫn không ngần ngại đến hoành-hành trên nước nông nghiệp của Nga hoàng,

Thanh niên trí thức các xứ Á-Phi

trước đây đã buồn nôn được giống hệt như Sartre, thì bây giờ họ có thể căm giận nhanh chóng đối với cái « Establisment ». Miễn họ không phải là thanh niên Hoa lục !

Bởi vì ở Hoa lục, các cô cậu có được biết mô tê gì đâu ! Đại loạn là đảo nhưng lại có nhiều liên-hệ đối với sinh hoạt của phần thế-gới còn lại, Hoa lục tuy thuộc lục địa nhưng lại là một thứ đảo ở chơi với ngoài phần đất còn lại của nhân-loại. Hội nghị Mỹ-Bắc Việt ở Ba-lê hiện nay khắp hoàn cầu ai mà không biết, ai mà tưởng tượng giữa thế kỷ XX có thể dấu nổi dân chúng một chuyện như thế ? Vậy mà Nga đã trách Trung cộng không cho dân chúng hay biết chuyện ấy.

Đời sống tinh thần của thế-hệ thanh niên này ở Hoa-lục hãy còn bị chế ngự nặng nề. Còn lâu họ mới ngẫm tới cách mạng chống đối. Trong khi chờ đợi, cái họ đang làm là thứ cách mạng theo quyết nghị 16 điểm của nhà nước.

VÔ PHIẾN

VI-1968

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483BYT - D.P.Đ.

CÚI MẶT

Sáng hôm sau ngày tám tuổi, cơ quan bắt đầu gọi người lên khai-suất. Đám tù lại được dịp sống lại với những hy vọng bỏ quên từ lâu. Nét mặt người nào cũng lộ vẻ đăm chiêu, những ý nghĩ ngồn ngang trong lòng. Ra tự giác không phải là một bước đi bỏ xa hiện tại nhưng ít ra cũng là một dịp để gần lại cuộc sống ngày xưa.

An và ba người đàn bà được gọi lên đầu tiên. Mỗi người được phát một tờ giấy lớn làm thành khăn. An lại ngồi còng lưng suốt buổi bên cạnh một tảng đá hý-hoáy viết đem nộp cho ông Sáu Côn. Ngay buổi chiều mọi người được gọi lên lần nữa. Ba người đàn bà trở lại ngay sau đó với dáng vui vẻ. Ông chín già cười với họ từ ngoài cửa :

— Sao ? ế rồi hả ?

Họ đi sát vào nhau, đầu hơi cúi xuống, cười thật nhẹ thay cho câu trả lời. Họ trở về chỗ thu xếp đồ đạc. Mụ Xuân nhìn họ trừng trừng rồi hỏi :

— Mấy chị được về rồi sao ?

— Đâu có, mới ra tự giác — Một người đáp.

— Chị làm ơn kiểm dùm thằng con tôi, nó mới ba tuổi, nó cháy đen thui.

— Tôi sẽ kiểm cho chị, rồi chị cũng được về như tôi mà — Bà Phận vừa

cuốn tấm lá vừa nói giọng buồn buồn

— Ờ rồi cơ quan cũng tha cho tui, nhà tui cháy rồi, tôi đang mót khoai thì bắn nhau, cách mạng bắt, nói tui đi báo cho súng bắn, tôi đâu có hay gì...

Ông chín già quay vào nói lớn :

— Xuân, ai biểu mày khai ra đó, hết muốn sống rồi sao ?

Mụ Xuân vén một ống quần, vỗ bành bạch vào bắp vế :

— Tôi biết quá mà, chồng tôi đi lính chết rồi, ai biểu các người bắt tôi.

— Đi mẹ con khùng, có cần cái miệng lại không ? Ông chín già đứng lên tay khuỳnh khuỳnh ra sau.

Mấy người đàn bà ôm đồ đi như lúi ra khỏi phòng. Mụ Xuân ôm mặt khóc, mái tóc xõ tung trên vai. Ông chín ngồi xuống mắt lừ lừ giận dữ :

— Nó mà khùng cái gì, giả bộ hoài, treo ngược lên cây là hết khùng.

An về đến cửa. Một vài người đưa mắt dò hỏi. An lẳng lặng giơ hai tay cho ông chín khóa còng. Thảo nói nhỏ : « Không ổn rồi ». Quang ái ngại đưa mắt nhìn An đang dơ tay lau mồ hôi trán. An nhắm mắt lại, tựa đầu lên thành gỗ, hai chân duỗi dài. Quang vợ vẫn nhìn ra ngoài sân. Đàn gà của bà Sáu đang thông

thả dài đất kiếm mồi dưới gốc cây sồi.
« Sống trong chế độ nguy quân ; nguy quyền, bà con ít nhiều đã phạm những tội lỗi với nhân dân... » Quang nhớ tới lời nói của người dân quân ở xã và nghĩ tới những điều mồn sắp phải khai.

Một người cảnh vệ bước vào miệng ngậm thuốc nhìn quanh quất khắp phòng, dơ tay vịn lên cây xà ngang, rồi cúi xuống nói với mẹ Xuân :

— Sao đây ? khóc nữa hả, chết rồi.

Ông Cấn già xen vào :

— Nó vẫn khùng khùng hoài vậy đó anh Tư. Tôi là nó hoài, ngót là nó lại làm nhảm nói tới con nó.

— Nè bà Xuân, tôi biểu bà một cách, bà đừng có theo ba thằng Mỹ nữa là hết khùng. Nó bỏ bom, nó đốt cháy nhà bà mà, bà nhớ không ? Nó đâu có thương tiếc gì bà. Tội dã-man !

Người cảnh vệ cúi sát xuống gần mẹ Xuân, rồi ngẩng lên nói tiếp với mọi người :

— Hồi này mấy cái xã gần núi tụi Mỹ nó đốt phá tan tành hết, gặp ai nó cũng bắn, ai nó cũng nói là Việt-cộng, người mình chết đâu có ăn nhập gì tới nó, chết bao nhiêu không được.

Một vài người chép miệng, tỏ vẻ buồn bã như đề cho câu chuyện đậm đà thêm. Quang thấy bức mình trước cái kiểu lấy lòng đó. An vẫn nhắm mắt, ngồi bất động như pho tượng, mặt lăm lăm mồ hôi. Ở phía cuối phòng, Bốn Khanh cất tiếng nói về nịnh bợ :

— Khăn đâu đẹp dữ thần vậy anh Tư ?

Người cảnh vệ ném tàn thuốc, xòe tay cho chiếc khăn bung ra, dơ cho mọi người thấy hình một con chim đang

bay và một dòng chữ bằng chỉ đỏ thêu vung ở góc khăn : « Anh đi vì nước diệt thù » ;

— Khăn này của mấy cô thiếu nữ tặng tụi tôi mỗi đứa một cái, hồi tụi tôi đánh thắng bọn Mỹ ở Kiến-Long.

Bốn-Khanh vẫn không rời mắt khỏi chiếc khăn thêu, cười cười như ngại cho câu nói sắp đến của mình :

— Vậy mà tôi cứ ngỡ của...

Hắn bỏ dở câu nói, cười ngượng ngáp. Người cảnh vệ cúi mặt đi đi mấy đầu ngón chân lên sàn :

— Vợ tôi chết rồi, nó trúng đạn đại bác. Nó tiếc ba cái gạo lúa...

An như từ hồi nào vẫn yên lặng trong thế ngồi của mình, mở choàng mắt, nói cắt ngang câu chuyện :

— Anh Tư ! anh làm ơn xin giúp cho tôi khai nốt ít điều.

— Sao sáng không khai, nghi kỹ chưa ?

— Dạ rồi, tôi xin nhận hết.

Người cảnh vệ nhìn An dò xét :

— Làm gì nhận nấy, anh sợ gì. Nhận tội sẽ được khoan hồng, cách mạng có muốn giết ai đâu, anh không phải thằng Mỹ, anh là người Việt mà.

An dạ nhỏ nhỏ. Người cảnh vệ gấp chiếc khăn nhét vào túi, vừa lúi vừa quay lưng đi :

— Được ! để tôi lên trình giúp anh coi.

Mọi con mắt tôi đổ dồn về An. An dơ tay day day trán rồi cúi xuống gục đầu trên hai đầu gối. Quang nhìn những ngón tay gãy, xanh mướt của An buông dài trên mu bàn chân, cố gắng mừng tượng lại một An những ngày mới gặp trong phòng giam. Khung cảnh những người tù sau mỗi bữa cơm, luyện tiếc

ngồi nán lại trước những chiếc hòm gỗ nhỏ tối tăm, mịt mùng gây cho Quang một ý niệm về thời gian. Nửa năm rồi! Nửa năm với những chiếc còng ở chân rồi ở tay, những chiếc hòm rồi những sợi dây cột; nửa năm với những ngày mong đợi, lo lắng, muộn-phấn. Quang có cảm tưởng mình đã chìm đắm trong những ngày dài, mông mênh đó. Nhưng đồng thời những ngày đó đã trôi đi, liên tục, triền miên như dòng nước và Quang lơ mơ cảm thấy mình đã chẳng sống được chút gì cho riêng mình. Quang đã không sống trong những ngày đã qua.

Người canh vệ trở lại. An được mở còng rồi đi ra. Quang tiếp tục nghĩ tới những gì sẽ xảy ra cho mình nửa năm sau. Quang sẽ ra sao lúc đó? Quang vẫn còn ở tù, vẫn quanh quẩn với những gốc cây to lớn của cánh rừng này? — không phải, mình sẽ về, mình phải được về. Quang thấy như mình đang dẫm chân trên con đường đất đỏ dẫn vào xóm, hai bên đường vẫn những cây bông mọc rải rác lũng lảng những trái khô chín, hàng sấu đứng trụi lá với những cành khẳng khiu, mũi Quang vẫn ngửi thấy mùi đất ẩm từ dưới ruộng bốc lên hòa lẫn với mùi cỏ dại và mùi phân trâu bò. Cùng với con đường mòn, nếp sinh hoạt ngày xưa làm Quang ngây ngất. Quang thấy thêm được nhìn lại mái nhà bếp thấp lè tè, thêm rựa lưng vào đụn rơm trong góc vườn, thêm bắt những dây cỏ mọc lan trên bờ giếng.

An đã về, mọi người đưa mắt dò xét. An lẳng lặng dỡ gói thuốc ra chia cho mỗi người một điếu. An nói đã được ra tự giác và gói thuốc đó là của ông Ba Lớn cho. Cả gian phòng um khói thuốc. Trong lúc An thu-xếp đồ đạc thì mỗi người nói một câu chúc tụng làm gian

phòng ồn-ào. Lúc An đứng dậy đi ra ngoài, Quang thấy lòng vui rộn lên một cách bất ngờ, Quang gọi lớn:

— Anh An! tôi hứa sẽ ra tự giác với anh kỳ này, tôi cũng ngoài sáu tháng rồi.

An quay lại dơ tay nắm chặt tay Quang:

— Chào bồ, ồ bồ thì chắc chắn sẽ ra: Hôm nay bồ có vẽ bột phủ rồi đó.

An vừa nói vừa liếc nhìn xuống chân Quang. Quang cảm động nói đáp ứng:

— Dạ... dạ... cảm ơn, tôi cũng thấy mấy hôm nay người khỏe khỏe.

An cười siết chặt tay Quang một lần nữa rồi đi ra. Quang nhìn theo cho tới lúc An khuất hẳn trong túp lều của ông đoàn phó bên bờ suối bên kia; lòng náo nức một niềm vui không rõ rệt. Ngày mai, ngày mốt hay cùng lắm là một tuần lễ nữa, Quang sẽ được gọi lên khai suất, Quang sẽ ra tự giác, sẽ đi lao động. Chiếc còng trên tay không còn nữa, tối ngủ cũng phải cột chằng vào người này người nọ, Quang sẽ được thanh thoi, tha hồ vận động. Những lúc rảnh rỗi, Quang có thể cỏi trần ra tìm một chỗ nào đó ngồi hóng nắng tùy thích. Nếu chịu khó hoạt động và phơi nắng mỗi ngày, da dẻ sẽ hồng hào trở lại và người bớt phủ đi. Trong lúc sung sướng với những viễn-ảnh tương lai, Quang thấy người tràn trề sức khỏe tưởng như những hồi nào có thể chạy suốt một quãng đường dài từ đồn về nhà mà miệng vẫn có thể huýt sáo không lạc nhịp.

Ông Tám Xu bắt đầu lên cơn sốt, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Ông nằm xuống kéo tấm mền phủ kín đầu, người co quắp như một con cuốn chiếu. Quang kéo nốt tấm mền của mình phủ

lên người ông. Con sốt mỗi lúc một mạnh, người ông rung lên như một sợi dây đàn. Ông bắt đầu rên hừ hừ và nói lảm-nhảm trong miệng. Một vài người đưa mắt nhìn ái-ngại. Một lát sau, cơn sốt qua đi, ông lộ đầu ra khỏi mền, mồ hôi chảy từng dòng trên mặt. Ông mở mắt nhìn Quang lơ đãng. Ông đòi uống nước như mọi lần và cũng như mọi lần Quang lập lại lời từ chối :

— Không nên ông Tám, sốt rét uống nước hại lắm.

Ông Xu lắc đầu, há miệng chờ đợi. Quang nhìn làn môi khô đỏ, nứt nẻ của ông phân trần :

— Khổ quá, ông Tám, tôi đâu có hẹp gì miếng nước mà điều ông đừng uống hại lắm.

Ông Xu nhắm mắt lại, thở hắt hên. Quang áp náy như vừa làm một điều gì không phải nhưng không thể làm hơn. Quang buồn rầu nhìn xuống chân. Hai ống chân phù lên trắng bầy như một cái ống, thịt dầy lên bì bì lấp đầy chỗ xương mất cá. Quang nắm nắm những ngón chân sưng múp của mình có cảm tưởng như nước từ trong người rút xuống ứ lại ở dưới chân làm căng phồng lớp da. Quang đoãi chân xem lại vết thương. Vết thương càng ngày càng lớn miệng, lở loét, nước vàng rịn ra chảy xuống gót chân khô đi thành một lớp vảy vàng nhờ và bóng. Quang nhăn mũi, thoáng nghĩ thấy mùi tanh tươi ở chân mình bốc lên.

— Này Quang, mày đã sửa soạn để khai suất chưa ? — Tiếng Thảo hỏi đột ngột bên cạnh.

Quang cười nghi ngờ, môi hơi nhếch lên :

— Chắc gì !

— Sao không, mày lâu quá rồi.

— Biết đâu đấy, không chừng mày lại được kêu trước tao. Có nhiều người vô sau tao ra tự giác hết rồi.

— Thiệt không, mày nói thiệt không ? Thảo hỏi dồn.

— Thiệt chứ, để coi coi, thằng Chính, thằng Mậu, thằng Khiên...

Những tin tưởng vu vơ được dịp bùng lên, Thảo hớn hở :

— Tao cũng nghi nghi vậy từ hồi sáng giờ, tao đâu có tội gì nặng đâu, tao chỉ đi dân vệ.

Ông Chín già từ ngoài cửa bước vào, tay mân mê ngón tay cụt, đi như lê trên mặt sạp : « Cầu tiêu ! Cầu tiêu ». Ông Tám Xu gương mặt nặng nhọc. Quang kéo tã mền của mình, vụng về cuốn lại vắt ra sau lưng. Thảo vẫn còn say sưa với những ý nghĩ của mình, vừa nói vừa nhìn lên trần nhà.

— Ý này nếu được kêu, tao khai bóc lột hết, tao định khai cả vụ tao với con Tư.

Ông Chín kêu ngoài cửa !

— Đi đi ! mau lên, hai dây đầu.

Quang đưa mắt nhìn những cô cấp dưỡng đương chia cơm ngoài sân tự nhủ : mình còn ăn hai bữa bắp nữa, ngày kia là hết rồi.

Cơm nước xong, ông Xu có vẻ bớt mệt. Ông nói chuyện về cơn sốt hồi chiều, ông diễn tả một cách lộn-xộn nhưng đại khái Quang cũng hiểu ông vừa trải qua một cơn rét kinh khủng từ trong người phát ra. Trong các dây khác mọi người tỏ ra ồn ào hơn mọi hôm. Mọi câu chuyện hầu như chỉ xoay quanh vấn đề cơ quan xét đến hồ-sơ kỷ luật. Sau những ngày dài sống với nỗi chờ đợi mỗi mệt, họ như tìm lại được trong

di vãng lòng tin ở mình, ở cách mạng và ở cả những đấng thiêng liêng. Ai cũng thấy mình có hy vọng ra tự giác và họ vui vẻ theo dết cho niềm hy vọng đó những mơ ước của mình. Họ bàn về cách viết một tờ giấy làm thành-khoản, đưa ra những nhận xét về tính tình của ông Sáu Côn, ông Ba Lớn, ước đoán những người ngày mai có thể được kêu lên cơ quan. Cả phòng chỉ có mấy người đàn bà là không tham dự vào câu chuyện. Họ ngồi im lặng chải tóc và gỡ những sợi tóc rối dính vào răng lược.

Ash Bốn đoàn vào điểm danh rồi đi ra. Quang nằm xuống kéo mền đắp. Ông Tám Xu thở nặng-nề bên cạnh. Thảo nằm vắt chéo hai chân nhón lên trần nhà. Quang hít một hơi dài, nằm thật thẳng cổ nghĩ đến điều mình sẽ khai. Kêu gì đây? Ý tưởng bừa bãi, lộn xộn như một mớ giấy vụn bỏ quơ — Cần phải sắp xếp lại — Quang nhắm mắt đổi chân thật thẳng, hai gót chân sát vào nhau, cố gắng giữ cho hơi thở đều hòa. Quang nghĩ: « mình cần giữ lòng thanh thản, khai suốt đâu phải chuyện tầm thường, phải nghĩ cho kỹ càng mới được. » Nhưng bất thần, Quang nhận ra tiếng thở khô khè, nặng nhọc của ông Xu. Quang nghĩ có một cục đờm trong cổ và tự hỏi tại sao ông không khạc cục đờm đó ra để thở có phải dễ chịu hơn không? Hơi thở của ông mỗi lúc một nặng nề, không khí trong phổi như phải khó khăn lắm mới lách ra khỏi cái chương ngại nằm ở cổ. Quang khó chịu bức rứt như chính mình có mang cục đờm đó và không thể nào nghĩ đến điều gì khác được. Có lẽ ông Xu quên mất mình đương phải thở một cách khó khăn, Quang muốn nói cho ông biết có một cục đờm trong cổ ông nhưng thấy như vậy không tiện nên nằm im.

« Mình có tội lỗi với nhân dân, cách mạng có thể giết mình lúc nào cũng được nhưng bây giờ mình chỉ cần nhận tội để được khoan hồng... » Quang nằm bầm nói một mình và chú ý đến lời nói hy vọng quên được những tiếng động chung quanh. Nhưng ngay lúc nói đó, Quang vẫn lâng lâng nghĩ tới việc có một cục đờm trong cổ ông Xu và đương như Quang đương chờ đợi ông nhổ ra.

— Này ! Này ! — Tiếng Thảo kêu sát bên tai.

Quang rít lên giận dữ :

— Câm đi ! Tía mày !

Thảo ngóc đầu nhìn sát vào mặt Quang rồi đột nhiên cười nắc nẻ trong cổ :

— Đ. m. ! Mày nổi xung hả ?

Quang im-lặng. Thảo nằm xuống nói tiếp :

— Tao định nói mày bỏ cái vụ ăn hột vịt lộn đi. Mình có gì nhận nấy, tội gì phải khai thêm.

Quang nói :

— Mày không nhớ là không ai tin mình sao ?

— Nhưng không lẽ mình không làm mà nhận ?

— Mày khác, cơ quan khác. Chẳng ai tin mình đi dân vệ mà không làm cái mẹ gì hết, mình ít nhiều cũng phải có tội với nhân dân.

— Tại tội mình đi dân vệ cũng có tội rồi.

— Tao nằm đây hơn sáu tháng cũng vì tao chỉ khai mình làm dân vệ.

Thảo lên cơn ho, xoay người nhổ đờm qua kẽ sạp. Quang chép lưỡi, mắt mở lớn nhìn những cạnh lá xò ra trên trần nhà :

— Tao nghĩ rồi, dầu sao mình cũng phải nhận chút đỉnh cho cơ quan tin.

chả lẽ nằm đây hoài sao ? Vả lại cái tội quít tiền rồi đánh con mẹ Ba Tín đâu có nặng lắm, mình khai đại đi cho rồi.

— Tao khác, nếu lần này có gọi lên tao cũng khai thiệt, nay mình khai thế này mai mình khai thế khác ai tin mình nữa. Tao định khai từ hồi mười tuổi, nhớ cái gì khai cái đó.

— Cả cần ! — Quang thốt ra như một tiếng thở dài.

Thảo chừng nói quay mặt ra phía khác. Quang vợ vẫn nghĩ đến thời thơ ấu của mình và như bắt gặp lại trong tư tưởng hình ảnh một đứa bé ngồi trên mình trâu hát nghêu ngao những bài hát ngáo, cổ uốn cho đúng với giọng hát của ông giáo già có mái tóc bạc lốm đốm và đôi mắt nhướng lên sau cặp kính trắng. Rồi buổi chiều, khi những nóc nhà tranh trong lòng bốc khói, chân trời có những dải mây rắng hồng và gió đồng bắt đầu nổi lên làm cong thân mạ, nó lại đứng nhìn cuối trâu về, trên đầu cái điều giấy bay lơ-lửng với cái đuôi dài lật phất cuốn vào nhau. Tuổi thơ thật đẹp với bao kỷ niệm, càng nghĩ đến Quang càng thấy tiếc nuối, ân hận như mình đã quên hưởng những ngày tươi đẹp đó. Nhưng đồng thời Quang nghĩ đến những ngày chạy loạn, những chiếc máy bay rít trên trời, những toán quân Pháp ruộng bỏ trong làng, những đêm ngủ ngoài trời, những bữa cơm hết gạo. Quang tự nhủ : « Kề ra mình cũng chẳng sung sướng gì, cái số mình vậy, nước mình chẳng bao giờ thanh-bình ».

Bên cạnh có riêng ông Xu trở mình, ông ho nhẹ trong miệng và tiếng khò-khè mất đi. Quang mở mắt nhìn, Anh Tám Bửu đang ngồi ngoáy mũi bên cạnh ngọn đèn. Ánh lửa chập chờn lóa mắt,

Quang quay ra ngoài đêm. Hình như có một con vật đang chuyền trên cành, tiếng móng nhọn cào cào lớp vỏ cây.

« Tại sao các mạng lại không thể tin là mình không phạm vào một tội ác nào ? » Không có câu trả lời, Quang kiểm điểm lại cuộc sống mình như chỉ đề tự thanh-minh.

Quang bắt đầu nhớ lại từ năm mười lăm tuổi. Năm ấy làng xóm yên ổn, Quang theo cha ra đồng tập cấy mỗi ngày, hay thỉnh thoảng lên nhà ông chú đánh xe ngựa chia tiền. Những buổi sáng vác cây ra đồng, những buổi trưa rủ bạn đi uống la ve ở chợ, con trâu già, cỗ xe ngựa cũ của ông chú .. tất cả đã tạo nên đời Quang trong nhiều ngày, êm đềm, bình-thản. Năm mười tám, nhà đi dạm cho Quang cái Hải, con ông ấp Phú. Cả hai bên đều bằng lòng, định sang xuân thì cưới. Trong những câu chuyện nói với mấy thằng em họ, cũng nhiều lần Quang nói đến chuyện trai gái lẳng nhăng, nhưng lúc nghe gia đình đi nói vợ, Quang thực sự thấy bối rối. Chuyện vợ chồng với những ân ái đáng ra chỉ là những chuyện ở xa gọi óc tò mò, Quang không thể nào quan niệm nổi chuyện đó bây giờ lại là chuyện sắp đến cho Quang và người con gái có đôi mắt đen và tối, có đôi môi mỏng mím lại vẫn gánh những gánh cải xanh ra chợ bán mỗi sáng. Quang sợ hãi rồi phản-đối cuộc hôn nhân. Một lần Quang tâm sự với bạn.

— « Tao sẽ vô Sài Gòn làm ăn, bao giờ sắm được ra đô, xe máy tao mới về làng cưới vợ. »

Và Quang bắt đầu dành dụm tiền bạc cho một chuyến đi xa. Trong khi đó, Hải vẫn gánh những gánh cải đem bán, mặt vẫn cúi xuống, môi mím lại. Quang đề ý và mỗi lúc mỗi cảm thấy Hải gần

gửi mình thêm. Những buổi chiều ra rửa chân bên vại nước kê dưới gốc cây cau già bắt đầu ra bề, Quang vợ vẫn nghĩ đến Hải, lòng nao nao khi tưởng tượng đến việc có một người con gái lạ nhập vào đời mình để âu yếm, vuốt ve. Quang ngạc nhiên thấy mình nghĩ đến Hải cả những lúc dơ tay bẻ cái tấm xà rống, phơi một cái áo vừa giặt lên bờ dậu. Quang bắt đầu làm lơ trước những dự định đa đo của cha về việc cưới xin, làm lơ ngay cả với những sắp xếp đi xa của mình. Nhưng Hải chết, chết vào gần ngày cưới, trước sau Hải vẫn chưa nói với Quang một câu chuyện vãn. Hải chết giữa lúc Quang cảm thấy nhớ đến xót xa cái dáng đi lạch bạch của mình, mới Hải vẫn mím lại.

Nhưng rồi, với thời gian, hình ảnh Hải xóa dần, Quang quen rồi yêu Nhi.

Và theo lẽ tự nhiên Quang lấy vợ.

Buổi đầu của cuộc hôn nhân trôi đi êm ái, Quang yêu vợ như yêu thửa ruộng vào ngày lúa chín, yêu hơi đất ẩm bốc lên mỗi buổi ra đồng. Nhi vui tính, khỏe mạnh, chăm làm. Ngoài cái tật ưa ghen bóng gió. Nhi quả là một người vợ hiền. Nhi đảm đang bầu hết các việc trong nhà. Cả ngày không mấy lúc Nhi thảnh thơi. Nhi dễ giận nhưng cũng dễ làm lành, Nhi sinh ra như chỉ để làm việc và tải thân. Tuy vậy cuộc sống vẫn mang nhiều thú vị. Và cũng vì lẽ đó Quang xin vô dân-vệ Quang tự lượng thấy mình không đủ can đảm xa gia đình, xa thửa ruộng, xa mái nhà tranh, xa rặng bìm bìm ngoài ngõ v.v.. Tất cả những thứ đó như đã nhập vào người Quang, đó là Quang, là cuộc sống của Quang.

Nhưng từ ngày vô dân vệ, Quang cảm

thấy có một cái gì mới mẻ trong cuộc sống. Quang khó chịu như bị ép buộc sống theo những thay đổi mới của người dân vệ. Những lần gác đêm, những lần đi kích với Quang chỉ là những cố gắng mệt mỏi. Nhi sinh thằng Hồ. Đứa con trai ra đời mang đến cho mẹ nó một số công việc. Nhi loay hoay với những công việc ấy đến nỗi quên khuấy mất là nàng còn có Quang bên cạnh. Với Nhi, Quang chỉ còn là một người bạn có cùng một sở thích là làm vui và lo lắng cho con. Cái mối liên ái, như mới chợt nhớ ra mình cũng có một thời kỳ nhớ nhung mơ-mộng, Nhi bồi hồi vòng tay siết chông thật chặt.

Phần Quang, thích hợp dần với cuộc sống mới, Quang bắt đầu tìm thấy thích thú những lúc đưa bạn, đưa bè chơi-bời nhậu nhẹt, những buổi chiều vác súng đi rong trong xóm. Lòng thương vợ vẫn còn nhưng chẳng bao giờ Quang thắc-mắc về tình cảm của mình. Nhi gần gũi, cần thiết và quen thuộc như chiếc bàn, chiếc ghế các vại nước sau nhà. Quang chỉ gần vợ và cảm thấy Nhi thực là vợ mình những buổi chiều trải chiếu ngồi trên hè đập muỗi bàn chuyện mùa-màng buôn bán hay phác họa những dự tính tương lai cho thằng Hồ.

Từ ngày hàng xóm chọn rộ, đêm đêm có tiếng chó sủa rải rác bất ngờ những bóng người đeo súng, giắt lựu đạn gõ cửa từng nhà bắt người đi học tập, Quang ít khi về nhà ngủ. Nhất là từ hôm ông xã Kiệt và người con trai bị cắt cổ vất ở bờ mương, Quang không dám bén mảng về nhà ban đêm. Suốt ngày, Quang rúc vào nhà một người quen gần đồn nằm ngủ, đánh bài cào hay chơi tứ sắc. Buổi trưa, Quang mãi mê đập xe tạt về nhà lục cơm ăn, nựng nịu con, nói dăm

ba câu chuyện với vợ đề đến buổi chiều lúc mới nắng chảnh chéch lại mãi mà đạp xe đi. Cuộc sống đều đặn trong lò âu, nhàm chán. Quang thuộc lầu từng gánh hàng quả ở chợ, nhớ như in từng mô đất ở đồn. Những đêm ngồi gác, chong súng qua lỗ châu mai, Quang vẫn nghĩ đến sự chết chóc và chiến tranh. Với Quang cái chết thật giản dị: một viên đạn thoát khỏi đầu họng súng, xé đi trong không khí và ở đầu đối diện một thân người gục xuống, êm ả, nhẹ nhàng như một bước chân qua ngưỡng cửa. Và thế là người chết, trong một giây ngắn ngủi đã từ bỏ vợ con, nhà cửa, ruộng đồng... một sự từ bỏ đau đớn lắm khốc chỉ được làm trong một cái co tay. Quang nhìn ra ngoài đêm, mong mỏi trong suốt phiên gác của mình sẽ không có một bóng người nào nhô lên trong tầm súng. Quang không muốn giết ai cả, không muốn buổi sáng thức dậy thấy có xác người ngã gục trong cánh đồng lúa trước đồn. Quang biết rõ điều đó và còn biết thêm là vào chính những lúc chong súng rình rập, Quang lại tha thiết muốn được ngủ yên.

Nhì sinh con gái, con Ngọc giống mẹ hơn bố, kể cả tiếng khóc oang oang cả nhà. Da con nít thơm mùi sữa mẹ, Quang thích ẵm con day day mũi mình vào một bên má bầu thịt mềm và mịn của nó. Trằng Hồ đã lớn, chập chững đi men theo ven giường. Nó bi bô tập nói và biết mừng mỗi lần Quang về nhà. Những đêm đi kích nhớ con, Quang muốn chiến tranh mau dứt để trở về nhà ôm con ngủ mỗi tối, không còn phải nghe tiếng súng nổ vu-vơ, không phải ngủ bờ ngủ bụi. Nhưng Quang tự hiểu lòng ao ước của mình bao giờ cũng chỉ nguyên vẹn là một thứ mong-mỏi

hào huyền. Dầu Quang, dầu Nhi, dầu tất cả dân chúng ở các xã này, xã khác có mong mỏi nhiều hơn nữa cũng chẳng thay đổi được gì. Chiến tranh còn hay dứt tùy thuộc những người trong dinh Độc Lập, trong tòa Ngũ Giác, ở Hà-Nội ở Bắc Kinh, Quang sẽ còn phải trông thấy những cánh đồng bỏ hoang, cỏ mọc trên những miếng đất nứt nẻ, những lũy tre mấp mөр sau ánh lửa, những người đàn bà tóc xõ rừ rợ, những đứa nhỏ chít khăn tang gào lên vì đói.

«Chiến tranh thật thảm khốc mà Việt Cộng là kẻ chủ mưu» Quang nghĩ vậy và chính ra-đô, truyền đơn, yết thị cũng thường nói thế; Quang vẫn được đọc và vẫn được nghe. «Bọn côn đồ cộng phi âm mưu thôn tính miền nam», cái câu ấy không biết Quang đã nghe bao nhiêu lần. Quang nghĩ tới một bọn người nghèo đói, lam lũ và độc ác: lén-lút mang chến tranh về làng xóm khuấy trộn cuộc sống yên vui của mọi người. Những bản thông tin, những hình ảnh hàng tuần dán ngoài góc chợ với những cảnh chết chóc, phanh thây, moi ruột làm Quang lâu dần lẫn lộn Việt-Cộng với tử thần. Tử thần thật gớm ghiếc nhưng cũng thật gần gũi trước mặt, sau lưng. Tử thần có đôi mắt loèi mèo ầu ở cuối một rặng tre, đầu một con đường mòn, sau một đụn rạ, ven một bờ mương v.v...

Sống bên cạnh nỗi chết rình rập, Quang chán nản, buông trôi đời mình mua lấy những phút vui ngắn-ngủi. Những lúc ngồi trên chiếu bạc, những khi rút súng bắn chim, quăng lựu đạn xuống sông ném cá, Quang mang máng quên được chiến tranh và cảnh chết chóc chờ đợi mỗi ngày.

Đồn dân vệ bị tấn công! Đó là một điều tất phải xảy ra, điều quan hệ là

đồn không bị mất, Sau một đêm một
mỏi với những đợt xung phong của Việt
Cộng, buổi sáng Quang ngỡ ngàng như
mất hồn. Nhìn xác một vài tên địch nằm
vắt vẻo trên hàng rào kẽm gai. Quang
chỉ thấy mình sợ hãi. Quang tách khỏi
đám người từ trên quận về, đi như trốn
chạy những lời ủy lạo của ông quân
trưởng Bức tường đồ ập xuống, với vữa
tung tóe, những bao cát lỗ chỗ vết đạn,
cuộn khói sau đồn, xác những người bạn
trong các đường hầm phòng thủ... tất
cả làm Quang ghê tởm ngột ngạt Quang
thấy cần một sự yên tĩnh và bước về
phía nhà thờ. Quang bước qua cái cổng
gạch, vượt qua những chậu kiềng bên
lối đi, leo trên những hàng ghế gỗ lồi lõm

tiến về phía bàn thờ. Bức tường Chúa
bị xô đổ, bề nát, khúc đầu lún lóc trong
một góc tường lún với đám kính-bể. Bó
hoa trắng rơi vương vãi trên sàn xi
măng giữa những chân đèn đồ lố. Uy
quyền của Chúa đã dừng bước trước
cánh tay của bọn vô thần. Quang bỏ
chạy theo lối cửa hông.

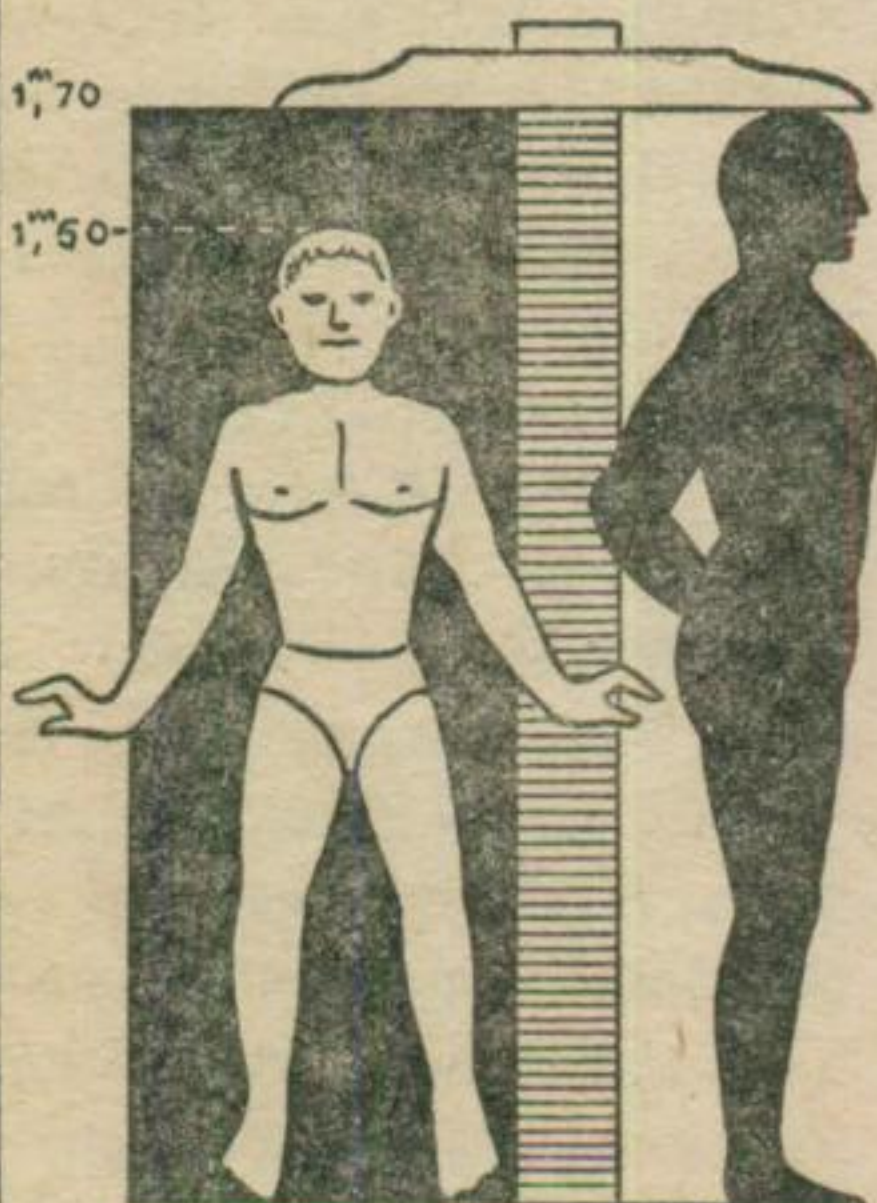
Nhi bỗng con lể h thếch đi tìm Quang
trên con đường mòn, mái tóc rối, nước
mắt chảy dài trên khuôn mặt nhợt nhạt.
Quang chợt hiểu nơi yên ổn nhất mà
Quang có thể trú ngụ được là Nhi, là
con, là mái nhà, là thửa ruộng mà Quang
vẫn sống hàng ngày.

(còn tiếp)

BÙI ĐĂNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RẰNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

KN S6 78 MBYT/QCDP

Kẻ chiến đấu một mình

Hải lặng lẽ đi suốt dãy hành lang rộng của trường Đại học Văc khoa, hôm nay đại đội anh gác ở đây suốt ngày đêm đến sáng mai mới hết phiên gác, về nhà nghỉ hai ngày rồi lại đến, chín giờ sáng điểm danh, chia phiên gác, 12 giờ ăn trưa tự túc ngủ dậy đi ăn chiều rồi đến phiên gác đêm. Cứ như thế kéo dài hàng tháng nay. Hai cảm thấy công việc này có tính cách tượng trưng, làm cho có chuyện và thật là vô tích sự nên anh ít khi muốn đi gác. Tụi bạn bảo anh là người « lè phè ». Cái chữ ngộ nghĩnh, hay hay. Anh mỉm cười ngược nhàu lên cao. Buổi trưa nắng đục, nặng nhọc. Sự im lìm thấp thoáng trên các mái ngói, kẽ lá, trên những khung sắt cong queo rỉ sét của cái mái sau đổ nát của căn nhà hai tầng cạnh đài truyền hình. Hàng trăm ký thuốc nổ TNT đã nổ ở đó cách đây không lâu. Hải chợt thấy mình bất động, đôi mắt mở to hướng ra quảng rộng phía trước không chớp như bị cái gì thu hút một mối chứa lửa khiến anh khó chịu. Anh xuống thang gác. Khi sáng trong giờ điểm danh viên trung úy hỏi « Lâu nay sao anh không đi gác ». Hải bảo là bị bệnh. Thực ra anh không muốn biện bạch với viên sĩ quan về chuyện đi hay không đi hơn nữa anh vẫn nghĩ rằng việc đi gác có tính cách tình nguyện thì việc gì phải hỏi đi hay không đi. Đi nhiều thì được nâng đỡ trong kỳ thi còn Hải, anh chẳng muốn ai nâng đỡ tụi anh lè phè vậy thôi.

Nhưng rồi anh cũng đứng nghiêm, anh cũng « thao diễn nghi » thể này thể nọ. Viên trung-úy lại nói dằng dai nhưng lại quá nhã nhặn. Trước khi ông muốn nói một vấn đề gì ông ta thường nhập đề tài dòng rào trước đón sau, lịch sự hết mức. Khi sáng như thường lệ sau khi đã rào đón kỹ càng ông nói :

— Thưa các bạn, địch hiện đang lẫn lộn trong hàng ngũ chúng ta vì thế tôi... à mà tôi xin lỗi các bạn tôi không có ý ám chỉ một ai cả tôi chỉ nghĩ là địch hiện lẫn lộn trong hàng ngũ chúng ta vì thế à... à vì thế mong các bạn canh gác cẩn thận và... và mong các bạn cẩn thận để phòng mọi sự phá hoại của địch.

Rồi ông ta cười. Khuôn mặt nhẵn nạy, khắc khổ hai mắt đỏ ngầu làm Hải cảm động. Anh yên lặng thờ dài giữa tiếng cười nói đùa giỡn pha trò của các giới sinh viên chung quanh. Một lúc sau viên trung-úy đại-đội-trưởng bước lên bục cao đảo mắt nhìn các sinh viên một lượt cái nhìn cổ biếu lộ oai quyền của một vị chỉ-huy. Ông yên lặng một phút rồi đồng dục nói :

— Các bạn đã lừa chúng tôi một lần rồi, không thể lừa một lần nữa đâu,

đó, các bạn biết hôm qua ở đây địch đã treo cờ Giải-phóng, viết khẩu hiệu, rải truyền đơn.

Sinh viên phản đối về câu "các bạn đã lừa chúng tôi" thì ông ta vội vàng xin lỗi rằng ông không có ý định rọi "tất cả các bạn" nhưng ông muốn chỉ một số nội tuyến của địch thôi. Ông ta dừng lại đảo mắt nhìn một lượt nữa rồi tiếp.

— Chúng ta phải thận trọng, này, anh Đại-đội-phó, anh ra coi dùm tôi xem còn ai lảng vảng ngoài cầu thang, ngoài hành lang không, đem vào đây tôi đưa họ đi An-ninh liền.

Sau đó ông ta cười làm lành. Ông ta rút trong túi ra một tờ giấy trắng rồi nói :

— Đây là cái bưu-diệp chúng tôi mới nhận được, các bạn sắp có công tác mới. Bưu-diệp có ba điểm tôi xin trình bày. Điểm thứ nhất...

Hải nhìn cái miệng của viên trung úy. Ông ta có vẻ như một người muốn làm nhà hùng biện ông ta lên giọng, xuống giọng, hai bàn tay lướt đi theo những cử chỉ chọn lựa sẵn. Ông ta trình bày xong ba điểm về việc đi cứu trợ đồng bào chiến-nạn rồi nói.

— Đó là nội dung của bưu-diệp này mong quý bạn cho biết ý kiến từng điểm một. Điểm thứ nhất : sinh viên sẽ đi làm công tác cứu trợ, mỗi trung tâm một trung-đội có vũ trang đầy đủ súng ống. Các bạn cho biết ý kiến.

Cả phòng la ó, cười đùa, nói tiểu lâm rớt cuộc có mấy người đứng lên nói rồi ngồi xuống người khác lại đứng lên, chung qui tất cả các ý kiến đều từ chối việc đi cứu-trợ viện lễ sợ Việt Cộng tấn công trại tạm cư, sinh viên chỉ có một trung-đội chắc phải chết.

Viên trung úy giảng giải rằng các bạn phải ý-thức nhiệm-vụ cao cả trong việc : cứu đồng bào, rằng các bạn có trách-nhiệm ít ra thì cũng bảo vệ an ninh cho chính mình "chớ chẳng lẽ bạn đã sống đời quân ngũ mà còn nhờ ai bảo vệ an ninh cho bạn".

Đám đông lại la ó, ồn ào, kẻ huýt sáo người pha trò, người thổi khẩu cầm. Một lúc lại có người nói, anh ta quyết liệt rằng anh ta không phải là kẻ ngại khó khăn, tuy nhiên anh không chấp nhận việc đem vũ khí theo, sợ phải chiến đấu và "theo kinh nghiệm của nhiều lần cứu trợ — anh nói tiếp — thì chúng ta đến với quân phục và vũ-khí chắc sẽ gặp khó khăn... đồng bào họ không... à... à... tôi đề nghị mặc civil thì tiện hơn".

Tiếng vỗ tay vang dội lẫn với tiếng la "vỗ tay cái quái gì thế, im ngay !" Căn phòng im được một chút lại có người đứng lên phát biểu ý-kiến bảo là sinh viên sử dụng vũ khí chưa quen. Cứ cái vòng lẩn quẩn như vậy mà sĩ quan cán bộ và sinh viên cãi nhau cả giờ đồng hồ, rốt cuộc viên sĩ-quan gắt :

— Các anh là kẻ có ý-thức về trách-nhiệm của một người trí-thức trước tình trạng bi đát của đất nước. Tôi tưởng các anh tự tình-nguyện đi cứu trợ mới phải,

đàng này.., (Ông ta hạ giọng xuống, trở nên thân mật)... nhưng tôi đoán chắc với các bạn Việt Cộng không bao giờ tấn công vào trại tạm cư đâu. Chắc như vậy. Các bạn lo xa quá. Gì mà sợ cuống lên thế.

Cả phòng yên lặng một cách đáng lạ. Viên sĩ quan cũng yên lặng một lúc rồi nhếch một nụ cười đắc thắng, nét mặt hân hoan thấy rõ, ông có vẻ như bằng lòng về đôn tâm lý mà ông vừa mới xuất thủ. Hải cúi mặt dấu một nụ cười. Anh nhìn một lượt những khuôn mặt thoáng ngơ ngác của những sinh viên ngồi chung quanh, thứ khuôn mặt như có sự căng thẳng vừa nghiêm trang, vừa bi thảm. Sự thực Hải dự biết tâm lý các bạn anh. Họ tự hào lắm. Tuy không nói ra nhưng trong thâm tâm ai cũng nghĩ rằng mình là tầng lớp trí thức, rường cột của đất nước, rằng sinh viên là cái gì to tát thông thái (nhất là sinh viên khoa-học), rằng sinh-viên là những người ý-thức về « thân phận nhược tiểu » về « niềm đau đớn khắc khoải ray rứt suy tư v.v... của tuổi trẻ » rằng trong một xã hội bi-thảm như thế này phải hát nhạc « cực kỳ yêu nước » như kiểu « ca khúc da vàng », « Đêm nguyện cầu » phải kêu réo Thượng-đế luôn miệng (mặc dù họ nghe Sartre nói rằng Thượng đế đã chết) và họ ngâm những bài thơ có rất nhiều hỏa-châu có rất nhiều câu « hỡi em hỡi em hãy cầu nguyện cho quê-hương chúng ta... » trong các nhà hàng, các buổi tiếp tân, trong các ngày sinh nhật của mấy cô sinh-viên khuê-các, có như vậy mới thỏa lòng yêu nước và mới hợp thời.

Ấy đấy, sinh viên họ học rộng hiểu nhiều như vậy thảo nào họ không tự hào là người trí-thức. Và cũng bởi vì thế cho nên khi viên trung-úy nhắc cho họ nhớ lại cái trách-nhiệm cao quý của người trí-thức thì họ im lặng ngay và lập tức « rớt vào suy-tư khắc khoải » thường lệ (có điều hơi khác thường lệ là ở đây không có la-de, whisky, đào và guitare điện để làm cảm hứng).

Tuy nhiên họ đã chấp nhận điểm thứ nhất không chút do dự.

Viên trung úy, sau khi đã gật gù thưởng thức hết cái thú vị về đôn tâm lý của mình, bèn đi đi lại lại trên bực gỗ vừa đi vừa nói :

— Bây giờ đến điểm thứ hai : Sinh viên có trách nhiệm điều hành công tác cứu trợ và tự túc ăn uống.

Ông ta vừa nói xong khi cả phòng « ồ » lên một tiếng liền sau đó hàng trăm tiếng la ó :

— Không được ! không được ! ai lại bắt người ta tự túc ăn uống bao giờ.

Viên sĩ-quan có vẻ bực mình. Ông căn môi liếc nhìn người sĩ-quan bạn rồi bỗng hô to :

— Đại đội theo lệnh tôi. Nghiêm !

Cả đại-dội yên lặng. Ông quát tiếp :

— Thao diễn. Nghỉ ! Nghiêm ! Đại đội ngồi !

Theo nguyên tắc thì cả đại đội phải đáp một tiếng « xuống » thật lớn, thế nhưng sinh viên lại yên lặng uể oải ngồi xuống lệt xệt xiêu vẹo. Viên trung-úy cũng ngồi xuống như một con sư tử về già đã rụng hết lông gáy. Ông lắc đầu mằn mằn

hai tay, bàn tay ông có vẻ to lớn hơn thường ngày. Một lúc ông bảo rằng ông rất buồn cho tinh thần của sinh viên ông thờ dài rồi nói :

— Các bạn đến cứu trợ giúp cái ăn cái uống cho đồng bào mà các bạn đòi ăn, đòi uống thì coi sao được vãi lại...

Ông định dùng đòn tâm-lý lúc này nhưng có lẽ ông sợ không có hiệu quả nên ông ngần ngừ lại thôi. Một lúc ông đứng lên :

— Thưa các bạn, bây giờ ta qua điểm thứ ba.

Ông dừng lại chờ đợi sự phản đối nhưng may thay không ai nói một lời. Ông tiếp :

— Điểm thứ ba nói rằng...

oOo

Hải trở ra phía hành lang, buổi chiều xuống dày đặc trong các ngọn cây cao, chậm chạp trên mặt cỏ, xao xuyến trên các đám mây đục. Thành phố lên đèn lác đác. Mấy chiếc phản lực thi nhau chúi xuống ở một vùng nào đó ngoại thành. Tiếng nổ làm rung chuyển cả chỗ Hải đứng. Anh kéo ghế ra ngồi sát bao lơn.

Sân trường cỏ xanh thẫm im lìm. Các bạn anh đã đi tản mác hết. Anh ngồi một mình lặng lẽ. Anh nghĩ đến những cánh ruộng hoang cháy khô nứt nẻ ở miền quê anh, Làng mạc xơ xác, năm ba căn nhà lá trống trơn. Ruộng đồng bao la như biển cả, không một bóng cây. Cỏ mọc lan ra ruộng lúa rồi cũng cháy khô đi như chòm tóc úa. Căn nhà người thím của anh ở giữa vùng hoang tàn ấy, cái lạch nước đục ngầu phía trước. Cây dừa suốt đời không hề ra hoa một lần. Mấy đứa em ốm yếu. Đụn rạ phía sau chuồng gà và người đưng nằm bệnh gầy xẹp bên miệng hầm trú ẩn đắp bằng đất bùn dày hơn một thước tây. Buổi tối mọi người đều phải chui vào đó để tránh « pháo thụt » Hải nhắm mắt, anh đưa hai bàn tay vuốt ve đôi vai mình tự nhiên thấy lạnh lạnh và anh muốn bật khóc. Anh nhớ những bữa cơm tối với cộng hoa súng, rau lang luộc chấm với mắm ghẹ. Khuôn mặt già nua của thím anh, cái vai nhỏ bé, đôi chân hằm hiu âm thầm, cái gót chân nứt nẻ, móng cùn xơ xác tả tơi bám lấy đồng ruộng. Hải thờ dài mắt mờ đi, bất động như những đôi mắt to yếu ớt ngơ ngác và thơ dại của các em anh. Hải nhìn chung quanh. Bây giờ các bạn anh có người đang ca hát có người đang quây quần lại đánh bạc, có người đứng yên lặng hút thuốc ở mãi cuối hành lang. Anh nhìn đi nhìn lại rồi nhìn hai bàn tay mình đặt trên thanh sắt trước mặt bỗng thấy xót xa chua chát. Anh mỉm cười. Hải thấy thương mình vô kể. Những người bạn anh bỗng xa lạ và anh lạc lõng lẻ loi như một goá phụ về già. Anh vuốt ve mình như một người bạn thân ái. Anh hôn mu bàn tay nổi gân xanh của mình một úc rồi bỗng bồi hồi, nỗi buồn dịu dàng loãng ra phủ đầy man mác.

Hải nhớ đến Phụng. Dạo ở Huế hai người sống và làm việc với nhau như anh em ruột. Ở Huế anh có Phụng, Ở đây anh không còn ai nữa. Tuổi trẻ người ta từng sống như một tiếng nổ dài. Anh thu mình lại, lẻ loi, xa cách. Anh chán ngán cái không khí ở các trường Đại Học, ở đó không làm sao có được cảm thông,

không làm sao có tình người, ở đó chỉ có đang điểm, vong thân và kiêu ngạo. Mấy năm qua anh đến trường như một cái bóng mờ với sự chán nản đôi khi lẫn khinh bỉ và tức giận.

Hải nhìn mãi cái sân rộng, tấm vải trắng căng ra để hứng nước mưa, mấy chục cuộn dây cáp, hồ cá nhân, lều vải cỏ xanh, rác rưởi.. Bây giờ anh mới nhìn thấy một người lính trải chiếu nằm cong queo trên nền đất, bỗng dưng Hải thấy như người lính đã chết, đã ciết vô danh trên nền đất đó. Hải cố nhìn khuôn mặt anh ta đã phủ đầy bóng tối. Hải muốn vuốt ve đôi cánh tay buông xuôi ấy. Một ngày nào đó anh cũng sẽ nằm chết cong queo như thế với những vết thương trên ngực và đôi mắt rất đẹp của anh sẽ nhắm lại vĩnh viễn. Hải chợt nhìn xuống đôi bàn chân mình, ánh đèn neon làm cho chân anh tái đi, lạnh ngắt.

BIÊN - HỒ

THƯ-LÂM ẤN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào :

Trương-mục Bưu-điện số 2.701 Thư-Lâm ấn thư-quán.

NHỮNG NGƯỜI THÍCH TRUYỆN NGẮN

đều tìm đọc :

C Á T B Ụ I
M Ê T M Ỏ I

Tập Truyện ngắn Độc Đáo nhất của
Nguyễn-Đức-Sơn, do An-Tiêm ấn hành
hạ tuần tháng 7/68 (giá 85đ.)

NGƯỜC CHIỀU

2

Em Nguyệt thân-mến,

Trong tuần này anh đã nhận được ba lá thư của Nguyệt. Sở dĩ anh chậm trả lời thư Nguyệt là mới đây anh vừa gặp một chuyện buồn. Quả như điều Nguyệt dự- đoán, anh đã bị thuyên-chuyển sang sở khác. Bầu không-khí ở sở mới cũng vô cùng sôi nổi. Buổi sáng hôm nay ở sở làm anh đã gặp một chuyện bực mình. Sau đó anh lại bắt gặp cái cảm-giác cô-đơn lạc-loài như ở sở cũ. Cho nên bây giờ anh có cảm-tưởng là không biết anh sẽ làm ở sở này được bao nhiêu lâu? Lúc đầu, anh hy-vọng là mình có thể yên thân làm việc ở đây vì nhân-viên trong phòng đều dành cho anh nụ cười với nhiều cảm-tình. Sáng nay anh mới hiểu là cảm-tình của những nụ cười đó, họ đã dành cho hình-bóng của ông Đồng-Lý vì họ tưởng lầm anh là cháu ông ta. Tình-hình của anh ở Saigon như thế.

Như anh vẫn thường nói với Nguyệt, mỗi khi viết thư cho anh, em hãy mở rộng cửa kho - tàng kỷ - niệm, để chúng mình được gần nhau hơn, để anh bắt được cái cảm-giác băng-khuâng xao-xuyến. Chúng mình đã có thật nhiều kỷ-niệm ở cả hai thành-phố. Em còn nhớ một hình-ảnh nào không hả Nguyệt? Sao em không kể những truyện vui truyện buồn ở Dalat mà lá thư nào em cũng phiền trách anh hoài? Anh không thể làm gì khác hơn để kiếm tiền lo việc hôn-nhân của chúng mình sao? Hình như câu hỏi đó em đã viết ra ba lần trong một trang giấy làm anh phải ba lần ngừng lại khi đọc thư em. Những giây phút ấy anh cảm thấy bồn-chồn vì chợt nhớ ra anh là một thằng hèn, phải để người yêu thúc-bách. Nhưng đến khi em so sánh với những người bạn cùng sở anh thì anh thoáng bắt gặp một niềm kiêu-hãnh vì anh là con của mẹ.

Như Nguyệt biết đây, anh vẫn thường nói với em là mẹ anh nghèo. Anh khó có thể tạo được một số tiền lớn để tổ-chức một lễ cưới thật vĩ-dại như ý em và gia-đình em muốn. Chúng mình đã cách xa nhau hàng trăm cây số rồi. Anh nhớ Nguyệt vào những lúc mở mắt và nhắm mắt. Nhưng khi anh nhớ lại lời Nguyệt phiền trách trong thư thì anh chợt nghe xót xa vì anh tưởng như hai thành-phố mà chúng mình đang có mặt xa hơn đoạn đường anh nghĩ. Nếu trước khi yêu nhau, chúng mình đều rõ về điều - kiện lễ - nghi hôn-phối thì đỡ biết mấy. Anh sẽ đứng trên vị trí một thằng nghèo mà nhìn vào tình yêu. Như thế có thể anh sẽ tránh được phải làm những việc ngoài tầm tay với.

Em nói ba má em vẫn thường tự hào là nuôi con ăn học tới hai ba chứng chỉ thì đám cưới không thể nào đơn giản được. Anh vô cùng xúc động khi ba má em thuận cho việc hôn nhân của chúng ta. Anh công nhận là ba má em đã đặt niềm kiêu hãnh thật hợp lý. Nhưng anh là con trưởng trong gia đình. Anh còn nhiệm vụ kéo một đàn em như một đoàn tàu...»

Trọng buông bút đàn mười ngón tay vào nhau ấn về phía trước kêu răng rắc. Chẳng lẽ bây giờ mình lại nói về Nguyệt chờ đợi. Nguyệt đã chờ mình mấy năm rồi ! Biết đến bao giờ mình mới để dành được số tiền hai trăm ngàn ? Trọng chầm thuốc hút rồi ngồi ngả đầu vào thành ghế. Anh bụm môi cổ thối những cụm thuốc thành vòng tròn. Khói thuốc đan vào nhau, lầu ngầu vô dạng dâng lên cao rồi tỏa ra bốn phía thành những sợi khói mềm mại mong manh. Trọng làm như thế khá lâu mà không tạo nổi một vòng tròn khói. Đúng là thằng Nghĩa nó chỉ hơn mình, có khi nó còn thối được hai vòng tròn khói thuốc đi luồn qua nhau.

Có tiếng động phía sau, Trọng giật mình quay lại nhìn em gái. Nghĩa về chưa hả Thùy ?

Thùy lắc đầu nói sang ý nghĩ mình :

— Chiều nay chị Thoa lại đây đợi anh cả một buổi.

— Thoa tìm anh ? Có việc gì mà Thoa phải đợi anh ?

Thùy ngồi tựa lưng vào thành tường. Mắt nàng mở lớn như Trọng có vẻ băn khoăn :

— Em cứ tưởng là anh trả tiền nhà đều đều hàng tháng. Chị Thoa tới nhắc tiền nhà đó anh. Lúc đầu em định lấy tiền chợ ra trả đỡ nhưng không đủ. Ba tháng rồi sao anh không đóng tiền nhà.

Trọng ngắt lời Thùy bằng một cử chỉ vung tay. Tiếng nói của Trọng tuy nhỏ nhưng thoát ra cùng một lúc với thật nhiều khói thuốc : — Nghĩa tệ thật

Anh vẫn thường đưa Nghĩa tiền nhà vào mỗi đầu tháng. Lúc này Thoa đã nghỉ làm nên anh nhờ Nghĩa trả tiền nhà vì anh không còn thường gặp Thoa. Hình như lúc này Nghĩa đi chơi dữ lắm phải không Thùy ?

— Em tưởng anh cũng biết. Em có nói thì anh Nghĩa bảo là anh sắp vô Thủ Đức. Còn vài tháng nữa ở ngoài nên anh ấy đi chơi cho thỏa thích.

Thùy ngừng nói vì phía trước cửa nhà có tiếng xe gắn máy rú lên. Nghĩa tung cửa ào vào nhà như một cơn gió. Về mặt Nghĩa hân hoan. Nụ cười của Nghĩa hướng về phía Trọng. Chưa hai tháng nữa là em nhập ngũ rồi. Khóa này hy vọng họ lấy nhiều người về ngành chuyên môn. Nghĩa vừa vuốt tóc vừa nói. Trọng nghiêm trang nhìn em. Sao tóc Nghĩa dài thế kia, che cả mang tai trông như tài tử. Nghĩa làm ra vẻ vừa vui vừa ngượng. Anh ta rùng vai tạo thành một cử chỉ quan trọng một cách hài hước. Em hà tiện mà, để vài tháng nữa vô lính rồi cạo trọc luôn.

Về hân hoan sôi nổi của Nghĩa vụt tắt khi Thùy lên tiếng hỏi Nghĩa về chuyện tiền nhà. Nghĩa kéo ghế ngồi đối diện với Trọng. Cả Trọng và Thùy đều ngạc nhiên vì nét mặt và giọng nói đột ngột trở nên nghiêm trang của Nghĩa :

— Em đã định nói với anh từ mấy hôm nay một chuyện khá quan trọng. Mới đây em có gặp lại một người bạn rất có thể lực. Nhờ anh ta em có thể được hoãn dịch hoặc ít nhất cũng được về chuyên môn :

Giọng Nghĩa tự nhiên trầm xuống :

— Hôm nọ em đã mời anh ta đi ăn để gây cảm tình. Vì thế em trả tiền nhà trẻ vài ngày. Mai một lần tiền dạy học em sẽ trả. Hiện bây giờ em cầm một món tiền khá lớn khoảng vài chục ngàn để đưa cho anh ta lo việc hoãn dịch cho em. Anh ta quen lớn và là cháu ruột của một ông Đồng Lý.

Thùy mở to mắt theo dõi câu chuyện một cách vui mừng tin tưởng. Nàng góp ý với Trọng là nên chạy cho Nghĩa được hoãn dịch. Em nghe nói bây giờ mặt trận nào cũng nặng anh ạ. Nếu anh Nghĩa được hoãn dịch thì ở trại mẹ vui mừng lắm. Giọng nói của Thùy thật nhẹ. Khuôn mặt nàng chăm chú một cách ngây thơ như một đứa cháu nhỏ đang lên tiếng hỏi bà nội về sự tích của một câu chuyện cổ.

Trọng chậm thuốc hút. Trọng có thói quen là mỗi khi bắn khoán một điều gì anh thường hút thuốc liên tiếp. Có lẽ vì khuôn mặt lạnh lùng của Trọng nên Thùy ngừng nói và nhìn xuống nền nhà. Nghĩa đi đi mũi dầy xuống nền đá hoa. Anh ta theo dõi một sợi tơ khói thuốc để tránh tia nhìn của Trọng. Sự im lặng của Trọng làm Nghĩa lúng túng và cảm thấy mái tóc mình dài hơn.

Tiếng nói của Trọng thoát ra cùng một lúc với khói thuốc :

— Nghĩa bảo cần vài chục ngàn là bao nhiêu? Liệu có chắc được hoãn dịch không hay lại mất tiền oan? Anh muốn gặp mẹ sự gì đó để biết xem hẳn là người thế nào?

Nghĩa đứng dậy thọc hai tay vào túi quần. Đầu Nghĩa hơi cúi xuống và môi anh ta mấp máy thật nhẹ. Nghĩa nói nhỏ nhưng tin tưởng. Khi nào được việc mình mới chi tiền. Em không đại

gi mà chi tiền cho anh ta trước. Nhưng em tin chắc là công việc sẽ xong. Em đã có lần gặp anh ta xưng chú chú cháu cháu với ông Đồng Lý. Tuy thế bây giờ em cũng cần chút đỉnh tiền để lo xã giao.

Trọng nhăn mặt khó chịu. Lúc nào cũng ông Đồng Lý. Anh nhìn thẳng vào mặt Nghĩa, nhắc lại câu hỏi hỏi này là Nghĩa cần bao nhiêu tiền. Về hồ hững của Trọng làm mặt Nghĩa sục xuống. Nghĩa không tin là Trọng tiếc tiền nhưng e ngại Trọng không tin tưởng việc làm của mình nên anh ta lại lên tiếng về thế lực của người bạn và nhấn mạnh bạn mình là cháu ông Đồng Lý. Trọng hút một hơi thuốc thật dài, nhưng khói thuốc chỉ toả ra nhỏ mong manh. Trọng tựa lưng vào thành ghế. Anh ta mang vẻ nhẵn nhục của người chờ đợi. Đến khi Nghĩa nói là anh ta cần khoảng ba chục ngàn, Trọng mới ngàng đầu lên nhìn em :

— Ba chục ngàn không phải là không có nhưng việc gì cũng phải từ từ. Anh hứa là cố gắng sẽ có cho Nghĩa nhưng anh phải gặp bạn của Nghĩa trước.

Bây giờ Thùy mới lên tiếng nói về nỗi vui mừng của mẹ nàng khi Nghĩa được hoãn dịch. Về ngây thơ tin tưởng của Thùy làm lòng trọng dịu xuống. Anh mỉm cười nhìn cô em gái. Thùy có bất hui thì anh đã mượn trước để mua xe rồi. Hôm nào anh em mình phải đi dạo một vòng Saigon chơi. Thùy cười. Bất hui của em cũng là do tiền anh cho hàng tháng. Giọng Thùy bỗng trở nên lo lắng trong tiếng huýt gió của Nghĩa từ ngoài hiên vọng vào. Bây giờ anh chạy đâu ra ba chục ngàn hả anh?

Trọng phồng mồm thở khói thuốc ra từng cụm. Bây giờ thì chưa biết xoay

đầu ra, nhưng để rồi anh tính xem. Thùy cứ yên tâm, nếu bạn của thằng Nghĩa làm xong việc thì dù thế nào mình cũng phải chạy ra tiền. Anh còn cái xe vespa đây. Thùy vuốt lại mái tóc. Anh nói chỉ đến chuyện phải bán xe vespa. Chiều nay chị Thoa có nói nhiều về anh. Có phải không anh? Chị Thoa nói là anh làm ở sở nào cũng có thể kiếm được khá tiền ngoài tiền lương. Trước chị Thoa cũng làm sở anh, hả anh? Chị ấy chê anh nhất... Chị ấy bảo trong sở ai cũng chê anh.

Trọng nhìn mặt đứng phắt dậy làm Thùy sửng sốt. Thùy nuốt nước miếng như nuốt những lời nói đang tắc nghẹn ở cổ họng. Chắc là anh Trọng ghét chị Thoa lắm nên cứ nhắc tới tên chị là anh ấy không bằng lòng. Thì thôi, từ nay mình không nhắc đến tên chị Thoa nữa.

Mặt Thùy hơi cúi xuống. Thật nhanh nhẹn liếc mắt nhìn Trọng. Trọng thọc hai tay vào túi quần, đứng tựa lưng vào thành bàn nhìn ra xa. Trọng lăm lăm như đang suy nghĩ một điều gì. Chợt anh quay lại nhìn em gái. Từ nay Thùy chỉ biết ăn học thôi nghe. Đừng bao giờ nói đến chuyện ở sở anh. Trọng bỗng thấy thương hại Thùy khi nàng lùi lùi xuống thang gác. Trọng biết tính em gái hay tủi thân. Mỗi khi Trọng nặng lời là Thùy lại khóc khóc. Trọng nghe lòng rung rung thương em. Anh định lên tiếng gọi Thùy thì bóng nàng đã khuất ở cầu thang.

Bên ngoài không gian đã vắng đục mầu đêm tối. Ánh nắng còn thấp thoáng trên ngọn cây. Vài đám mây vàng quạnh ở phía tây đang rủ nhau vào bóng tối. Trọng bỗng nhớ. Con đường ở trước cửa sở mình, con đường một chiều thẳng tắp,

hai bên đường những vòm lá me rậm rì như đan vào nhau che kín bầu trời. Anh nắng chiều khó có thể soi xuống mặt đường. Vào giờ tan sở, vào những buổi chiều trời ảm đạm, khói thành phố làm con đường như phủ đầy sương mù. Có lần trên con đường ấy, Trọng đã tranh luận hàng giờ với ông già Học, một người bạn đồng nghiệp với anh, về chuyện ăn hối lộ. Khi ấy ông già Học đứng trên quan điểm của những người khác, chê Trọng không dám ăn hối lộ là vì nhát gan:

— May phải biết đã làm ở sở này thì phải hòa mình vào môi trường này. May đứng tách rời anh em là có ngày "di đong". Trong sở, mọi người coi may như một chiếc gai. May phải tập bạo lêu mới được. Đi làm tám năm rồi, mà có thằng nhét tiền vào túi là mặt may xanh lét như tàu lá. May nghĩ coi, may không đóp thằng khác nó cũng đóp. Một mình may, có làm xã hội này sạch thêm được không? Tao tiếc là không được ngồi ở chỗ của may. Không có tiền lại còn bị thiên hạ chê là ngu.

Trọng ấn đầu ngón tay vào điều thuốc đang bốc khói. Tàn thuốc rơi xuống cửa sổ vỡ tan. Một cơn gió thổi mạnh bụi tàn thuốc bay vào phòng và đồng thời là thư gửi Nguyệt đang viết dở bay xuống nền gác. Trọng khom mình cúi xuống nhặt lá thư gấp lại bỏ vào ngăn kéo bàn. Cả Nguyệt cũng thế, mỗi lần viết thư về là trách móc mình không tạo nổi tiền để làm đám cưới như ý ba má Nguyệt.

Tiếng huýt gió của Nghĩa từ ngoài hiên mỗi lúc thêm lớn và dồn dập. Trọng ủ thăm lúc nào anh chàng này cũng huýt sáo bài cầu sông Kwai. Lại còn phải lo tiền cho Nghĩa nữa? Đáo đầu

ra bây giờ một lúc ba chục ngàn? Bỗng khuôn mặt bóng nhẫy của Phi, rụ cườì rộng đến mang tai của Tài Sùi và khuôn mặt chú Tàu cùng với chiếc phong bì màu xanh lại chập chờn trong ý nghĩ Trọng. Hay là ông già Học nói có lý?

Bỗng có tiếng Thùy kêu Trọng và Nghĩa xuống ăn cơm. Nghĩa ngưng huyết gió nhảy từng bước một xuống thang lầu làm nền gác rung chuyển. Về hăng hái sôi nổi của Nghĩa đôi lúc làm Trọng thấy mình già trước tuổi. Thùy có lẽ đã hết hồn giận nên nàng luôn luôn cười nói. Nghĩa vẫn giữ vẻ hăng hái trong bữa ăn. Nếu nhà mình có cái T.V. thì chúa quá Thùy nhỉ. Vừa ăn vừa coi T.V. thì

hách biết mấy. Trọng liếc thật nhanh về phía Nghĩa. Thằng cu này chỉ được cái nhiều ước mơ. Tiền nhà chưa trả xong mà còn mơ T.V. Còn tiền chạy cho Nghĩa nữa. Mình xoay đâu ra ba chục ngàn đây? Chẳng lẽ mình bán xe vespa? Đột nhiên Trọng bỗng nhớ đến mẹ ở dưới trại. Không biết ruộng rau ở trước cửa nhà đã lớn chưa? Mẹ còn dệt vải không? Nếu biết rằng ngày mai mình có thể ăn hối lộ thì mẹ nghĩ sao? Người ta chê con là nhất gan mẹ ạ. Trọng búng tàn thuốc rơi vòng như một vì sao đôi ngôi. Anh biết là mình đang sửa soạn vào một thử thách mới.

(Còn tiếp)

BÙI-KIM-ĐÌNH

CA DAO đang in :

NIETZSCHE, CUỘC ĐỜI VÀ TRIẾT LÝ

của Félicien Challaye. Mạnh-Tường dịch

CON SÓI MIỀN HOANG NGUYÊN

của Hermann Hessa. Chơn-Hạnh dịch

GỬI NHỮNG NGƯỜI LÀM THƠ VIỆT NAM

Nhóm văn hóa THAI ĐỘ dự trù thu thập tất cả các bài thơ nào đã không được phép in ra hay chỉ được in với cắt xén nặng nề, đề xuất bản thành một tài liệu văn học cho thời kỳ mười năm (1958-1968).

Sau khi hoàn thành, tài liệu văn học đó sẽ được đệ nạp chính quyền và quốc hội đề xin phép xuất bản nguyên văn. Trong trường hợp không được phép, sẽ ronéotyper và phổ biến trong vòng các tác giả, thân hữu và biên khảo.

Ưu tiên cho các bài làm từ 1963 trở lại. Tối đa mười bài mỗi tác giả, gởi làm 2 bản. Xin đính kèm sơ lược tiểu sử tác giả. Rất tiếc sẽ không hoàn được bản thảo và nhuận bút.

Xin gởi bài về THẾ UYÊN (thư thường), Nguyễn Kim Dung (bảo đảm) số 241 Triệu Đà Chợ-lớn (địa chỉ này chỉ chuyển thư), và cố gắng gởi trước 30-9-68.

nhóm văn hóa THAI ĐỘ

HÁT TRÊN QUÊ-HƯƠNG RÃ RỜI

● TRẦN-ĐẠI

Đoàn Văn-nghệ Sinh-viên Học-sinh Nguồn-Sống

Từng ngọn đuốc bập bùng, trên các đường phố, của mấy chục thanh niên, lang thang giữa đêm khuya. Đối với những người thanh niên đó khi vác đuốc tìm đường trong đêm — không phải để hoan hô đá đảo — nhưng để đi từ phòng trà, tiệm nhầy này, sang phòng trà, tiệm nhầy khác, xin tiền cứu trợ nạn nhân bão lụt năm 1964, có một ý nghĩa đặc biệt.

Nạn lụt 1964 tại miền Trung gây tang tóc cho bao nhiêu đồng-bào, nhưng lại là cơ hội để hàn gắn một số người thanh niên nhìn thấy con đường phải đi, sau khi đã xa cách nhau quá nhiều.

Đoàn thanh niên đó họp lại thành Đoàn Văn-nghệ Sinh-viên Học-sinh Nguồn-Sống, trình diễn các bài ca, điệu vũ dân tộc.

Trứng Âu-Cơ và Cánh chim Lạc-Việt

Huy-hiệu của Đoàn Văn-nghệ Nguồn-Sống nhắc nhở tới một cổ sử Việt-Nam. Quả trứng nhắc lại huyền-thoại con Rồng cháu Tiên, nhắc tới Âu-Cơ và 100 đứa con lên rừng xuống biển. Cánh chim gợi nhớ dòng Lạc-Việt, « tiền nhân ta khi xưa noi dấu tìm về vùng sông đỏ, núi quạt đề

dựng nước ». Màu mạ non trên huy-hiệu đoàn là hình ảnh của cánh đồng quê hương yêu dấu, là « tâm hồn hiền hậu cao quý như vẻ thanh bình của cánh đồng hương lúa vàng thơm ngát. » Màu nước biển là « biển Đông ôm ấp quê hương ta ».

Những lời giải thích về ý-nghĩa huy-hiệu đoàn (1) đã như một lời ngọt ngào ru những người sinh-viên học-sinh trẻ trở về nguồn, trở về quê-hương dân-tộc.

Quê hương, dân tộc, những danh-từ được dùng nhiều lần, mỗi khi nhắc lại, thấy rõ ràng, mặt mặt. Nhưng sau ngày 1-11-63, những danh từ trên lại là những hấp dẫn cho giới trẻ (2). Một số người trong ban Nguồn-Sống cũng bị cuốn theo vào thời cuộc hồi đó.

Một số người trẻ trong Ban Nguồn Sống cũng tham gia vào các « hoạt động dẫn thân », thể hiện bằng những cuộc hội thảo, xuống đường tranh đấu cho tự do dân-chủ, những đêm không ngủ để xót xa cho quê hương chia cắt hay để

(1) Sơ-lược về ý-nghĩa Huy-hiệu Đoàn (Bán Nguyệt san Lạc-Việt — trang 5)

(2) Xin xem Phong trào Du ca và Nguyễn Đức Quang (BKTD số 276 ngày 1-7-68)

phản-đối sự xen lẫn vào chủ-quyền quốc gia.

Nhưng qua những sự hăng say đó, mọi người nhìn thấy gì? Tất cả những dự định đẹp đẽ, những danh-từ to tát kia không phải là những điều dễ thực hiện. Chúng không dễ thực hiện đã đành. Nhưng những người « dẫn thân » còn nhận lãnh thêm khá nhiều chua chát. Các tổ chức nọ, tổ chức kia mọc lên như nấm và kết quả đau đớn là sự xáo trộn bần thiêu : chém giết nhau ngoài đường phố, thanh toán nhau trong bóng tối và nghi kỵ lẫn nhau. Mọi người đã quên đi sự tha thiết cho quê hương lúc đầu » (3).

Chính lúc những người trẻ — trong đó có những người ở Nguồn-Sống — đang phân vân, giữa ngã đường hoạt động, thì trận bão lụt miền Trung — một bất hạnh gây tang tóc cho người của quê hương « đất cây lên sỏi đá » — nhưng cũng là một cơn mưa lớn rửa sạch những chua chát, những đau đớn đã gặp. « Những trận mưa tầm tã kéo theo khí hậu lạnh lạnh đã làm tăng sự thông cảm và xót xa cho số phận đồng bào nạn nhân cũng như đã hâm nóng sự hăng say của những người trẻ đi làm công tác cứu trợ. Sống cùng những đờn đau và khổ cực của quê hương, những người trẻ này thấy gần gũi nhau hơn. Sự nghi kỵ nhường chỗ cho sự thông-cảm để đối xử với nhau trên căn bản của tình dân-tộc ». (4)

Dân-tộc cấu tạo do bởi nhiều yếu-tố. Những người « Nguồn Sống » coi trọng yếu-tố văn-hóa trong những cấu tạo tính thành dân-tộc. Văn-hóa là một cái gì vinh-cửu, trường-tồn. Văn-hóa chính là « cái thực-tại mà chúng ta gọi là Việt-Nam bao trùm tất cả những người Việt-

Nam đã khuất, đang sống và sẽ sinh ra ». (5)

Giữa lúc mọi người Việt-Nam trôi nổi, cái đáng đề bầu víu chính là « dân tộc », và đối với những người « Nguồn Sống » bám víu vào dân-tộc chính là bám víu vào văn-hóa. Và bám víu vào văn-hóa dân tộc, đối với công việc của người trình diễn văn-nghệ, là dân-ca. « Sự xúc động khi được nghe những bản dân-ca với những âm điệu quen thuộc như tiếng ru con lúc thiếu thời và với những lời lẽ mộc mạc nhưng chan chứa tình cảm đã giúp được lối đi từ ý-nghĩ sang việc làm. Đoàn Văn-Nghệ Sinh-viên Học-sinh Nguồn-Sống được thành lập từ đấy. » (6)

Quá-trình tư-tưởng của những người trẻ trên chẳng khác chi sự bộc lộ bất lực của những nho-sĩ thời trước — một tinh-thần rất Á-Đông — Khi làm văn thơ, khi phải dùng ngòi bút để tranh đấu cho một đường lối, một tư tưởng, sĩ-phu đã phoir bày một yếu-kém của mình trong hành động. Thất bại trong hành động mới phải dùng văn-nghệ để nói lên chí hướng của mình. Nhưng mục đích văn-hóa dân tộc, những người đó vạch ra, lại là một thứ văn-nghệ tích-cực như hành-động, một thứ văn-nghệ dẫn thân rất Tây-phương.

Hát dân-ca chính là một trong những mục-đích cho những người, trong một tập-thể, hiểu biết về quê - hương và có ý-thức dân tộc, là « làm sao để

(3) Con đường đi tới — Hà Quốc Bảo (Lục Việt số 2, trang 2)

(4) Con đường đi tới — Hà Quốc Bảo (Lục-Việt số 2, trang 2)

(5) — nt —

(6) — nt —



Mai-văn-Vĩnh, Xuân-Kiều và Đỗ-kim-Long
trong một bản hợp ca



Bích-Thủy trong hoạt cảnh
Hát trống quân

cái chất Việt-Nam phải thấm nhuần trong óc, trong máu, trong xương tủy và sẽ dẫn dắt cho các công-tác sau này». (7)

Với hoài-vọng đó, những người trẻ tuổi «Nguồn Sống», họp nhau lại để hát dân-ca.

Những người trẻ tuổi hợp lại

Không phải một sớm một chiều, những người trẻ làm văn-ngệ mới có ý-kiến trên, mà phải trải qua những kinh-nghiệm chua chát, cay đắng. Không phải một sớm một chiều đã có được một nhóm người cùng đeo đuổi một mục-đích văn-ngệ, mà phải sẵn có những tình bạn và những thời-gian "gần gũi".

Nghiêm-Phú-Phát và Hà-Quốc-Bảo đã thân nhau rất lâu từ hồi hầy còn là sinh-viên trường Cao-đẳng Công-chánh. Hai người quen nhau vì cùng tham dự vào các sinh-hoạt văn-ngệ của trường. Những buổi trình-diễn trong dịp tất niên, bãi-trường khiến hai người trở thành bạn thiết.

Sau ngày 1-11-63, vào dịp Tết năm đó, trong một bữa tiệc tất-niên tại nhà một người bạn, Bảo và Phát cùng gặp gỡ thêm một số người trẻ làm văn-ngệ: Nguyễn-Ngọc-Long, Trưởng-ban Văn-ngệ của Câu-lạc-bộ Đắc-Lộ, Đỗ-Kim-Long, sinh-viên y-khoa, và một số bạn hữu khác.

Trong cái không khí sôi nổi thời bấy giờ, vấn-đề thời-cuộc vẫn là chính-yếu trong các câu chuyện. Phát, Bảo, Ngọc-Long, Kim-Long và các bạn bè đều muốn có một tổ-chức để vận-động cho tinh-thần quí-hương, dân-tộc, đều muốn tinh-thần này "thấm nhuần trong óc, trong, máu trong xương tủy" mọi người trẻ. Một ban văn-ngệ kiểu «Nguồn Sống» sẽ nằm trong tổ-chức đó.

Dự-định trên bị lãng quên với thời-gian vì dự-định như vậy, không phải là điều nhỏ bé, dễ thực-hiện.

Tới năm 1964, nạn lụt miền Trung đã

(7) Những người khai phá — Hà-Quốc-Bảo (Lạc-Việt số 9-trang 23)

lôi cuốn một số đồng thanh-niên trog các đoàn-thể tham-gia vào các công-tác cứu-trợ. Bảo, Phát, Kim-Long, Ngọc-Long và một số bạn cùng có mặt trong Ban Tác-động của Ủy-ban Trung-ương Cứu-trợ Bảo-lực Miền-Trung. Ban Tác-động này phụ-trách một chương-trình phụ-dẫn tại rạp Rex để lấy tiền. Sau lần trình-diễn, một số người có ý muốn thành lập một ban văn-nghệ như đã dự-định. Đó là bước khởi đầu của những điều mong ước trước đây. Phải bắt đầu đã; không thể chờ đợi có đủ các phương-tiện để thực-hiện hoàn toàn các mơ ước được. Những người trẻ họp nhau lại được một nhóm người đủ lập một ban Văn-nghệ. Nhưng ngay cả « một phần mơ ước » cũng chưa thể thực hiện được vì không có tiền.

Chương-trình Công-tác Hè 1965 là một cơ-hội để những người trên kéo nhau toàn ê-kíp vào Ban Đường-Sáng của chương-trình để nhờ phương-tiện hoạt-động và học hỏi kinh-nghiệm.

Sau chương-trình công-tác Hè, ngày 3-11-1965, Đoàn Văn-nghệ Sinh-viên Học sinh Nguồn-Sống chính-thức ra đời tại trường Quốc-gia Âm-nhạc.

Trong những ngày đầu tiên, Đoàn chia làm hai khối: Khối Kỹ-thuật Văn-nghệ do Nghiêm-phú-Phát làm trưởng-ban và khối Kế-hoạch Báo-chí do Hà-quốc-Bảo đảm-nhiệm. Một số người khác: Trần-tuấn-Vy, Kim-Long, Ngọc-Long, Hoàng-cơ-Trường, Phạm-thúy-Hoan (Trưởng ban nhạc Hoa-Sim hiện nay) Lê-Hoài-Quỳnh, Bùi-Ngọc-Tuấn, Đặng Bích-Thúy. Một số người được mời làm cố vấn: Nhạc sĩ Phạm-Duy, Lê-Thương, họa sĩ Huy-Tường, cô Kim-Oanh, giáo-sư Gia-Long.

Dalat rực rỡ

Trong những ngày đầu, khi trình-diễn văn-nghệ dân-tộc tại trường Đại-học Khoa-học Saigon, tại Trung-tâm Huấn-luyện Quang-Trung v.v,... các ca-si đã gặp phải những đau đớn và chua chát như cuộc « dẫn thân » hồi năm 63. Văn-nghệ dân-tộc vẫn chưa được hưởng-ứng. Nhiều nữ-sinh còn nhỏ đã chạy vào hậu-trường khóc vì bị đám đông la ó khi trình-diễn. Những điệu dân ca Việt-Nam vẫn bị điệu nhạc Twist đánh át đi. Mọi người vẫn hoan nghênh loại kích-động-nhạc Tây-phương nhiều hơn. Tất cả những điều đó mang lại không ít thất vọng cho đoàn.

Nhưng sau đó, mấy hôm trình diễn tại Dalat trong dịp Noël, Đoàn « Nguồn-Sống » đã thu lượm được những kết-quả cảm-động. Dân Dalat đón nhận dân-ca một cách nồng-nhiệt. Trình diễn tại Viện-Đại-Học, tại rạp Hòa-Bình đều gặt hái được những thành công rực rỡ. Những lời la ó không có nữa và « phút thiêng liêng tự khởi đầu » đối với đoàn từ đó. Dalat sương mù lại là Dalat rực rỡ với Đoàn Nguồn-Sống.

Ở Dalat về, Đoàn Nguồn-Sống được mời hát trên Đài phát-thanh. Bắt đầu một giai-đoạn phát-triển điều hòa của đoàn. Từ 3-11-65 cho tới 3-11-67, ròng rã hai năm trời, đoàn đã trình-diễn được « hơn hai mươi buổi, những chương-trình gồm có quốc-nhạc, dân ca, các ca khúc quê hương, hoạt-cảnh, các điệu-múa trình-bày nếp sống quê hương dân-tộc, ngoài ra, có rất nhiều buổi nói chuyện về quê hương với dẫn-giải bằng dân-ca tại trụ-sở đoàn hay tại các trường Đại-học và Trung-học. » (8)

(8) 2 năm trên đường đi (Lạc-Việt số 7-8 trg. 8-9).



Đoàn văn-nghệ Nguồn-Sống trong chuyến đi Lào.

Hàng đứng: Quỳnh-Hạnh, Đức-Tân, Ô. Chủ-tịch T.H.S.V. Lào, Xuân-Kiều, Thanh-Lan, Kampêng nữ sinh viên Lào, Vũ-Hiệp, Hà-Bay Bích-Thủy.

Hàng ngồi: Hoàng-cơ-Trường, Ô. Phó Chủ-tịch T.H.S.V. Lào, Hà-quốc-Bảo, 1 sinh-viên Lào.

Vào cuối tháng 1-1967 đoàn đã cử một phái-đoàn 30 người sang trình-diễn tại Thái-lan và Ai-lao, trao đổi sinh-hoạt văn-hóa với sinh-viên hai quốc-gia này.

Bầy thỏ trên quê hương

Trên hai năm đi trình diễn Đoàn Nguồn-Sống đã thực hiện được, không phải tất cả, nhưng một phần nào những mơ ước của những người trẻ sau năm 63. Dân ca đã được hát trên nhiều thành phố, tại Đài phát thanh. « Sau Phạm-Duy, Nguồn Sống là ban nhạc thứ hai phổ biến dân ca ». Dân ca đã được hát lên giữa những thành phố ồn ào náo nhiệt, giữa lúc cuộc chiến mỗi ngày một gia tăng và văn-hóa ngoại lai tràn ngập.

Hoàn cảnh đó khác xa hoàn cảnh thời xưa. Dân ca hát trong làng, trong xóm, hát với bà con quyến thuộc, hát giữa khung cảnh nông thôn hiền hòa. Dân ca hát như một tự nhiên.

Bây giờ, làm sao giữ được « như một tự nhiên » đó. Làm sao có thể làm tinh thần dân tộc thấm nhuần trong tâm hồn mọi người. « Làm sao để bọn con nít thời sau khỏi nhìn thấy dân ca xa vời như thời Hồng-Bàng » ?

Đối với những người trẻ, cần phải trừu tượng-hóa cái cảnh quê hương tiêu-diêu do cơ khí, nhất là do vũ-khí. Phải huyền-thoại-hóa đi cái khung cảnh đó. Từ đó « Bầy thỏ trên cánh đồng Việt-Nam » được kể cho mọi người nghe.

Đoàn Nguồn Sống đã tượng-trưng Việt-Nam như một cánh đồng cỏ non hiền hòa, và những người Việt như một bầy thỏ non.

Đây là một huyền-thoại về bầy thỏ của người thỏ chị gửi cho thỏ em :

« Em cứ tưởng tượng ra một cánh đồng cỏ non nằm ven dãy núi dài, ở đó có những dòng sông như sông Đổ, sông Hồng, sông Rừng, sông Hương chảy qua, em lại tưởng tượng rằng ngày xưa cách đây trên bốn ngàn năm có một « Thỏ Cha » và một Thỏ Mẹ, con của các vị Thần Linh Thiêng đã hạ sinh lứa thỏ đầu tiên một trăm con, những Thỏ con đã lớn lên sinh sôi nảy nở và kéo nhau đi dần về phương Nam khai hoang, tạo nên cánh đồng đáng yêu này và lập thành Gia đình Thỏ rộng lớn. Suốt bao nhiêu năm dài, dài như tai Thỏ, Gia đình Thỏ ngày thường thì hiền lành vui chơi, nhưng khi lũ sói rừng độc ác từ phương Bắc tràn xuống, hay lũ cọp beo từ phương Tây tràn sang định tiêu diệt gia đình Thỏ đã xâm chiếm cánh đồng, thì những chú Thỏ đã nhanh nhẹn, liều lĩnh dùng sức nhỏ, dùng sự đoàn-kết anh () nhà đánh tan những bọn hung tợn để bảo vệ cánh đồng, bảo vệ gia đình cho đến ngày nay (9)

Gia đình Thỏ tượng trưng cho người Việt hát trên cánh đồng quê hương. Nhưng Gia đình Thỏ của đoàn Nguồn Sống chỉ có mục-đích giúp các thanh-thiếu-nhi gìn giữ tinh-thần Việt-Nam. Tờ chức của gia đình Thỏ gần giống như tờ chức hướng-đạo, cũng có trò chơi, cũng cắm trại, dạy hát, nhưng tất cả đều hướng vào mục đích dân tộc. Lời tuyên hứa của hướng-đạo được gọi là « lời tuyên hứa trung thành với Cánh đồng

Việt-Nam », Luật-lệ của đoàn gọi là « Luật đồng cỏ ».

Những sinh hoạt của bầy Thỏ non Nguồn Sống còn có ban Công tác, quán Bờ Hồ bán các thức ăn « dân tộc » vào sáng chúa nhật như bún riêu, bún ốc v.v... Ba tờ báo, một tờ in typo (Lạc Việt), hai tờ in ronéo (Chúng ta và Dân thân).

Tất cả đều có mục đích cho thanh-thiếu - niên khỏi quên mất huyền-sử « Thỏ cha, Thỏ mẹ và 100 trứng nở thỏ con lên rừng xuống biển, nhất là với giai đoạn này, vũ khí đang được khiêng vào đây cánh đồng cỏ về hướng Bắc cũng như hướng Nam.

Bầy Thỏ non này hiện được tổ chức tại Saigon và các tỉnh. Gia đình Thỏ chia làm nhiều hang. Đứng đầu một hang thỏ là trưởng hang. Số thỏ toàn quốc vào khoảng 500 người.

Gia-đình Thỏ chỉ là một sinh hoạt có tính cách lâu dài, mà thực tế đề hồ trợ cho tiếng hát dân ca của đoàn Nguồn Sống. Số người trình diễn chỉ có vào khoảng 60 người. Đoàn đã mỗi ngày một cải tiến lại. Hình thức tổ biến đổi khác. (10)

Ngày 3-11-67 là ngày kỷ-niệm năm thứ hai thành lập đoàn. Tất cả những hoạt động đều bừng bừng sống dậy khi Tết Mậu Thân gần kề. Một hội Tết diễn lại đủ các phong tục, hò hát kiểu xưa tại đường Gia-Long.

Thỏ non và bầy sói

Hầu hết các buổi trình diễn văn-nghệ

(9) Lạc Việt số 4

(10) Hiện Đoàn gồm có 1 đoàn trưởng, 2 đoàn phó và một số Ủy-ban. Niên khóa 67-68 Đoàn trưởng là : Nghiêm phú Phát, Đoàn phó Ngoại vụ : Hoàng cơ Trường, Đoàn phó Nội vụ : Phạm quang Thùy. Hà quốc Bảo hiện là Trưởng ban Sinh hoạt.

đều không lấy tiền, vậy đoàn làm sao có đủ phương tiện để di-chuyển để may vũ-phục v.v... ?

— Chúng tôi trình-diễn trên Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, xin tài trợ của các bộ Giáo-dục, Thanh-Niên, Thông-tin. Kỳ đi ngoại quốc do Bộ Ngoại-giao đài thọ. Có một vài lần trình diễn, thí dụ như ở Hội Phụ-nữ Quốc-tế, họ may các y-phục vũ cho chúng tôi và tặng hân cho chúng tôi sau lần trình diễn.

— Trong đoàn có nhiều thanh niên, thiếu nữ 16, 17 tuổi. Làm sao phụ-huynh có thể tin đoàn mà cho đi tập dượt ?

— Chúng tôi gửi thời-khoá-biểu tập-dượt cho gia-đình những người đó. Ai vắng mặt tập-dượt ba lần không lý-do bị loại ra khỏi đoàn.

— Anh nghĩ sao về ý-kiến cho rằng hát dân-ca chỉ là một thứ an-ủi một thứ thuốc ngủ tự-mãn của thời-đại này ?

— Hát Dân-ca được coi là không thực-tế và không cần thiết cho chiến tranh. Nhưng thử hỏi nhạc chiến đấu đã làm cho bao nhiêu người đích thực chiến-đấu vì nhạc chiến-đấu ? Sự khao khát một tinh thần Việt-Nam và sự hành-động theo lý-tưởng — dù thiếu thực-tế, dù không tưởng — là nhu-cầu của thanh-niên.

Anh Hà-Quốc-Bảo, người đã đứng đầu một trong hai khối thuở mới thành lập Đoàn, đã trả lời cho người viết những điều trên.

Bảo và Phát cũng như một số đồng các người khác trong đoàn đều tự học lấy nhạc. Phát là em ruột của nhạc-sĩ Nghiêm-Phú-Phi.

Bảo và Phát đã sáng tác chung bản nhạc "Điệu Quê-hương" và được giải thưởng Văn-hóa UNESCO tại Việt-Nam.

Nghiêm-Phú-Phát và Thủ-Đức khóa vừa rồi. Đỗ-kim-Long, Trần-tuấn-Vy đều đi lính. Một số người vì sinh-kế hoặc lý-do này khác đã không thể tiếp tục hát cho Đoàn.

Biển cổ Mậu-Thân làm tê-liệt Đoàn một thời-gian. Đoàn đồ đi cứu-trợ nạn-nhân chiến-cuộc. Tới ngày nay, Đoàn đã bắt đầu trình-diễn lại trên Đài Truyền hình và Đài phát-thanh.

Nhưng những cơ-hội đi lang-thang từ vùng này sang vùng khác để hát dân ca không còn nữa. Dù vẫn là một thứ hát trên quê-hương rồi.

Thời-đại hiện nay là một thời-đại mà những thỏ non đang bị tan tác vì lũ Sói già ?

TRẦN-ĐẠI

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp báo tin lễ thành hôn của Anh HOÀNG-ĐÌNH HUY-QUAN cùng Chị LƯU-THỊ DIỄM-HỒNG vào ngày 13-7-1968 tại Tuy-Hòa.

Xin thành thật chúc mừng Anh Chị trăm năm hạnh phúc và sớm có nhiều tác phẩm chào đời.

Y-UYÊN, TRẦN-HOÀI-THƯ, NGUYỄN-PHƯƠNG-LOAN, NGUYỄN-LỆ-UYÊN, TƯỜNG-HUÂN, MANG-VIÊN-LONG, NGUYỄN-PHAN-THỊNH, P-VIỆT-THỦY, CHU-TRẦM NGUYỄN-MINH, ĐẶNG-TẤN-TỚI.

NHẠC VIỆT XỨ NGƯỜI

MỘNG - TRUNG

(tiếp theo số 274 ngày 1-6-68 *)

Những chuyến đi

Con đường tìm đến quê hương

Càng gian khổ lắm càng thương nhớ nhiều

Trời tối om lại mưa dầm. Bảo-tàng-viện Horniman nghe đâu cách trung-tâm Luân-đôn cũng khá xa và đã 8 giờ thiếu 15 mà ông O'Connell chưa đến. Chúng tôi như ngồi trên lửa. Nỗi lo việc mình trễ nải, nỗi lo ông O'Connell kiếm không gặp vợ và chắc chắn là ông không đủ thì giờ dùng cơm trước khi đến rước chúng tôi.

Mệt nhọc suốt ngày, giờ thì chúng tôi chỉ mong cho mau xong công việc để được yên tâm nghỉ ngơi. Nếu không thăm cảm hậu tình của ông O'Connell thì chúng tôi đã gọi taxi đến bảo-tàng-viện cho được vững bụng.

8 giờ thiếu 5 ông O'Connell mới đến, mặt mày buồn hiu vì kiếm không gặp bà lại thêm bực và mệt. Cũng như chúng tôi, ông chưa dùng cơm. Bạn cũng đoán biết chúng tôi khổ tâm dường nào khi nghĩ rằng : vì chúng tôi mà ông vất-vả; vô tình chúng tôi làm rối-rắm, đảo lộn cuộc sống bình thường của hai ông bà.

Xe chạy dưới trời mưa giông. Gió xé Anh lúc nào cũng như cơn trốt và lạnh thét như roi quất vào da. Càng ra ngoại-ô, đường càng tối và vắng tanh. Chúng tôi tự hỏi đêm hôm tối tăm, lạnh lẽo, mưa dầm, ai đâu chịu khó lội ra ngoại-ô xa lắc hẻo lánh — trừ những người có xe hơi — để tìm nghe thuyết trình nhạc-lý và nghe một thứ nhạc không chắc mình thích thú được ? Nhưng nhất định là chúng tôi sẽ có một số thính-giả nhỏ gồm những học-giả, nhạc-sĩ, các nhà khảo-cứu nhạc và sinh-viên học nhạc do bà Jenkins đã mời, quyết tâm đến nghe.

Xe vừa đậu trước bảo-tàng-viện, chúng tôi rất ngạc-nhiên thấy những bóng hồng thoát mau ra cửa xe, tà áo dài bay xoắn-xít dưới mưa dầm. Tôi ngỡ đó là sinh-viên Việt-Nam, nhưng biết ra là các bà các cô ở Sứ-quán miền Nam Việt-Nam tại Luân-đôn. Lại thêm một ngạc-nhiên khác vì bà Jenkins nghĩ đây là một buổi tổ chức nhỏ cho những thính-giả quen thuộc của bảo-tàng-viện và

* L.T.S. «Những chuyến đi» của Bà Mộng Trung khởi đăng từ số 274 (1-6-68) nhưng vì thư ở Pháp về quá trễ nên đến số 277 này mới lại đăng tiếp được. Mong bạn-độc thông cảm cho.

sinh-viên muốn học nhạc nên bà không bố-cáo to rộng. Bà không ngờ nhân-viên của Sứ-quán trên cũng lưu ý đến nghe.

Thấy nhạc-khí trong tay chúng tôi, các cô bà biết chúng tôi là thuyết-trình-viên nên đến vui vẻ chào hỏi. Chúng tôi cũng vui mừng trên đất khách gặp người đồng hương.

Trong phòng mới rải rác ít người. Ông Boston, giám đốc bảo-tàng-viện, và bà Jenkins đến đón chúng tôi. Biết chúng tôi vất vả suốt ngày hiện đang lạnh và chưa dùng cơm, nên ông Boston và bà Jenkins rối-rít mời chúng tôi lên lầu. Bà Jenkins rỉ tai với tôi rằng : Bánh ngon, rượu quý, sẵn sàng thết khách thân sau khi trình-diễn, nhưng giờ thì anh Trần và tôi được quyền ưu-tiên đề cho vững dạ. Ông O'Connell rất tử-tế chu-đáo giúp đỡ chúng tôi mọi việc, mà lúc vui thì ông lại đi đâu mất. Ngóng mãi không thấy, chúng tôi đành lên lầu. Mọi người xúm lại tiếp đãi trò chuyện với chúng tôi. No lòng ấm áp rồi trở xuống xem nơi trình diễn thì mới hay là người ta sắp đặt sân-khấu một cách đặc biệt mà chúng tôi chưa từng gặp, nói ra chắc bạn không khỏi bật cười. Vì chưa từng biết qua nhạc khí Việt và cách ngồi đàn của nhạc-công Việt ra sao nên nhân viên của bảo-tàng-viện " trang hoàng " sân khấu bằng tượng tượng kỳ quặc.

Một cái bàn lóe đề giữa sân khấu và trên cái bàn đó có 2 cái ghế (!). Có lẽ người ta nghĩ rằng chúng tôi lên ngồi hay đứng trên ghế đó đàn hát cho người ta vừa « thính » vừa « khán » cho nó rõ chăng ? !

Sợ khiếm nhã mà chúng tôi cũng phải cười lẫn ra. Tượng tượng bộ gió của mình đứng trên đó đã không gồng gân đánh võ hay nhào lộn như hát Sơn-dông có lẽ run gối té nhào xuống cũng nên ! Thật là « ly kỳ » cho cái trí tượng tượng của thiên hạ !

Chúng tôi sắp sửa bàn ghế lại vừa xong thì thính-giả cũng bắt đầu vào phòng. Có độ mười người Việt đến nghe chúng tôi.

Thường thì tôi trình bày rất nhiều điệu hát, hò, ngâm của cả ba miền Trung-Nam-Bắc. Đêm nay, chúng tôi bỏ bớt rất nhiều bài, vì lẽ mệt và thính giả Anh chưa quen nghe nhạc Việt như thính giả Pháp. Đây là lần thứ nhất Nhạc Việt được trình bày có nhạc-ly, hệ-thống, trước một số thính giả « vỡ lòng » tại Anh. Chúng tôi phải giản-dị-hóa từ cách trình bày cho đến các điệu hát hò cho họ dễ hiểu. Giản-dị-hoá thế này có lợi cho thính giả mà cả cho tôi. Vì mệt quá, tôi không cất nổi giọng mềm dẻo như thường khi mà có lẽ cũng vì mới lần đầu đứng trước thính-giả Anh phải giới-thiệu dài dòng những bài hát bằng tiếng Anh nên tôi bị khộp, khô cả cổ, đến nỗi khi phải hát một bài giọng miền Trung, tôi không còn hơi để cất lên nữa !

Chẳng những tôi không bằng lòng tôi về đêm trình-diễn hôm ấy mà có cô bà nào người Trung chắc cũng thất vọng vì bài hát miền Trung bị « khộp » bôi xóa một cách bất ngờ.

Chỉ có tôi biết đó là cố gắng của một người bệnh, thiếu sức và mất bình tĩnh ; không làm sao hơn được nữa. Nguyên do là tại từ lúc mua vé máy bay sang Luân-đôn cho đến lúc hát, không giờ phút nào tôi hưởng được sự bình thường

thăng bằng ngoài cuộc sống và trong nội-tâm. Và ngay lúc tôi đứng trên sân-khẩu thì ở hàng ghế thứ hai của thỉnh giả có hai em bé dị dạng—đang chăm chú nhìn tôi hát—cũng làm cho tôi lo ra phần nào. Đó không phải là mặt người mà là hai đồng thịt bầy nhầy sứt mẻ, méo mó. Những mảng da bị cháy nám chẳng qua kéo lại làm cho, mắt, tai, miệng, mũi hai em thành những đường nứt nẻ bầy bạ. Đứng xa độ mười thước, mà phải nhìn kỹ lắm tôi mới phân biệt được chỗ nằm của những giác quan trên mặt hai em. Hình ảnh ma quái tôi gặp trong những giấc mơ hãi-hùng khi còn thơ-ấu cũng na ná như vậy.

Nghe anh Trần kể chuyện đồng, ruộng, lúa, trâu, hai em reo lên sung sướng và khi chúng tôi hát bài dân ca quen thuộc thì hai em gật đầu và đưa những bàn tay đầy vết cháy cong queo, chỉ còn đôi ba ngón gỗ nhịp hát theo chúng tôi !

Biết hai em là người Việt-Nam rồi, mắt tôi không thể rời chúng và tâm trí tôi nghĩ liên miên đến vạn triệu tóc tang đang đe dọa từng giây phút trên mỗi gia đình người dân Việt vô phước, vạn triệu vết chém hằn sâu trên mình đất mẹ mà lâu nay tôi chỉ được nghe thấy trong những luồng sóng điện, trên phim ảnh. Giờ đây, lần đầu tiên, tang chứng và thương tích của chiến tranh Việt-Nam và bom Nagalm mới hiện hiện trước mắt tôi bằng xương thịt !

Chỉ có một chút thương tích của quê hương khói lửa mà đã đem thương cảm và uất hận tôi sôi lên tận cổ và mấy lần tôi suýt quên cả lời ca. Một chút thương tích đó là tang chứng của sức sống một thể-hệ trẻ đang vươn của quê hương tôi đang bị nghiền nát, thiêu hủy tận gốc rễ, từng lá non, rụ búp bởi vũ-khí tối tân của bạo lực vô-nhân-đạo do giống người khát máu gây ra mà cả thế-giới đang nguyên rủa. Tôi nghe lòng đau xót và cảm thấy việc mình đang làm rất phù phiếm và vô nghĩa trong sự đấu tranh gian khổ tốt cùng và anh dũng của dân nước Việt thân yêu.

Bạn ơi, hằng ngày ở quê nhà bạn đã từng thấy bao nhiêu khuôn mặt tàn tật đáng thương như vậy và đã chứng kiến bao cảnh chết chóc ? Đối với bạn, có nghĩa lý gì những điều tôi đang kể đây. Nhưng bạn có biết rằng : từ lâu rồi, không ngày nào, không giây phút nào tôi quên được nỗi đau chung và bây giờ đây những nét thù thương được hằn sâu vào tim hồn tôi hơn bao giờ hết.

Lúc nghỉ xả hơi, hai em đến chào chúng tôi cùng với ông bà Y, một phú-gia người Anh, ân-nhân và cha mẹ nuôi của hai em. Việt kiều đêm nay hầu hết là nhân-viên của sứ quán miền Nam. Có cả bà Đại-sứ, cùng đi với bà là nữ thi sĩ Vân-Nương, tác giả tập Thơ Sương, cùng trưởng nữ là một nữ họa sĩ, tác giả tập thơ Pha Lê.

Gặp nhau ở khía cạnh văn thơ cũng thấy thích. Chúng tôi được biết ông bà có gởi cho anh Trần và tôi một bức thư mời chúng tôi hội-kiến cùng ông bà nhân dịp trình diễn này. Tiếc rằng không biết vì lẽ gì mà sang Luân-đôn được 3 hôm, chúng tôi mới được tin nhà cho hay thư mới đến Balê ! Vì vậy khi gặp ông bà, chúng tôi không hề biết mình đã kém lịch sự trong việc không hồi-âm. Ông bà tỏ ra rất ân cần tử tế và chúng tôi nhận lời hôm sau đến dùng cơm tại tư dinh ông bà.

Hơn trường hợp người Việt gặp người Việt trên đất khách, ở đây chúng tôi còn có cơ hội bàn về âm-nhạc và văn thơ nữa.

Không có chuyến đi nào chúng tôi mệt mỏi và buồn bã bằng chuyến này. Giấy tờ xin sang Luân-đôn cũng như máy bay đều bị khó khăn, trễ nải, ngoài trời mưa gió, thính giả vỡ lòng, chương trình rút ngắn, yếu sức mệt mỏi nên trình diễn kém. Vậy mà bà Jenkins, ông Boston cùng thính giả cũng vỗ tay khen ngợi chúng tôi ! Đã vậy ông bà Y. lại mời chúng tôi cùng với mấy nhân-viên của sứ-quán, ông O'Connell cùng vài quan khách sang nhà ông bà ở cạnh bên bảo-tàng-viện để đãi tiệc rượu bánh nữa.

Khuya quá rồi mà chúng tôi không thể từ chối lòng hậu đãi của ông bà, hơn nữa tôi muốn biết trong trường hợp nào hai em bị nạn, gia quyến hai em ra sao ? Ý-niệm của ông bà Y. về sự nuôi dưỡng, cuộc đời và tương lai của hai em bé ? Tôi muốn đến gần thương-tích của đất nước, của lòng người, của hai con người bé nhỏ đồng chung đó để chia nỗi bất-hạnh và lòng thương trong một cái nắm tay ngăn ngủi.

Nhà ông bà Y. mọi vật đều sang quý và đẹp. Bà là một họa-sĩ có tim hồn đầy chất thơ và nhân-đạo. Chồng bà rất bảnh diện chỉ cho chúng tôi xem những bức tranh của bà : một đôi én liệng sát cánh nhau trên mặt bể về chiều, mệnh mông, vô giới, vạn triệu lớp sóng lẫn lẫn tâm ánh hồng tươi của vàng thái-dương ướt lông lánh, gọi trong lòng tôi nỗi nhớ quê tràn ngập. Một bức tranh khác lô nhô, lúc nhúc đầu những trẻ em nhiều màu da, biểu dương tinh-thần đoàn-kết và tình thương các giống dân trên thế-giới. Mà thể-hiện tình thương đó tinh thần đó một cách cụ-thể là chính bà. Bà đã nuôi hai em bé Việt-Nam vô phước này, với tình thương cao quý, rộng rãi và ngọt ngào.

Bà gọi hai em đến nói vài câu tiếng Việt với chúng tôi trước khi đi ngủ. Rồi lại là hai chú cháu, một em còn được vài người thân, còn một em hoàn toàn mồ côi ; cha mẹ cả gia-đình đều tử nạn. Anh Trần và tôi xem những bức ảnh do thân quyến hai em ở Thủ-dầu-một gửi sang. Hai em chụp chung với cha mẹ anh em lúc chưa bị nạn, em nào mặt mũi cũng khôi ngô ! Ông bà Y cho biết khi tổ-chức Terre des hommes đưa hai em sang bên này cứu chữa, ai trông thấy thân thể và mặt mày hai em cũng đều không cầm được nước mắt. Hai đồng thịt bầy nhầy, thương tích bầy bá đó, không ai nghĩ có thể sống được đến bây giờ.

Được cứu chữa săn sóc hơn một năm, các vết thương đã lành. Ông bà Y thường đưa hai em đến nơi chuyên môn sửa sắc đẹp đắp vá từng miếng da nhỏ trên mặt hai em thật kỹ càng, khéo léo, nhờ vậy hai em bớt xấu xí đi nhiều. Vậy mà đứng trước hai em, tôi không thể tưởng tượng trước khi được cứu chữa hai em còn như thế nào nữa. Tôi dẫn xúc động và không dám nhìn hai em lâu sợ hai em tủi thân.

Ông bà Y. hiền lành, phúc hậu, tiếp khách rất niềm nở, chu đáo. Bánh quý, rượu đắt tiền mà tôi không dùng được, mặc dầu rất đói. Các thứ bánh mận bên này và dăm-bông, xúc xích không như thức ăn ở Pháp mà thứ nào cũng mặn chát nuốt không vô. Tôi chỉ dùng được vài miếng bánh ngọt mà thôi. Tuy nhiên

câu chuyện quê-hương với ông bà Y. cùng khách khứa hôm nay cũng làm mình cõi mở, thấm thía mà no lòng.

Ông bà Y. chẳng những tận tâm hàn vá những vết thương trên thề-xác hai em mà còn lo lắng hàn vá những vết thương tình cảm và tinh-thần của chúng nữa. Hai em được ông bà cưng chiều, nuôi dưỡng, thuốc men đầy đủ, sung sướng, ăn mặc đẹp sang, lại được đi học và đã nói được tiếng Anh. Ông bà định nuôi hai em ăn học đến 21 tuổi rồi cho hai em trọn quyền lựa chọn đường đi, muốn về Việt-Nam hay ở lại Anh-quốc đều tùy ở ý chúng. Biết hai em thường nhớ quê hương, đồng ruộng, nhà lá, bà con và nhất là nhớ trâu, nên bà không ép hai em chơi những thứ hai em không thích mà để chúng tự do nậu những con trâu bằng đất cho đỡ nhớ. Ông bà đem khoe với chúng tôi rất nhiều trâu, bà chọn những con tốt chưng trên bàn và hỏi chúng tôi xem những con trâu ấy có giống trâu thật ở Việt-Nam không, vì ở Âu-châu không có trâu và ông bà cũng chưa từng thấy trâu bao giờ.

Xuất thân con nhà nghèo, nay được sung sướng sang trọng, nhưng hai em nhớ cảnh sống cũ nên vẫn e dè. Bà Y. thuật lại mỗi lần nắn trâu, hai chú cháu dùng hai ngón tay còn lại của tay này xe đất trên cùi chỗ tay kia, chứ không dám xe hoặc đè đất trên sàn ván đánh bóng hoặc trên tapis. Taấy vậy động lòng, bà Y cho phép hai chú cháu tự do chơi nắn trên tapis, bao giờ dơ thì bà mướn giặt.

Nhìn cảnh sống hiện tại của hai em, những người Việt giàu có sống bên này, biết việc cũng tự hỏi: Nếu mình đủ phương-tiện thì mình có xin hai em nhỏ bệnh hoạn tàn tật Việt-Nam này đem về nuôi như ông bà Y. không? Bạn có thể đoán rằng không ai trả lời xuôi được câu hỏi đó.

Nếu có, thì chắc chắn một trăm phần trăm hai đứa nhỏ sẽ không được nuôi dưỡng thật đầy đủ sung sướng, không được đi đến nhà chuyên môn sửa mắt và đi học đàng hoàng như vậy cho đến khi chúng trưởng thành, lại không đòi hỏi một tí tình thương, tư lợi mà còn cho chúng trở về đất nước của chúng. Nếu không có một tình thương tràn trề thuần khiết về con người, giữa người và người, lại là người khác giống, thì không dễ gì chịu cực khổ để ngày ngày nhìn những thân thể tàn phế, mặt mày tật nguyên, không được cái thú của người nuôi con nuôi, được nựng nịu những đứa bé xinh xắn như thói thường. Nghe người Việt thú nhận như vậy rồi, nhìn hai ông bà người Anh cao quý cũng thương xót hai trẻ Việt-Nam tàn tật này mà tôi càng thấm thía hồ thẹn sâu xa. Vì chính tôi cũng chưa kịp suy nghĩ để trả lời dứt khoát được, bởi ngoài phương-tiện tài-chánh và tình-thương còn là vấn-đề thần-kinh-hệ nữa.

Ông O'Connell đưa chúng tôi về đến khách-sạn là gần một giờ khuya. Một nhưng kể từ ngày mai chúng tôi được rảnh rang, đi dạo thành phố. Buổi sáng chúng tôi đi viếng phòng nhạc-khí do bà Jenkins làm giám-đốc mua chút ít vật dụng cần thiết và chiều lại dự tiệc. Ngày mốt phải làm tất cả những gì bà bạn gợi gẫm; chiều lại chúng tôi mời ông bà O'Connell dùng cơm nơi một hiệu ăn Tàu ở Piccadily-Circus. Ngày thứ ba chúng tôi đi theo đoàn du-lịch viếng

danh-lam thẳng cánh và ngày thứ tư dùng cơm nhà ông bà O'Connell và cùng đi viếng thành phố với ông bà và v.v...

Phòng lạnh ngắt, lò sưởi ỉm tro. Khẽng bỏ tiền vào lỗ khoá cạnh bên nó thì không có quyền xử-dụng khả-năng, thiên-chức của nó để cho đời một chút ấm cúng nào. Ở đây và vào thế-kỷ này, ở đâu có đồng tiền lọt vào là tất cả đều chạy thông suốt huyền diệu và đẹp đẽ ! Tôi có một đồng Shilling nhưng tôi không biết xử dụng, tôi đành để nguyên áo manteau, rửa mặt rồi đi xin bồi phòng một bọc nước nóng để vào giường.

Ngoài trời mưa mỗi lúc một to. Phòng tôi ở sát mặt đất nên nghe tiếng mưa rơi rất rõ. Anh Trại may hơn tôi, được cái phòng sát bên phòng bà chủ và cạnh bên nhà bếp nên lúc nào cũng nhờ được hơi hướng ấm cúng của cả hai bên, nơi đó lúc nào cũng có lửa và sưởi. Tuy nhiên tôi vẫn được đời ưu đãi nhiều lắm rồi. Tôi tìm gói ca-nh ăn một trái để trừ bữa cơm tối rồi gấp rút thay đồ chui ngay vào giường dỗ giấc với cái mộng sáng mai được dùng điểm-tâm kiểu Anh trừ lại cái thiếu thốn ngày nay.

Cảm tưởng của tôi về người Anh, những nghe thấy về thành phố Luân-đôn và những ngày sẽ tới xin hẹn với bạn thư sau.

MÔNG TRUNG

Đang in :

THI CA MIỀN TRUNG VIỆT-NAM

do LƯƠNG-TRỌNG-MINH biên soạn

* 39 nhà thơ hiện diện trong 10 năm thi-ca (1957-1967)

* Các nhà thơ được sắp xếp theo thứ-tự cao Miên.

Gồm có : 6 giáo sư. 3 sinh viên. 2 học sinh.

3 làm nghề tự do 1 Tu-sĩ.

1 Nữ bệnh-nhân (mắc chứng bệnh nan y như Hàn-mặc-tử).

* Đầy đủ hình ảnh nam nữ Tai-nhân.

Và phong cảnh hữu tình, khí-lửa của Miền Trung đa cảm, bất khuất.

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin của Bác TÔN-THẮT-HỐI, đến ngày 21-7-1968 sẽ làm lễ thành hôn cho Anh TÔN-THẮT-LƯƠNG cùng Chị NGUYỄN-HƯỜNG-LIÊN.

Chúng con kính mừng hai Bác, và chúc Anh Chị LƯƠNG-LIÊN trăm năm hạnh phúc.

vợ chồng : TÔN-THẮT-HÀM

» TÔN-NỮ THANH-LAN

Nhớ Bách-Khoa

Thơ XUÂN-HIỂN

Một khung trời cũ chìm theo mộng
Qua mấy mùa trăng thơ ngủ yên
Ta cũng như thơ nằm bất động
Trào dâng lớp lớp sóng cô miên

★

Từng đêm tiếng máy còn âm hưởng
Nét chữ về theo trang giấy in
Hương mực 10 năm còn dậy ngát
Làng xưa, gọi nhớ một hồn chim

★

Nghiêng cánh quay nhìn bờ giậu cũ
Nơi mười năm trọn gửi hoa niên
Từ thuyền xa bến, buồn đơn chiếc
Sóng cát vô tình xóa lấp lên

★

Bỗng thấy men chiều ngây ngất quá
Đứng bên sạp báo ngắm làng xưa
Khuôn bìa năm trước vài tên lạ
Hình ảnh nhòa trong lớp bụi mưa.

★

Ở đó có ta và có bạn
Nhiều bàn tay đến với non sông
Đường gai vạch giữa thời tao loạn
Sỏi đá nhỏ cao những đóa hồng

★

Nẻo đó biếng qua e gọi nhớ
Những chiều về muộn, bữa cơm khuya
Ngọn đèn, bát chữ, dòng in lỗi
Tất cả, reo vang trong tiếng mưa

★

Từ buổi Đăm Chiêu thay Hồn Nhiên
Qua nhiều bến lạ, vắng người quen
Từng hoàng hôn xuống, hoàng hôn xuống
Đợt sóng nghiêng cùng mây núi nghiêng.

Chao ơi, nhớ quá làm sao tới
Hồn ngập chìm trong tiếng động cơ
Rào kềm ngăn đôi đời với mộng
Phũ phàng thực tế giết hồn thơ

★

Còn một bóng hồng năm tháng đó
Nguyên mười cánh đẹp chữa tàn phai
Ta đem ép giữa trang bình lửa
Hoa nhớ sương đêm, tiếc nắng mai

XUÂN-HIỂN

(1968)

Mai em có về

Thơ TRÂN-HOÀ -THƯ

mai em có về xem trời mưa bay
gọi dùm con đò qua bờ Hữu-ngạn
xem dùm nhà anh bao nhiêu lỗ đạn
nhắc dùm nhà anh đào hố đào hầm
nhắc dùm bà con ngủ bờ ngủ bụi
đổ dành con em trong lúc đêm hôm
mai em đi về qua cầu vừa gãy
nhìn dùm anh con nước vỗ về
anh ước một chiều mây trắng lê thê
cho anh về nhìn sông mà khóc
hãy tìm dùm anh những người thiếu phụ
vừa thăm mộ chồng ra đi ngày xưa
lớp cỏ đã xanh thương nhớ đã vira
cho anh đi về thấp nhang mà lạy

rồi trên cầu này buổi chiều em qua
anh ở phương này nhớ lên màu mắt
trời chưa mưa sao người đã vội
anh gọi trăm lần người ta không hay

mai em có về đi thăm mộ mẹ
mai em có về đi tìm mộ cha
anh ở phương này về thăm nghĩa địa
người ta gọi hồn trong bãi tha ma...

Thời-sự thế-giới

TỪ-TRÌ

Tổng-thống De Gaulle thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc-hội Pháp vừa qua, Đại-hội hai đảng Dân-chủ và Cộng-hòa sắp nhóm họp là hai đề-tài đang được bàn luận sôi nổi. Đồng thời người ta thấy các cuộc thanh toán nhau giữa các phe phái tại Trung-Cộng lại bùng nổ trở lại.

Âu-châu : Tại Pháp phe De Gaulle đại thắng

Sau một tháng khủng-hoảng xã-hội, chính-thể Cộng-hòa Pháp do Tổng-thống De Gaulle lãnh-đạo đã lập lại được trật-tự. Tướng De Gaulle đã dùng một đòn chính-trị vô cùng lợi hại để giải-quyết cuộc biến-động vừa qua là giải tán Quốc-hội và tổ-chức cuộc bầu-cử dân-biểu mới. (1)

Cuộc bầu-cử này đã diễn ra trong hai ngày chủ nhật 23 và 30 tháng 6 vừa qua. Phe De Gaulle đạt được một thành quả vô cùng vẻ vang. Đảng của De Gaulle với tên là «Liên-hiệp bảo-vệ nền Cộng-hòa» (Union pour la Défense de la République) và các đảng liên-kết với De Gaulle đã chiếm tới 3/4 tổng-số 487 ghế tại Quốc-hội. Hầu hết các Tổng-trưởng của nội các Pompidou đã được tái-cử hoặc ở vòng đầu hoặc ở vòng nhì. Thủ-tướng Pompidou đã được đắc-cử tại đơn-vị của ông ngay trong vòng đầu với 80% số thăm. Trong khi đó phe đối-lập bị hoàn toàn thảm bại. Lãnh-tụ đối-lập liên-hiệp tả-phái đến vòng 2 mới được đắc cử. Trong khi cựu Thủ-tướng Mendès France bị thất-cử tại Grenoble. Tả phái

trong vòng đầu đã mất tới 1 triệu 200.000 phiếu.

Đây là lần đầu tiên từ năm 1910 mà một đảng cầm quyền có đủ đa-số tuyệt-đối để thành lập một nội-các chỉ cần sự tham-dự của 1 đảng (Cabinet homogène) không cần liên-kết với một đảng nào khác.

Sở dĩ dân chúng Pháp đua nhau ủng-hộ phe De Gaulle là vì sau hơn một tháng khủng-hoảng, đời sống quốc-gia hoàn toàn bị xáo-trộn : thiếu thực phẩm, thiếu phương-tiện chuyên-chở, họ đã chán ngấy các cuộc lộn xộn và muốn mau trở lại hoạt-động bình-thường. Tướng De Gaulle biết như vậy nên ông đã đặt trước dân Pháp một sự lựa chọn giữa trật-tự với De Gaulle và hỗn-loạn với đảng cộng-sản. Phe De Gaulle đã nêu ra một cảnh-tượng hải-hùng mà quốc-dân Pháp phải gánh chịu khi tả-phái lên nắm chính-quyền. Dân chúng đã nghe theo De Gaulle, ủng hộ ông để loại bỏ mọi phần-tử gây rối. Người ta thấy có những người thợ, hồi tháng năm tay cầm cờ đỏ miệng hô « Đả đảo De Gaulle », nay lại bỏ phiếu ủng-hộ ông.

Phe đối-lập, để làm yên lòng dân chúng Pháp, sợ họ mắc mưu De Gaulle, đã cố ý đưa ra những chương-trình tranh cử không có gì là cách-mạng cả. Đảng Cộng-sản tuyên bố rằng họ đã không âm mưu lật đổ chính-quyền trong vụ

(1) Xin xem Bách Khoa số 275 ngày 15-6-1968.

khủng-hoảng tháng 5 vừa rồi. Nhưng như vậy họ lại làm mất lòng phe lao-động mà đảng Cộng-sản đã đưa ra khẩu-hiệu tuyên truyền mới : họ đòi tăng lương thợ thuyền, nhưng họ vẫn tôn trọng trật tự.

Nhưng dù sao thì tả phái cũng đã thất bại nặng nề và De Gaulle được tăng thêm uy tín để làm việc.

Nếu tướng De Gaulle biết lợi dụng uy tín mới để áp-dụng một chính sách cấp-tiến thì chính thể của ông sẽ được củng cố lâu dài.

Ngược lại nếu tướng De Gaulle cứ tiếp tục một chính sách bảo thủ thì dù với sự ủng-hộ vừa qua của nhân dân Pháp, cuộc khủng-hoảng xã-hội rồi sẽ lại bùng nổ lần nữa và lúc đó chắc chắn ông sẽ không thể giải-quyết nỗi êm đệp như hiện nay.

Là một người nhìn xa trông rộng, ông De Gaulle sẽ có một chính-sách mới hướng về tiến-bộ. Các quan-sát-viên còn cho rằng nếu trước đây ông không chịu rút lui là chỉ tại ông là người cứng rắn không khi nào chịu nhượng-bộ trước áp-lực. Nhưng sau khi đã khôi phục được uy-tín, ông sẽ rút lui nhường chỗ cho ông Pompidou làm Tổng-thống và ông Couve de Murville làm Thủ-tướng để hai ông này áp-dụng một chính-sách mới.

Mỹ - châu : Cổ - động bầu-cử Tổng-thống tại Hoa-Kỳ tới giai-đoạn chót

Chỉ còn một tháng nữa hai đảng Dân-chủ và Cộng hoà sẽ triệu tập Đại-hội tại Chicago và tại Miami để cử ứng-cử-viên chính-thức của mỗi đảng ra tranh-cử Tổng-Thống vào tháng 11. Như vậy cuộc cổ động bầu cử Tổng-Thống Mỹ sắp tới đoạn chót.

Trước khi đại-hội của hai đảng nhóm họp người ta thấy ông Hubert Humphrey và ông Richard Nixon có nhiều hy

vọng được hai đảng cử ngay tại vòng đầu. Như vậy hai vị cựu Phó-Tổng-Thống sẽ cùng tranh cử.

Nhiều người theo dõi kết quả những cuộc bầu cử sơ khởi tại Hoa kỳ từ đầu năm nay lấy làm ngạc nhiên không hiểu sao trong 6 tháng qua ông Humphrey tỏ vẻ hết sức thờ ơ với các cuộc bầu cử sơ khởi mà vẫn có hy vọng được là ứng cử viên của Đảng. Trong khi mấy ông Mac-Carthy, Rockefeller và Robert Kennedy tích cực hoạt động và tham dự các cuộc bầu cử này mà vẫn ít hy vọng được Đảng chọn. Ngoài ra các ông Rockefeller, Kennedy và MacCarthy còn được dân chúng hết sức ưa chuộng và đã nhiều lần thành công tại các cuộc bầu cử sơ khởi. Nhưng ông Robert Kennedy dù có còn sống cũng chưa chắc đã được lựa chọn.

Hiện thời người ta thấy một hiện tượng lạ lùng là hai ông Nixon và Humphrey tuy ít được dân chúng tỏ vẻ ủng hộ nồng nhiệt như các ông MacCarthy và Rockefeller nhưng sẽ vẫn cứ được Đảng chọn làm ứng cử viên chính-thức. Sự kiện này bắt nguồn từ một tục lệ của đời sống chính trị Mỹ. Tuy Hoa-Kỳ tự coi là một nước dân chủ nhất thế-giới vì hầu hết viên chức đều do dân bầu ra bằng phương pháp phổ-thông đầu phiếu. Nhưng trên thực tế tuy dân có quyền bầu người lãnh đạo nhưng không có quyền lựa chọn lãnh đạo. Quyền lãnh đạo thuộc về Đảng. Mỗi đảng đưa ra một số ứng cử viên và cử-tri chỉ được bầu những ứng-cử-viên của Đảng dù họ không thích các ứng-cử-viên này.

Tại cuộc bầu-cử Tổng-thống hiện thời cũng vậy. Hai đảng Dân-chủ và Cộng-hoà đưa ra mỗi đảng một ứng-cử-viên và dân chúng chỉ có thể chọn một trong hai ứng cử viên này mà thôi. Các lãnh tụ Đảng thường là những người bảo-thủ nên họ chỉ chọn phần-tử bảo-thủ. Vì hai ông Humphrey và Nixon đều bảo-thủ nên họ có hy

vọng được Đảng chọn. Dân chúng dù có muốn một vị Tổng-thống cấp-tiến cũng không có cách nào bầu ông Mac Carthy hay Rockefeller lên làm Tổng-thống được.

Dù ông Humphrey hay Nixon được bầu làm Tổng-thống họ cũng sẽ không tránh khỏi khó khăn tại quốc-nội. Thật vậy trong một xã-hội trù-phú như Hoa-Kỳ, người ta vẫn thấy một số dân nghèo khổ mà phần lớn là da đen. Mức sống của họ không được cải tiến; các người da đen nghèo khổ đã phản đối bằng cách kéo tới một công-viên ở Hoa-Thịnh-Đốn để lập ra một thành-phố mà họ gọi là « Thành phố phục-hưng » (Resurrection City). Chính-phủ Mỹ đã cho phép họ được đóng tại đó 6 tuần. Sau 6 tuần, dân da đen không chịu rời đi. Cảnh-sát được lệnh tới giải tán và nhiều cuộc xô sát đã xảy ra khiến chính phủ phải bắt giam lãnh-tự da đen, người kế nghiệp mục-sư King, là Ralph Abernathy. Dân da đen nổi dậy, đập phá cướp bóc khiến chính phủ phải ra lệnh giới-ng nghiêm tại chính thủ-đô Hoa-Thịnh-Đốn.

Không rõ vị Tổng-thống mới của Hoa-Kỳ sau này với một chính-sách bảo-thủ, có thể giải-quyết những cuộc khủng hoảng xã-hội này được chăng? Tổng-thống Johnson sẽ để lại cho người kế tiếp ông những khó khăn không phải nhỏ.

Tại Gia-nã-đại, người ta cũng vừa bầu cử Lãnh-tự đảng Tự-do là Thủ-tướng Pierre Elliot Trudeau người đã đưa đảng tới thắng lợi. Đảng Tự-do đã chiếm được 154 ghế trên 264 tại Quốc-hội.

Ông Trudeau là một chánh-trị-gia gốc Pháp và chỉ mới bước vào đời sống chính-trị từ 3 năm nay. Ông là một người hào hoa phong nhã, thể thao, duyên dáng, nên được dân chúng ưa thích. Có lần

ông phải chạy vào Quốc-hội để trốn vì ông bị một đám phụ-nữ chạy theo đòi hôn ông.

Là một người sành về việc ăn chơi, nhưng ông Trudeau cũng lại rất khôn ngoan về vấn-đề chính-trị. Tuy là gốc Pháp, ông không ủng hộ phong trào tự trị của Québec. Trong những tháng tới, ông sẽ có nhiều hoạt động khiến nước láng giềng phía Nam lúng túng. Thật vậy ông đã từng tuyên bố là sẽ công nhận Trung-Cộng, sẽ giảm bớt sự tham gia của gia-nã-đại vào Liên-minh Bắc Đại-tây-dương và sẽ cố tranh đấu để ảnh hưởng Hoa-kỳ khỏi tràn ngập Gia-nã-đại.

Á-châu: Rối loạn mới tại Trung cộng

Sau một thời gian lắng dịu, cuộc Cách mạng văn-hóa của Mao-Trạch-Đông đã gây lại những lộn xộn trong hàng ngũ đảng Cộng-sản Trung-hoa.

Phe thân Mao và phe chống Mao luôn luôn thanh toán lẫn nhau. Ngay trong hàng ngũ của phe thân Mao, người ta cũng thấy có sự chia rẽ của phái « Cờ đỏ », do Giang-Thanh, vợ Mao, lãnh đạo và phái « Gió đông ». Phe « Cờ đỏ » tỏ ra cuồng tín và phái « Gió đông » tuy ủng hộ Mao nhưng có khuynh hướng ôn-hòa hơn. Tại Quảng Đông hai phái « Cờ đỏ » và « Gió đông » đã có những cuộc xung đột đến đổ máu.

Các phe phái đối nghịch tàn sát lẫn nhau và nhiều xác chết, chân tay trói chặt, bị thả xuống sông đã trôi tới Hồng-Kông và Macao.

Trong khi đó nạn vỡ đê cũng gây ra nhiều thảm-trạng cho dân chúng Trung cộng. Khủng hoảng chính-trị và nước lụt sẽ mang tới sự thiếu gạo và đó là một mối lo ngại rất lớn cho các nhà cầm quyền Trung cộng lúc này.

TỪ-TRÌ

Những giọt nắng cuối cùng

Đã một tuần nay, đêm nào Thạch cũng ho khan từng cơn từng chập tối. Những cơn ho làm hắt rũ người, sù sụ. Những cơn ho làm tôi nhớ Miện xót xa. Miện và Viện Bài-lao nằm cạnh con đường Ngô-Quyền mỗi sáng mỗi chiều tôi đã tạt qua sau giờ bãi lớp giữa hai hàng cây long não cao nghệu những trưa nắng chói chang. Miện và cái chết thật bất ngờ.

Tôi nhìn lên cao, bầu trời đầy sao lấp lánh. Đèn phòng tắt đã lâu. Hiện nhà tối om như hũ nút. Thạch gọi tôi hỏi mượn cây đèn pin và lịch-kịch tìm bi-đông nước. Những cơn mưa đầu mùa đã làm dịu không khí bên ngoài. Miện. Đã bốn năm qua. Bốn năm qua như một chiếc gong dè nặng tâm hồn. Vết thương tôi vẫn hoài hoài mưng mủ. Miện với con đường dẫn tới Viện Bài-lao, với hai hàng cây long não; những dãy nhà quét vôi trắng; những di phước hăm đời trong niềm tin Chúa và lòng bao dung. Những Phán những Toàn. Một tình yêu đã mất, chuỗi ngày vui hút bóng. Tuổi thơ chúng tôi đánh mất tự bao giờ chẳng còn tìm gặp.

Thạch đi tiểu vào. Lại ho, Tiếng một con tắc kè gáy khô từ một gốc cây nào gần văn phòng Đại Đội nghe thật buồn. Hằng đêm tôi vẫn chú ý lắng nghe nhưng không tìm được nó. Thạch trở mình, nằm co người cố nén những tiếng ho vào cổ. Gió đêm lạnh lạnh rung cây.

Tôi cởi giày, ném mẩu thuốc lên không và nằm quay lưng về phía Thạch — Hắt vẫn còn chửi thề lí nhí bên vai tôi :

— Đ. mẹ, ho mãi thế này tao chịu hết nổi — Toàn nước giải và đàm.

— Mai mầy xin giấy khám bệnh thử xem.

Tôi trả lời và nhắm mắt nằm yên. Phía chân tôi, tiếng những con chuột reo đuổi nhau tìm thức ăn mỗi lúc thêm vội vàng. Tôi kéo chăn đắp lên người và dục Thạch ngủ. Bây giờ có lẽ đã nửa đêm.

oOo

Ngôi nhà vườn một căn hai chái nằm giữa khu vườn rộng bên cạnh con đường đất thó từ quốc lộ dẫn vào, hai bên lối đi những thân tre lá ngọn rủ xuống như cái vòm che kín mặt trời. Tôi bước vào nhà, Miện đang ngồi đọc truyện.

— Anh !

Miện vui mừng gọi lớn. Có tiếng ông Định từ phía sau nhà hỏi vọng vào :

— Ai đó Miện ?

— Dạ, anh Hải.

Miện trả lời và quay sang tôi :

— Ăn gì chưa anh ?

Tôi bảo đang no, trưa hắt hay. Ông Định có lẽ đang làm vườn. Tôi nói Miện ra ngoài tí cho thoáng. Mấy giàn bầu mới lên xanh bắt đầu trổ hoa, một vài nụ đã nhú, chèn giữa những dây leo. Ông Định

đang lúi húi vun mấy luống dưa. Thấy tôi ông hỏi :

— Bữa nay cháu nghỉ dạy à ?

— Dạ, thứ năm, cháu nghỉ.

Trong vườn, nhiều nơi đất bỏ trống, cỏ dại mọc đầy. Miện nói biết chi anh cũng về. Má em vừa đi chợ. Tôi bảo sao Miện không đi giùm ? Miện cười nói thôi em đi giờ nhé ? Tôi muốn cầm tay Miện dẫn chạy quanh vườn nhưng lại thôi. Dưới tàng cây xanh, khuôn mặt Miện trông dịu dàng nhưng tái nhợt. Tôi hỏi sao Miện không xin mẹ lênh Bệnh viện nằm ? Miện bảo dạo này Miện thấy khỏe nhiều, có lẽ nhờ bữa trước chữa thuốc của thầy lang Khôi đó. Trong một thoáng tôi thấy tôi yêu Miện lạ kỳ. Tôi biết bệnh Miện chưa lành hẳn nhưng không muốn làm Miện phật lòng. Dường như bà Định đi chợ đã về. Tôi theo Miện trở vào. Bà Định niềm nở hỏi thăm mẹ tôi. Miện nói anh nghỉ lát hay kiếm cái gì đọc, chờ Miện xuống làm cơm đã nhé. Tôi đến bàn Miện tìm xấp thư cũ, đề nguyên quần áo và nằm dài xuống bộ ván ngựa kê đầu hồi. Hai dãy cột nhà bóng đen. Mái ngói nhiều nơi đã trêu. Bức hình ông nội Miện lồng trong khung kính giữa chiếc tủ thờ nghiêm lặng. Tiếng súng từ phía đồng bên kia sông dội lại nghe thật dòn.

Từ ngày quen tôi, Miện đã nhiều lần kể với tôi về nỗi khổ tâm của mẹ nàng trong quãng đời làm dâu với ông bà nội Miện. Lòng thương chồng thương con và những tháng ngày nhọc nhằn tảo tần dành dụm để mua cho được ngôi nhà này, cổ làm của hương-hoả cho anh Cả Miện nhưng anh Cả đã không còn để hưởng. Lần công tác Đông Hà năm ngoái, anh Cả Miện trúng mìn chết. Người chị thứ hai của Miện cũng theo chồng ở xa. Miện

bảo ngày đưa ma anh Cả bà Định đã bất tỉnh mấy bận, từ lúc chuyển quan ra khỏi nhà cho đến giờ hạ huyệt. Chị Biên tuy thương anh nhưng đã có chồng nên bình tĩnh hơn mẹ. Tôi cười : vậy Miện ghét anh Cả lắm à ? Miện nói thương anh lắm chứ, nhưng Miện chỉ khóc thầm. Chỉ có mẹ Miện là nhiều nước mắt vì con, sau khi đã chôn cất anh Cả rồi mà ngày nào mẹ Miện cũng ngồi khóc ở bậc cửa gọi « con ơi », còn ba thì rượu chè suốt tháng, bỏ bê mọi việc. Miện nói bởi mẹ bảo là chỉ có thằng con trai nối dõi độc nhất mà trời cũng nỡ hại. Làm sao mẹ khỏi tiếc thương.

Tiếng súng bên kia sông về trưa nghe càng rõ. Bà Định làm bếp xong, gọi ăn cơm. Bữa cơm có nhiều thức ăn lạ miệng, tôi ăn thật nhiều. Ông Định hỏi tôi chuyện gia đình, chuyện lương tiền, dạy dỗ... Bà Định than phiền đã lâu không thấy vợ chồng chị Biên và các cháu về thăm. Miện bảo tình hình lộn xộn thế này chắc anh chị sợ. Đêm nào mấy cha cũng về thu thuế ruộng khắp làng, nghĩa quân trên quật chạm súng mãi. Tôi thấy tình thân giữa Miện, gia đình Miện và tôi mỗi ngày thêm khẩn khít. Tôi hỏi ông Định sao hai bác không dời nhà lên phố ở cho đỡ hơn ? Cháu thấy vùng này nguy hiểm quá. Nhà ta lại gần quận nữa. Ông Định nói thời buổi này ở đâu cũng khổ. Vả hai bác đã già, chỉ lo con Miện. Có lẽ tháng sau sẽ cho nó lên nhà con Ellen để tránh bớt mùa mưa. Tôi nhìn sang Miện, đôi mắt Miện đầy vẻ trách móc. « Sao anh không cưới Miện cho xong » Tôi cúi mặt tránh tia nhìn của Miện và buồn.

Buổi chiều, khi ánh nắng xẽ ngoài sân thóc, tôi chào ông bà Định trở lên. Miện đưa tôi ra con đường đất thó. Tôi tận

ngăn bảo thôi Miện vào đi. Chủ nhật này nhớ lên anh chờ. Đôi mắt Miện chớp chớp, ướt nhoe. Lần nào tôi về thăm rồi khi lên cũng vậy. Tôi vậy chuyển xe Lam chạy qua khi Miện quay lưng và tôi thấy cánh tay áo Miện đưa lên mặt nhiều lần.

oOo

Mùa đông năm đó bệnh phổi của Miện trở lại. Miện phải nằm bệnh viện và gia đình Miện bắt đầu lâm nạn.

Sau ngày Miện đi một tuần, V.C. gồm nhiều toán từ phía bên kia sông đã dồn hết lực lượng, lợi dụng mùa mưa kéo sang đánh úp quận lỵ. Ông bà Định chết liền trong đợt tấn công đầu tiên. Ngôi nhà sụp mất một nửa. Miện nghe tin không kịp về chịu tang thì bệnh tình đã trở nặng. Chị Biên và chồng đã phải giao lại vườn nhà cho các chú Miện để nhờ lo đám táng cho ông bà Định. Người Miện chẳng còn gì. Thân hình Miện gầy đét, khó coi. Mỗi lần gặp mặt tôi, Miện ít nói và khóe nhiều. Thời gian bệnh hoạn kéo dài không lâu. Tôi vẫn cố gắng an ủi Miện hết lời nhưng những rủi ro đã ập xuống đời Miện quá nhiều, xối xả như những cơn mưa rào, ngút mặt. Chị Biên và chồng tỏ ý lo sợ. Sáu tháng sau Miện xuất huyết bất thần và vĩnh viễn xa tôi. Đúng vào mùa hè hoa gạo nở.

oOo

Tiếng cãi nhau léo nhéo của mấy bà hàng rong làm Thạch và tôi tỉnh giấc. Sáng nào cũng vậy, cứ vào khoảng năm giờ là các gánh bún, cà phê, xôi, cơm tấm... đã họp chợ ở khu đất trống bên hông doanh trại.

Thạch đã tỉnh nhưng vẫn còn rằm vắn mình. Tiếc nuôi. Đêm qua Thạch ho

chưa khỏi nên tôi chỉ gác một mình. Ca gác nửa khuya thật trống trải, vô vị. Đã mấy tháng qua Đại đội tôi chỉ quanh quẩn gác phòng thủ khu trong này. Lâu lâu mới ra kháng tuyến chính một bận.

Trong đêm, dưới bóng những tàng cây hai bên đường bao quanh doanh trại, tôi thẩn thờ cầm súng đứng ngó mông về phía thị-trấn xa, ánh điện chập chờn khuất sau vùng đồi rộng trông như cảnh một đoàn thuyền đánh cá ngoài khơi trở vào. Những tháng ngày thanh bình bao giờ mới đến với chúng tôi? Bốn năm qua rồi — Bốn năm qua Miện vẫn là một bóng ma theo hút mãi bên tôi. Bao nhiêu đời đời giữa bạn bè. Toàn đã có hai con. Phán đồ kỹ-sư ra trường đi trường ty điện địa ở Cao-nguyên. Còn lại Thạch và tôi, những ngày mờ hơi nhể nhại, những đêm ngủ bờ rào, ngủ hàng hiên... chiến tranh đã như một người mù nổi cơn điên, lung tung đập phá.

Và Miện. Nửa phần đời còn lại tôi sẽ thế nào?

Ngoài đường, mặt nhựa vẫn ướt sương. Một vài tiếng chim riu-rít chuyển cành. Thạch gọi một tách cà phê đen. Người con gái bán hàng có khuôn mặt hiền hiền. Tôi thu dọn đồ đạc vào balô và châm điếu thuốc thứ nhất trong ngày.

Tiếng chim mỗi lúc một nhiều. Dường như đó là những tiếng chim đang cố rộn ràng gọi lên những giọt nắng cuối cùng của một mùa hè sắp dứt. Miện bây giờ đã rữa nát phải không em?

LÊ-BÁ-LĂNG

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Cuộc sống và con tim

Năm nay, tổ chức Y tế quốc tế (WHO) vừa phát động bên Âu-Châu một phong trào cổ gắng phổ biến cho đại-chúng hiểu biết những phương pháp ngăn ngừa các chứng bệnh về tim và máu.

Trong những năm gần đây, số người chết về bệnh tim tăng lên một cách đáng sợ, đặc biệt là ở các quốc-gia tiên-tiến, nơi nhịp sống trở thành gấp rút. Theo thống-kê của Viện *Fatigue* ở Pháp, cứ trong ba người chết thì có 1 người là vì bệnh tim. Do các tiến bộ lớn lao của y-học, ngày nay các bệnh truyền-nhiễm và nhiễm-trùng đã hoàn toàn bị chế-ngự. Tuy vậy, các bệnh về tim và áp-huyết cao vẫn còn là một mối ám ảnh cho giới y-học. Nguyên-nhân của các chứng bệnh này, theo một nhà chuyên môn, giáo sư Gurmar Björck ở Stockholm, thì cơ thể con người quá mệt mỏi vì lối sống máy móc hiện tại. Một số người làm việc không cần quan tâm đến cơ-thể của họ. Họ lúc nào cũng tính toán, suy nghĩ, làm việc theo giờ giấc nhất định như máy. Họ thiếu sự nghỉ ngơi an nhàn để cơ-thể và tâm-trí có thể lấy lại mức thăng bằng. Con người sẽ lần lần dậm ra cau có, gắt gỏng, thường mắc chứng mất ngủ, và các rối loạn về đời sống tình-dục; sau đó sẽ là những đau đớn của cơ-thể: đau lưng, đau tim, ăn uống khó tiêu và các rối loạn thần kinh. Sau cùng: bệnh tim xuất hiện.

Chậm... như ánh sáng

Theo Einstein, vận tốc ánh sáng (300.000 km / giây) là vận tốc giới hạn. Cái giới-hạn ấy đang bị coi thường. Trên *Bách-Khoa* số 271 (15-4-68) cũng trong

mục « Thời sự khoa học », chúng ta đã biết nhà vật-lý-học trẻ tuổi Gerald Feinberg của Viện đại-học Columbia cho rằng có những vật-thể di chuyển với vận tốc nhanh hơn ánh sáng và vật thể mới này được gọi là « *tachyon* ». Tuy nhiên, *tachyon* mới chỉ có trên lý thuyết, hiện chưa có một bằng chứng cụ thể nào về sự hiện hữu của vật-thể mới đó. Với đà tiến triển của khoa học không gian, ánh sáng có vẻ mất dần vai vế. Các nhà khoa học tính rằng, nếu một phi-hành-gia trong tương lai muốn đánh một bản tin từ đầu bên kia thiên-hà của chúng ta và được chuyển đi với vận-tốc của ánh sáng thì phải mất chẵn 100.000 năm mới tới trái đất! Rồi đây trong giới phi hành-gia sẽ có một thành-ngữ mới: « Chậm như ánh sáng »

Ca-tụng thân-xác kiểu Mỹ

Thân xác con người càng ngày càng tỏ ra hữu ích và đáng ca tụng hơn bao giờ hết.

Đầu tháng vừa qua, một đứa bé 11 tuổi bị chết trong một tai nạn xe hơi ở tại tiểu-bang California bên Hoa-kỳ. Lập tức nội nhật hôm đó, xác chú bé bị mổ ra, cắt lấy hai quả thận ghép cho hai người khác nhau, lá lách được đem nghiền lấy trích-tinh (extract) chích cho một người bị thiếu máu, và da thì được lột ra để chắp vá cho một người đàn bà bị phỏng nặng.

Ôi trái tim

Trái tim con người chẳng còn chỉ là quí báu nữa. Bất quá cũng như một món phụ tùng xe gẫu máy: hư rồi thì vứt bỏ, để thay cái khác tốt hơn.

Cái món phụ tùng khó thay ấy hiện vẫn còn treo lủng lẳng trong lồng ngực của nha-sĩ Philip Blaiberg, người được thay tim thứ nhì của bác sĩ Barnard và cũng là người duy nhất hiện nay sống sót sau một vụ thay tim. Thay tim bây giờ trở thành một cái « mốt » trong giới giải phẫu. Các tay chuyên môn có vẻ đang cầm sẵn con dao mổ, chờ có kẻ vừa nhắm mắt là vội vã xốt ngay trái tim. Kiểm được một trái tim lành mạnh để thay không phải là dễ, nên các tay chuyên môn gặp được dịp là không khi nào bỏ qua. Người ta còn ngờ rằng có khi vì quá háng hái, họ dám xén tim của bệnh nhân chưa chết hẳn, thay vì cố gắng cứu sống bệnh nhân. Sự nghi ngờ kia quả có thật : Chánh phủ Pháp vừa ra lệnh chỉ được phép coi là đã chết rồi khi mà não-điện-ký (electro-encephalogram) không còn hoạt động và bệnh nhân không còn một phản-xạ nào sau vài giờ đồng hồ. Giới chống đối đã ví cái « mốt » thay tim này như một « cuộc chạy đua tìm vàng bản thủ ».

Gái tô màu

Giới y-học và kỹ-nghệ vừa có thêm một phương tiện tối tân để khám bệnh và kiểm soát máy móc. Đó là một loại sơn đặc biệt, rất nhạy cảm đối với các thay đổi về nhiệt-năng, điện-năng hoặc hóa-năng. Loại sơn này là một thứ tinh-thể lỏng (liquid crystals), vừa có tính chất của một chất lỏng rót được như nước, vừa có tính chất của một tinh-thể phản-chiếu được ánh sáng.

Trong một cuộc thí nghiệm mới đây, loại sơn trên được phết lên lưng một cô gái, màu sắc của nó liền thay đổi theo sự phân phối nhiệt-độ trên lưng.

Dọc theo xương sống, nơi nhiệt-độ lao nhất, lớp sơn có màu xanh đậm, cao ở vùng giữa hai bả vai. Các vùng lạnh hơn như ở phần trên mông và phần

cạnh sườn sẽ có màu đỏ và xanh lá cây. Loại sơn này nhạy đến độ chỉ cần hút một vài hơi thuốc lá là lớp sơn ở bàn tay đổi sang màu xanh lá cây ngay. Nó có một giá-trị lớn lao giúp các nhà bào-chế kiểm chứng hiệu-quả của các thứ thuốc khi uống vào cơ-thể.

Trong lãnh-vực kỹ-nghệ, loại sơn này giúp kiểm-soát sức chịu đựng của các bộ phận đàn-hồi, kiểm soát các dụng-cụ điện... Khi một bộ phận nào bị yếu, sự co dãn sẽ làm nó nóng lên và biến lớp sơn thành màu xanh đậm.

TỬ DIỆP

BÁCH-KHOA thời-đại

Sáng lập : HUỖNH-VĂN-LANG
HOÀNG-MINH-TUYNH

Chủ nhiệm, Chủ bút :
LÊ-NGỘ-CHÂU

Thư ký Tòa soạn :

TÔN-THẮT-HÀM

Trị sự : NGHIÊM-NGỌC-HUÂN
NGUYỄN-HUY-NHÂN

Tòa soạn và Trị sự :

160 Phan-đình-Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

Hộp thư : 339 Saigon

oOo

GIÁ BẢO

MỖI SỐ : 25 đ.

SÁU THÁNG : 270 đ.

MỘT NĂM : 520 đ.